



ISSN: 1859 - 042X
Số 10
2017

TẠP CHÍ

Môi trường

CƠ QUAN CỦA TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

VIETNAM ENVIRONMENT ADMINISTRATION MAGAZINE (VEM) Website: tapchimoitruong.vn



**KIỂM TRA, GIÁM SÁT CHẶT CHẼ VIỆC THỰC HIỆN
CÁC CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
NHÀ MÁY GIẤY LEE & MAN HẬU GIANG**



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TÂY GIANG BẮC KẠN

Địa chỉ: Thôn 3, Xã Cẩm Giàng, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn

Chủ tịch HĐQT: Ông Trần Đại Minh - SĐT: 098 3531427



▲ Trụ sở Công ty

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Khai thác quặng sắt (Chính).

Chi tiết:

- Kinh doanh khai thác, chế biến, tận thu, tuyển luyện khoáng sản.

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt.
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm.
- Sản xuất sắt, thép, gang.
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý.
- Xây dựng nhà các loại.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Chi tiết:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng.

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu

Chi tiết:

- Nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng nhà máy chế biến khoáng sản
- Xuất khẩu sản phẩm FeMn
- Xuất nhập khẩu hàng hóa "Vật tư, phụ gia, hóa chất, nguyên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm của chúng (than đá, than cốc, than bùn, than mỡ)"
- Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, kinh doanh khoáng sản





CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM
PINACO

Số 321 Trần Hưng Đạo, P. Cô Giang, Q.1, TP.HCM

ĐT: (84 28)39203062/063 - Fax : (84 28) 39203 060/061



Chào mừng

*Kỷ niệm 63 năm Giải phóng Thủ đô
10/10/1954 - 10/10/2017*

KEM ĐÁNH RĂNG



RĂNG TRẮNG ĐẸP - NGỪA SÂU RĂNG

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI, HUYỆN BA VÌ, TP. HÀ NỘI

Địa chỉ: Xã Vật Lại, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội

Chủ tịch: Ông Chu Danh Báu - Điện thoại: 0982865275



Chào mừng Kỷ niệm 63 năm

Ngày Giải phóng Thủ đô 10/10/1954 - 10/10/2017



VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: nhà A30, 18 Hoàng Quốc Việt- Cầu Giấy – Hà Nội

Viện Công nghệ môi trường trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, được thành lập theo quyết định số 148/2002/QĐ-TTg ngày 30/10/2002 của Thủ Tướng Chính phủ. Viện có Phòng Quản lý tổng hợp; 11 phòng nghiên cứu; Trung tâm Công nghệ môi trường tại thành phố Hồ Chí Minh; Trung tâm Công nghệ môi trường tại thành phố Đà Nẵng. Với tổng số cán bộ công chức 172 người, trong đó 1 Giáo sư.Tiến sỹ; 5 phó giáo sư. tiến sỹ; 23 thạc sỹ; 123 KS/CN và KTV/CNKT.

Từ khi được thành lập đến nay, Viện CNMT luôn làm tốt nhiệm vụ: Nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khoa học công nghệ môi trường; Triển khai, ứng dụng và chuyển giao các kết quả nghiên cứu, các quy trình công nghệ vào thực tiễn, phục vụ công tác bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; Triển khai dịch vụ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực phân tích, đánh giá, dự báo, xử lý, cải thiện, quy hoạch môi trường và các lĩnh vực khoa học khác có liên quan; Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao trong lĩnh vực khoa học và công nghệ môi trường và các lĩnh vực khoa học khác có liên quan; hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công nghệ môi trường và các lĩnh vực khoa học khác có liên quan; quản lý về tổ chức, bộ máy, quản lý và sử dụng cán bộ công chức, viên chức của đơn vị theo quy định của Nhà nước và của Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam; quản lý về tài chính, tài sản, của đơn vị theo quy định của nhà nước; thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Viện giao.

Trong 15 năm qua, Viện Công nghệ môi trường đã đạt nhiều thành tích, cụ thể là: 42 đề tài/dự án khoa học- công nghệ cấp nhà nước, trong đó có 5 đề tài độc lập, 10 đề tài theo Nghị định thư, 4 đề tài thuộc Chương trình trọng điểm cấp nhà nước, 3 dự án sản xuất thử nghiệm, 13 đề tài nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng, 7 đề tài thuộc Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED), 4 đề tài bảo vệ môi trường và 23 đề tài ủy quyền thực hiện tại Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Viện HLKH&CNVN). Ở cấp Viện HLKH&CNVN, Viện CNMT đã chủ trì thực hiện 72 đề tài, bao gồm: 10 đề tài độc lập, 30 đề tài thuộc hướng ưu tiên, 9 đề tài hợp tác với các Sở ban ngành địa phương, 4 đề tài hợp tác quốc tế, 8 đề tài/nhiệm vụ do Chủ tịch Viện HLKH&CNVN giao trực tiếp, 5 dự án trọng điểm và 6 đề tài sản xuất thử nghiệm và 35 đề tài/dự án hợp tác và sở ban ngành địa phương. Các sản phẩm khoa học công nghệ như: sản xuất băng gạc nano bạc điều trị vết thương vết loét sâu lành SILVIET1; hệ thống xử lý nước thải bằng phương pháp lọc sinh học nhỏ giọt thông khí tự nhiên IET-BF; lò đốt chất thải rắn y tế VHL-18B; thiết bị làm sạch không khí bằng công nghệ xúc tác xúc tác quan hóa; bình lọc nước IET; chế phẩm vi sinh phân hủy chất thải hữu cơ tái tạo thành nguồn phân hữu cơ – sagi Bio 1; xử lý mùi chuồng trại chăn nuôi và bãi chôn lấp chất thải. Sáng chế: tháp lọc sinh học nhỏ giọt thông khí tự nhiên, hệ thống và phương pháp xử lý nước thải sử dụng tháp lọc này được cấp 30.9.2013; vật liệu lọc bằng sứ xốp cố định nano. Đăng 332 bài báo quốc tế, trên tạp chí, tuyển tập, kỷ yếu, hội nghị, hội thảo quốc gia giai đoạn 2012 -2016. Đào tạo 46 nghiên cứu sinh, phối hợp đào tạo 56 NCS, 117 cao học, 709 đại học.

Chính sự nỗ lực đó, năm 2017 Viện CNMT đã được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng Huân chương lao động Hạng nhì.



HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Văn Tài
(Chủ tịch)
GS. TS. Đặng Kim Chi
TS. Mai Thanh Dung
GS. TSKH. Phạm Ngọc Đăng
TS. Nguyễn Thế Đồng
GS. TS. Nguyễn Văn Phước
TS. Nguyễn Ngọc Sinh
PGS. TS. Nguyễn Danh Sơn
PGS. TS. Lê Kế Sơn
PGS. TS. Lê Văn Thắng
GS. TS. Trần Thục
TS. Hoàng Văn Thúc
PGS. TS. Trương Mạnh Tiến
GS. TS. Lê Văn Trình
GS. TS. Nguyễn Anh Tuấn
TS. Hoàng Dương Tùng
GS. TS. Bùi Cách Tuyến

TỔNG BIÊN TẬP

Đỗ Thanh Thủy
Tel: (024) 61281438

● **Trụ sở tại Hà Nội:** Tầng 7, Lô E2,
phố Dương Đình Nghệ,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Phòng Trị sự: (024) 66569135
Phòng Biên tập: (024) 61281446
Fax: (024) 39412053
Email: tapchimoitruongtcmt@vea.gov.vn
● **Thường trú tại TP. Hồ Chí Minh:**
Phòng A 403, Tầng 4 - Khu liên cơ quan
Bộ TN&MT, số 200 Lý Chính Thắng, phường 9,
quận 3, TP.HCM
Tel: (028) 66814471 - Fax: (028) 62676875
Email: tcmtphianam@gmail.com

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số 1347/GP-BTTTT cấp ngày 23/8/2011

Thiết kế mỹ thuật: **Nguyễn Việt Hùng**

Bìa: Đoàn công tác Bộ TN&MT kiểm tra
Nhà máy giấy Lee & Man Hựu Giang

Ảnh: **Việt Hùng**

Chế bản & in:

C.ty TNHH Thương mại Hải Anh

Số 10/2017

Giá: 15.000đ



SỰ KIỆN - HOẠT ĐỘNG

- [6] • Ngành TN&MT thực hiện nhiệm vụ chính trị trên tinh thần đổi mới toàn diện công tác chỉ đạo điều hành
- [7] • Tăng cường quản lý tổng hợp lưu vực sông



LUẬT PHÁP - CHÍNH SÁCH

- [8] ĐINH HƯƠNG: Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các cam kết bảo vệ môi trường của Nhà máy giấy Lee & Man Hựu Giang
- [10] HỒ KIÊN TRUNG: Tăng cường tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về ô nhiễm môi trường thông qua đường dây nóng
- [12] NGUYỄN THƯỢNG HIỀN, ĐỖ TIẾN ĐOÀN: Đánh giá hiện trạng công tác quản lý chất thải y tế nguy hại và đề xuất các giải pháp
- [16] LÊ TUẤN ĐỊNH: Hà Nội quyết tâm giải quyết các vấn đề môi trường
- [18] NGUYỄN THÀNH SINH: Lào Cai triển khai hiệu quả các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường
- [22] HỒNG HẠNH: Quảng Trị: Triển khai nhiều giải pháp tích cực về bảo tồn đa dạng sinh học
- [24] NGUYỄN MẠNH ĐIệp: Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam: Tập trung nguồn lực, triển khai hiệu quả công tác bảo vệ môi trường



TRAO ĐỔI - DIỄN ĐÀN

- [26] NGUYỄN HẰNG: Phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu
- [29] TRẦN BÍCH HỒNG, HÀN TRẦN VIỆT: Áp dụng bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường ở Việt Nam: Thuận lợi và khó khăn
- [30] PHƯƠNG LIÊN: Tăng cường giám sát các hoạt động khai thác và buôn bán chim hoang dã tại Việt Nam
- [32] ĐỖ MINH PHƯƠNG: Bảo vệ loài rùa biển trước nguy cơ buôn bán và săn bắn trái phép

TRONG SỐ NÀY



GIẢI PHÁP & CÔNG NGHỆ XANH

- [34] TRẦN ĐỨC HẠ: Quản lý bùn thải tại các bệnh viện và cơ sở y tế
- [36] TRẦN NGỌC HÙNG: Vật liệu địa kỹ thuật - Giải pháp hữu hiệu ngăn ngừa ô nhiễm môi trường tại các bãi thải
- [38] LÊ XUÂN ÁI, LÊ VĨNH THUẬN: Ứng dụng công nghệ phục hồi một số loài san hô cứng tại Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm



TĂNG TRƯỞNG XANH

- [39] PHẠM THỊ HUẾ: Tác động của hoạt động giao thông vận tải tới môi trường và đề xuất giải pháp giảm phát thải khí nhà kính
- [45] NGUYỄN THANH NGÂN: Văn phòng xanh - hướng tới thay đổi văn minh công sở
- [46] THANH HÀ: Washington D.C nỗ lực phát triển theo hướng xanh hóa
- [49] LÊ THỊ TỐ QUYÊN: Xử lý rác thải - Vấn đề cần quan tâm tại đảo Nam Du



MÔI TRƯỜNG & DOANH NGHIỆP

- [50] THU THẢO: Cà phê Phước An: Thương hiệu cà phê sạch, chất lượng cao
- [52] NGUYỄN QUANG LỢI: Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam: Đảm bảo an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong khai thác mỏ
- [54] HUYỀN TRANG: Công ty Cổ phần Pymepharco: Bảo vệ môi trường vì sức khỏe cộng đồng



MÔI TRƯỜNG & PHÁT TRIỂN

- [56] NGUYỄN MẠNH HÙNG: Lễ hội du lịch thác Bản Giốc lần thứ nhất, năm 2017: Phát triển du lịch bền vững, gắn với bảo vệ vững chắc an ninh - quốc phòng
- [58] VŨ THỊ HẠNH: Công tác bảo tồn đa dạng sinh học khu Dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An: 10 năm nhìn lại
- [59] NGUYỄN THỊ HƯỜNG: Phát triển bền vững Khu Bảo tồn thiên nhiên Tiên Hải
- [61] HOÀNG MINH NGUYỆT: Người cụt chiến binh giữ màu xanh trên đỉnh núi Nhàn
- [62] NGUYỄN MẠNH CUÔNG: Đẩy mạnh công tác bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen tại Vườn quốc gia Cúc Phương
- [64] NGUYỄN THỊ THU HÀ: Khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên nước thích ứng với biến đổi khí hậu tại Hà Giang



NHÌN RA THẾ GIỚI

- [66] LƯU TRANG: Essen - Thủ đô xanh của châu Âu 2017





Ngành TN&MT thực hiện nhiệm vụ chính trị trên tinh thần đổi mới toàn diện công tác chỉ đạo điều hành



Ngày 13/10/2017, tại Hà Nội, Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà cùng các Thứ trưởng: Nguyễn Linh Ngọc, Võ Tuấn Nhân đã chủ trì Hội nghị giao ban công tác 9 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2017.

Trong 9 tháng đầu năm, Bộ đã triển khai tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 và sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW về đổi mới chính sách, pháp luật đất đai; đánh giá tình hình triển khai thi hành Luật Đất đai, Luật BVMT năm 2014; trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ 9 đề án; ban hành theo thẩm quyền 30 Thông tư.

Triển khai Kế hoạch thanh, kiểm tra năm 2017, Bộ đã tiến hành 17 cuộc thanh, kiểm tra và 2 cuộc giám sát hoạt động Đoàn thanh tra. Thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh, kiểm tra đối với doanh nghiệp, Bộ đã điều chỉnh kế hoạch thanh, kiểm tra năm 2017; hướng dẫn địa phương xây dựng Kế hoạch thanh, kiểm tra năm 2018 nhằm đảm bảo sự thống nhất, tránh chồng chéo giữa Trung ương và địa phương. Đồng thời, Bộ tiếp nhận, phân loại, xử lý 2.527 lượt đơn, tương ứng với 1.368 vụ việc phải xử

lý; trong đó có 21 vụ việc Thủ tướng Chính phủ giao, 23 vụ việc thuộc thẩm quyền và trách nhiệm giải quyết của Bộ, 27 vụ việc đã có quyết định giải quyết cuối cùng và 111 vụ việc đã có quyết định giải quyết lần hai của địa phương, 1.186 vụ việc đang thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương (chiếm 87% số vụ việc).

Về cơ cấu tổ chức, Bộ đã xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ Dự thảo Quyết định ban hành danh sách các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ; Dự thảo Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Tổng cục: Biển và Hải đảo Việt Nam, Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Quản lý đất đai, Khí tượng thủy văn và Môi trường; ban hành theo thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 17/18 đơn vị, cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc Bộ giảm từ

1-2 phòng so với số phòng đã được quy định tại Nghị định số 36/2017/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ TN&MT.

Phát biểu tại Hội nghị, Bộ trưởng Trần Hồng Hà cho biết, năm 2017 là năm toàn ngành TN&MT thực hiện nhiều nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước, Quốc hội và Chính phủ trên tinh thần đổi mới toàn diện công tác chỉ đạo điều hành. Tính đến nay, các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành đều có chuyển biến và dấu ấn của sự đổi mới, mục tiêu hướng về địa phương, cơ sở, lấy đối tượng phục vụ là tổ chức, người dân, doanh nghiệp...

Để thực hiện nhiệm vụ 3 tháng cuối năm đạt hiệu quả, Bộ TN&MT sẽ trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến Dự án Luật Đo đạc và bản đồ tại Kỳ họp thứ IV; Hoàn thiện hồ sơ trình Quy hoạch sử dụng biển Việt Nam đến



năm 2050 và kế hoạch thực hiện giai đoạn 2017 - 2025; Tiếp tục đánh giá tình hình thi hành để đề xuất sửa đổi Luật Đất đai năm 2013, Luật BVMT năm 2014; Trình Chính phủ Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật BVMT; Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ 10 đề án; Ban hành theo thẩm quyền 39 Thông tư...

Tập trung triển khai Kế hoạch đã điều chỉnh thanh, kiểm tra năm 2017; Tổ chức giải quyết dứt điểm theo thẩm quyền các vụ việc khiếu nại, tố cáo, không để hình thành các điểm nóng, phức tạp, khiếu kiện vượt cấp, đặc biệt là các vụ việc của Thủ tướng Chính phủ giao, các vụ việc tồn đọng kéo dài.

Xây dựng cơ sở dữ liệu về TN&MT; Xác định danh mục đề tài, nhiệm vụ khoa học công nghệ năm 2018.

Đẩy mạnh triển khai Chương trình hành động của Bộ thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP về Chính phủ điện tử, xây dựng Khung kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ; Xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu TN&MT; Triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ để đảm bảo cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4...

VŨ NHUNG

Tăng cường công tác quản lý tổng hợp lưu vực sông



Ngày 17/10/2017, tại Đà Nẵng, Tổng cục Môi trường phối hợp với Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF) đã tổ chức Hội thảo khởi động xây dựng Dự án khu vực “Giảm thiểu ô nhiễm và duy trì dòng chảy môi trường các biển Đông Á thông qua triển khai quản lý tổng hợp lưu vực sông (LVS)”. Dự án được thực hiện tại 7 quốc gia Đông Nam Á, bao gồm: Campuchia, Indônêxia, Lào, Malaixia, Myanma, Philipin và Việt Nam.

Mục tiêu của Dự án là tăng cường quản lý tổng hợp LVS, giảm thiểu ô nhiễm từ các chất dinh dưỡng và hoạt động khác trên đất liền, duy trì dòng chảy môi trường và giảm thiểu tổn thương do biến đổi khí hậu, thông qua thực hiện quản lý tổng hợp LVS tại các quốc gia nêu trên. Hiện nay, Dự án đã bước vào giai đoạn chuẩn bị văn kiện, dựa trên quá trình tham vấn các bên liên quan tại mỗi quốc gia.

Tại Việt Nam, Ban điều phối Dự án đã xây dựng đề xuất Dự án Quản lý tổng hợp LVS Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ Quảng Nam - Đà Nẵng giai đoạn 2018 - 2020, nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng; tăng cường năng lực, cơ chế điều phối liên tỉnh trong quản lý tổng hợp; xây dựng các công cụ hỗ trợ quản lý; đánh giá các vấn đề ưu tiên trên LVS và vùng bờ; xây dựng và triển khai

mô hình dựa vào cộng đồng quản lý tài nguyên, BVMT LVS và vùng bờ...

LVS Vu Gia - Thu Bồn là một trong 9 hệ thống sông lớn của Việt Nam, có diện tích lưu vực là 10.350 km², chủ yếu thuộc địa phận tỉnh Quảng Nam và Đà Nẵng. Hàng năm, LVS Vu Gia - Thu Bồn cung cấp tổng lượng nước bình quân từ 20 - 22 tỷ m³, với nhiều tài nguyên phong phú, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử văn hóa nổi tiếng, đặc biệt là LVS nằm trong vùng mưa lớn nên có tiềm năng phát triển thủy điện. Tuy nhiên, sự phát triển thiếu bền vững của các nhà máy thủy điện dẫn đến sự thay đổi lớn về chế độ dòng chảy tự nhiên theo chiều hướng bất lợi; tăng khả năng gây lũ lụt mùa mưa, thiếu nước và xâm nhập mặn mùa khô; làm mất cân bằng sinh thái.

Kết luận Hội thảo, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường Hoàng Văn Thức mong muốn, trong thời gian tới, các Sở, ban, ngành, cơ quan liên quan tiếp tục hợp tác và phối hợp chặt chẽ với Tổng cục Môi trường, xây dựng hồ sơ thông tin cơ bản của LVS Vu Gia - Thu Bồn và vùng ven biển được lựa chọn; góp ý cho Dự thảo văn kiện Dự án; thông qua đề xuất văn kiện Dự án khu vực trong đó có hợp phần Việt Nam... để trình Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF) phê duyệt trước ngày 30/6/2018.

ĐỨC ANH



Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các cam kết bảo vệ môi trường của Nhà máy Giấy Lee & Man Hậu Giang

Dự án "Nhà máy sản xuất giấy cứng bao bì cao cấp sản lượng 420.000 tấn/năm" của Công ty TNHH giấy Lee & Man Việt Nam do Công ty Joint Creation Limited làm chủ đầu tư, được triển khai trên diện tích 419.957 m² tại Cụm công nghiệp tập trung Phú Hữu A, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, thời hạn hoạt động 70 năm, tổng vốn đầu tư là 280 triệu USD. Sau 6 tháng vận hành thử nghiệm (từ tháng 3 - 9/2017), dự kiến cuối tháng 10/2017, Dự án Nhà máy giấy Lee & Man Hậu Giang sẽ vận hành chính thức sau khi được Bộ TN&MT cấp giấy xác nhận hoàn thành các công trình BVMT.

5 YÊU CẦU ĐẶT RA ĐỐI VỚI NHÀ MÁY GIẤY LEE & MAN HẬU GIANG

Sau khi thị sát và kiểm tra việc hoàn thành công trình BVMT phục vụ giai đoạn vận hành tại Dự án Nhà máy giấy Lee & Man Hậu Giang, ngày 19/10/2017, Bộ trưởng Trần Hồng Hà cùng đoàn công tác của Bộ TN&MT đã có buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Hậu Giang và các địa phương có liên quan về công tác BVMT phục vụ giai đoạn vận hành của Nhà máy.

Theo Báo cáo của Tổ giám sát, Công ty TNHH giấy Lee & Man Việt Nam đã cơ bản hoàn thành các hạng mục công trình BVMT của Dự án theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đã được Bộ TN&MT phê duyệt; đồng thời, thực hiện nghiêm túc một số hạng mục BVMT bổ sung theo yêu cầu của Tổ giám sát để xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn. Hiện nay, nước thải, khí thải sau xử lý đều đạt quy chuẩn kỹ thuật trước khi thải ra môi trường; chất thải rắn được thu gom, vận chuyển, xử lý đúng quy định; môi trường khu vực Nhà máy được quản lý tốt, không khí xung quanh khu vực Nhà máy không có mùi hôi; công tác vệ sinh môi trường được quản lý và thực hiện nghiêm túc...

Trên cơ sở kết quả giám sát tại Nhà máy, cùng ý kiến đóng góp của các nhà khoa học, chuyên gia, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang Trương Cảnh Tuyên đề nghị Bộ TN&MT cho phép Nhà máy đi vào hoạt động chính thức và cam kết, tỉnh sẽ có kế hoạch giám sát chặt chẽ.

Kết luận tại buổi làm việc, Bộ trưởng Trần Hồng Hà biểu dương Tổ giám sát của Tổng cục Môi trường và Tổ kỹ thuật của UBND tỉnh Hậu Giang; đánh giá cao sự cố gắng, nỗ lực của Công ty TNHH giấy Lee & Man Việt Nam trong quá trình đầu tư xây dựng Nhà máy giấy và thực hiện các biện pháp BVMT. Bộ trưởng



▲ Bộ trưởng Trần Hồng Hà làm việc với lãnh đạo tỉnh Hậu Giang và các địa phương có liên quan

đã đặt ra 5 yêu cầu đối với Nhà máy giấy Lee & Man Hậu Giang, cụ thể:

Thứ nhất, tiếp tục duy trì vận hành liên tục, hiệu quả hệ thống xử lý khí thải, nước thải trong suốt quá trình hoạt động;

Thứ hai, sớm ban hành quy trình gắn với trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, nhân viên kỹ thuật trong quá trình vận hành hệ thống xử lý toàn bộ các chất thải, nước thải của Nhà máy;

Thứ ba, xây dựng và phê duyệt các định mức về kinh tế - kỹ thuật như vật tư, hóa chất, năng lượng, nước..., quản lý hệ thống định mức này theo các tiêu chuẩn ISO và công khai để cơ quan chức năng kiểm tra, giám sát chặt chẽ;

Thứ tư, Nhà máy cần sớm có biện pháp xử lý triệt để mùi hôi tại các khu vực có

khả năng phát sinh trong quá trình sản xuất;

Thứ năm, cần công khai kiểm tra, giám sát các doanh nghiệp chịu trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải của Nhà máy, đặc biệt là các chất thải như xỉ than, tro bay, xỉ đáy lò...; đảm bảo các doanh nghiệp này có đủ điều kiện, năng lực theo quy định của pháp luật.

Bộ trưởng Trần Hồng Hà cũng yêu cầu phải cụ thể hóa các cam kết BVMT của Nhà máy giấy Lee & Man Hậu Giang; đồng thời, Bộ trưởng giao Tổng cục Môi trường phối hợp với tỉnh Hậu Giang thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc triển khai thực hiện các cam kết BVMT của Tổng giám đốc Công ty TNHH giấy Lee & Man Việt Nam.

Đối với tỉnh Hậu Giang, Bộ trưởng Trần Hồng Hà giao



Sở TN&MT tỉnh Hậu Giang thường xuyên theo dõi số liệu tại trạm quan trắc tự động hệ thống xử lý nước thải; định kỳ hoặc đột xuất (khi cần) kiểm tra thực tế môi trường; xây dựng chương trình phối hợp với Nhà máy về công khai thông tin, tuyên truyền, giám sát môi trường khu vực Nhà máy. Ngoài ra, Sở cần phối hợp với các Sở, ban/ngành liên quan lập và triển khai phương án giám sát chất lượng môi trường nước sông Hậu, xung quanh khu vực Nhà máy giấy Lee & Man Hậu Giang; có phương án ứng phó sự cố môi trường và kiểm soát an ninh môi trường; tăng cường kiểm tra công tác BVMT đối với các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là cơ sở xả thải trực tiếp ra sông Hậu; xử phạt nghiêm những hành vi cố tình vi phạm pháp luật về BVMT; phối hợp với các tỉnh thượng nguồn sông Hậu xây dựng chương trình phối hợp giám sát, quản lý môi trường nước trên toàn bộ lưu vực sông, đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững khu vực.

NHÀ MÁY GIẤY LEE & MAN HẬU GIANG ĐÃ CHUẨN BỊ SẴN SÀNG CHO VIỆC VẬN HÀNH CHÍNH THỨC

Hiện nay, Nhà máy đã hoạt động 100% so với công suất thiết kế, các hạng mục công trình Nhà máy đã hoàn thành và đưa vào vận hành gồm: Tòa nhà văn phòng, bến cảng chuyên dùng quốc tế Lee & Man và kho thành phẩm; Nhà máy sản xuất giấy cứng bao bì cao cấp, công suất 420.000 tấn/năm; Tổ máy số 1, công suất 50 MW của Nhà máy nhiệt điện đốt than; Nhà máy nước cấp sử dụng nước sông Hậu, giai đoạn 1 công suất 40.000 m³/ngày; Trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung giai đoạn 1 là 20.000 m³/ngày.

Trong thời gian vận hành thử nghiệm tại Nhà máy, Bộ TN&MT đã thành lập Tổ giám sát quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải (theo Quyết định số 369/QĐ-BTNMT ngày 10/3/2017) và UBND tỉnh Hậu Giang đã thành lập Tổ kỹ thuật thường trực giám sát quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải (theo Quyết định số 388/QĐ-UBND ngày 14/3/2017).

Đối với biện pháp xử lý nước thải, Công ty đã thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt như: Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải với công suất 20.000 m³/ngày, đêm; xây dựng hồ sinh học lưu chứa nước thải sau xử lý; lắp đặt 2 trạm quan trắc tự động nước thải trước và sau hồ sinh học; truyền dữ



▲ Tổng Giám đốc Nhà máy giấy Lee & Man Hậu Giang báo cáo với Bộ trưởng Trần Hồng Hà và đoàn công tác chất lượng nước thải sau xử lý



▲ Toàn cảnh Nhà máy giấy Lee & Man Hậu Giang

liệu quan trắc tự động liên tục về Sở TN&MT Hậu Giang...

Về biện pháp quản lý, xử lý khí thải, bụi, mùi hôi phát sinh tại Nhà máy, Công ty đã thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý và thải qua ống khói cao 150 m, lắp đặt trạm quan trắc khí thải tự động liên tục để theo dõi thường xuyên các chỉ số ô nhiễm, qua đó kịp thời xử lý khi có dấu hiệu bất thường. Đến nay, Công ty đã lắp đặt lưới chắn bụi tại kho than, trồng cây tại vị trí đất trống sau kho than; hệ thống phun sương khử mùi khu chứa bùn thải; hệ thống khử mùi bằng ô zôn, than hoạt tính tại bể A/O và bể bùn; 2 tháp khử mùi bổ sung; lắp đặt các tấm chắn giảm thiểu tiếng ồn tại tầng thứ 3 của tháp giải nhiệt nước làm mát tuần hoàn Nhà máy nhiệt điện. Tại khu vực lưu giữ bã giấy, Công ty đã che phủ bạt

để tránh phát tán mùi hôi ra xung quanh.

Các loại chất thải phát sinh được Công ty thu gom, chuyển giao xử lý cho cơ quan chức năng theo đúng quy định. Trong quá trình hoạt động, các vấn đề phát sinh có liên quan đến môi trường đều được Công ty thông báo đến chính quyền địa phương và nhân dân trong khu vực.

Là một trong những cơ sở sản xuất giấy lớn nhất ở đồng bằng sông Cửu Long, lưu lượng xả thải ra môi trường của Nhà máy là vấn đề khiến dư luận đặc biệt quan tâm trong thời gian gần đây. Do đó, chuyến kiểm tra lần này của Bộ TN&MT là bước chuẩn bị quan trọng để Nhà máy giấy Lee & Man Hậu Giang vận hành chính thức sau 6 tháng vận hành thử nghiệm.

**ĐINH HƯƠNG
ẢNH: VIỆT HÙNG**



Tăng cường tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về ô nhiễm môi trường thông qua đường dây nóng

HỒ KIÊN TRUNG

Chánh Văn phòng Tổng cục Môi trường

Trong thời gian qua đã xảy ra nhiều sự cố ô nhiễm, suy thoái môi trường trên diện rộng, các điểm nóng về môi trường do xả thải, chôn lấp chất thải diễn ra ở nhiều nơi và có xu hướng ngày càng gia tăng, gây hậu quả lớn về kinh tế, xã hội, môi trường, ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống và sức khỏe của người dân, gây mất an ninh trật tự, bức xúc trong dư luận. Cùng với đó, các thông tin phản ánh, kiến nghị của báo chí, tổ chức và người dân về tình hình ô nhiễm, vi phạm pháp luật về BVMT ngày một đa dạng và mang tính thời sự cao, trở thành kênh thông tin quan trọng phục vụ đắc lực cho công tác quản lý nhà nước về BVMT.

Tuy nhiên, công tác tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh về ô nhiễm môi trường (ÔNMT) từ Trung ương đến địa phương còn lúng túng; chưa nắm bắt kịp thời, xử lý nhanh các thông tin phản ánh, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân. Trong thời gian qua, Bộ TN&MT đã nhận được phản ánh của một số cơ quan, báo chí và truyền thông liên quan đến việc phóng viên liên hệ với các cơ quan chức năng của chính quyền địa phương về tình hình gây ÔNMT trên địa bàn quản lý nhưng không nhận được sự phối hợp tích cực và xử lý kịp thời. Trước tình hình đó, Bộ đã có công văn yêu cầu các địa phương chấn chỉnh việc tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh của báo chí, tổ chức và người dân về các hành vi gây ÔNMT trên địa bàn quản lý, song việc thành lập và xử lý thông tin tiếp nhận qua đường dây nóng của các địa phương còn chậm, mang tính hình thức, hiệu quả thấp, thậm chí có địa phương chưa thành lập đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý các thông tin về các

vấn đề môi trường trên địa bàn. Hầu hết, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chưa thực hiện nghiêm túc yêu cầu báo cáo kết quả tiếp nhận, kiểm tra, xác minh, xử lý thông tin của người dân, cơ quan báo chí và truyền thông phản ánh về tình hình ÔNMT trên địa bàn về Bộ TN&MT.

Nhằm khắc phục những hạn chế nêu trên, tăng cường việc tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về ÔNMT, đồng thời phát huy vai trò của người dân và cộng đồng trong BVMT, tạo bước chuyển biến trong công tác ứng phó, xử lý ÔNMT, ngày 10/10/2017, Bộ trưởng Bộ TN&MT đã ký ban hành Chỉ thị số 03/CT-BTNMT về việc tăng cường tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về ÔNMT thông qua đường dây nóng (Chỉ thị).

Chỉ thị tập trung giải quyết ba vấn đề chính: Một là, lập, vận hành đường dây nóng (gồm số điện thoại và địa chỉ thư điện tử) để tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về ÔNMT từ Trung ương đến địa phương, hoạt động thông suốt, liên tục 24/24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần, bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ. Trong đó, đường dây nóng cấp Trung ương được thiết lập và đặt tại Tổng cục Môi trường; đường dây nóng cấp địa phương

của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được chấn chỉnh, thiết lập và đặt tại Sở TN&MT. Hai là, xây dựng, ban hành, thực hiện quy trình tiếp nhận, xác minh, xử lý và phản hồi thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về ÔNMT qua đường dây nóng thống nhất từ Trung ương đến địa phương (kèm theo danh mục hệ thống đường dây nóng). Ba là, xây dựng, vận hành phần mềm trực tuyến tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về vi phạm pháp luật TN&MT từ Trung ương đến địa phương.

Để tổ chức triển khai thực hiện các nội dung trên, Chỉ thị đã quy định trách nhiệm, thời hạn hoàn thành cụ thể đối với các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ TN&MT, Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Theo đó, Tổng cục Môi trường có trách nhiệm: Chỉ định một đơn vị trực thuộc Tổng cục làm đầu mối vận hành, quản lý đường dây nóng cấp Trung ương; bố trí cán bộ thường trực 24/24 giờ để tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị qua đường dây nóng; Xử lý, phản hồi thông tin đối với các vấn đề ÔNMT có tính chất liên vùng, liên tỉnh; các tổ chức, cá nhân gây ÔNMT thuộc thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (hoặc văn bản tương đương) của Bộ TN&MT và



của các Bộ có chức năng quản lý nhà nước về BVMT; Bố trí kinh phí thường xuyên cho việc quản lý, vận hành đường dây nóng cấp Trung ương; kinh phí cho việc xác minh, xử lý, phản hồi thông tin qua đường dây nóng cấp Trung ương theo thẩm quyền; Đầu mối theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về ÔNMT thông qua đường dây nóng trên phạm vi cả nước; định kỳ hàng tháng, quý, năm tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng kết quả thực hiện.

Văn phòng Bộ, Vụ Thi đua - Khen thưởng và Tuyên truyền, Báo TN&MT, Tạp chí TN&MT tổ chức phổ biến thông tin, tuyên truyền để tổ chức, cá nhân nắm bắt được việc tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị về ÔNMT qua đường dây nóng trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ, Báo TN&MT, Tạp chí TN&MT. Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường tổ chức xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ TN&MT phân mềm trực tuyến tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về vi phạm pháp luật TN&MT từ Trung ương đến địa phương.

Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm: Quy định cụ thể và bố trí cán bộ thường trực 24/24 giờ để tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị qua đường dây nóng cấp địa phương; Xử lý, phản hồi thông tin đối với các vấn đề ÔNMT diễn ra trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về BVMT của Ủy ban nhân dân các cấp; Bố trí kinh phí thường xuyên cho việc quản lý, vận hành đường dây nóng cấp địa phương; kinh phí cho việc xác minh, xử lý, phản hồi thông tin qua đường dây nóng cấp địa phương theo thẩm quyền; Định kỳ tổng hợp, báo cáo Bộ TN&MT trước ngày 30 hàng tháng về kết quả tiếp nhận, xử lý và phản hồi thông tin qua đường dây nóng cấp địa phương.

Việc ban hành và thực hiện Chỉ thị được kỳ vọng sẽ phát huy vai trò của tổ chức, cá nhân và cộng đồng trong BVMT; tạo bước chuyển biến trong công tác ứng phó, xử lý ÔNMT, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về BVMT từ Trung ương đến địa phương, góp phần phòng ngừa, ngăn chặn, hạn chế, xử lý kịp thời tình trạng ÔNMT trên phạm vi cả nước, đồng thời nâng cao sự hài lòng của người dân đối với công tác BVMT■



Công bố tiêu chí Nhãn xanh cho 3 loại sản phẩm

Vừa qua, Bộ TN&MT đã ban hành Quyết định số 2186/QĐ-BTNMT công bố tiêu chí Nhãn xanh Việt Nam cho 3 loại sản phẩm: Pin; máy photocopy; bóng đèn LED và mô đun LED dùng cho chiếu sáng thông dụng. Theo đó, các cơ sở sản xuất, xuất khẩu những sản phẩm trên phải tuân thủ các quy định của pháp luật về BVMT, trong đó có các quy định về quản lý chất thải, quản lý và sử dụng hóa chất.

Để được cấp Nhãn xanh Việt Nam, các sản phẩm pin phải đạt được các tiêu chí: Đảm bảo chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật, hoặc tiêu chuẩn quốc gia đối với từng loại pin; Có biện pháp, kế hoạch tiết kiệm nhiên liệu trong quá trình sản xuất; Thủy ngân không vượt quá 5ppm, cadmium không vượt quá 20 ppm, chì không vượt quá 100 ppm. Hạn chế việc sử dụng thủy ngân (Hg), chì (Pb) và cadmium (Cd) làm nguyên liệu sản xuất sản phẩm pin. Đồng thời, các cơ sở sản xuất phải có biện pháp kiểm soát tác động của thủy ngân (Hg), chì (Pb) và cadmium (Cd) đến môi trường và sức

khỏe người lao động trong quá trình sản xuất pin.

Đối với các máy photocopy phải đáp ứng các yêu cầu về các thông số bụi, ôzôn, tổng hợp chất hữu cơ bay hơi (VOCs), benzen, styren, cũng như độ ồn phát ra trong quá trình sử dụng, vận hành máy (cả ngưỡng áp suất âm thanh và mức công suất âm thanh); Tiêu thụ năng lượng và tài nguyên đáp ứng Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9510:2012, hoặc các yêu cầu Nhãn Năng lượng của Bộ Công Thương; tái chế trong quá trình sản xuất và sản phẩm thải bỏ sau khi sử dụng...

Đối với các loại đèn LED, trong quá trình sản xuất không sử dụng Pb, Cd, Hg và các hợp chất của chúng, các hợp chất có crôm hóa trị 6 (Cr⁶⁺); Không sử dụng polybrominated biphenyls (PBBs), polybromodiphenyl ethers (PBDEs) và các paraffin mạch ngắn (C=10÷13) clo hóa, với hàm lượng clo từ 50% trở lên; Không sử dụng chì trong hàn, kết nối các chi tiết của sản phẩm...

DUY BẠCH



Đánh giá hiện trạng công tác quản lý chất thải y tế nguy hại và đề xuất các giải pháp

ThS. NGUYỄN THUỖNG HIỀN, ThS. ĐỖ TIẾN ĐOÀN

Cục Quản lý chất thải và Cải thiện môi trường
Tổng cục Môi trường

Cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, công tác quản lý môi trường y tế đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Tuy nhiên, lượng chất thải y tế phát sinh từ các hoạt động khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế ngày một gia tăng, đòi hỏi phải nâng cao công tác quản lý. Thống kê của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) cho thấy, khoảng 80% chất thải từ các cơ sở y tế là chất thải thông thường và 20% còn lại là chất thải y tế nguy hại. Do vậy, việc đánh giá tình hình phát sinh, thu gom và xử lý chất thải y tế là một yêu cầu cần thiết nhằm tăng cường công tác quản lý chất thải y tế nói riêng và bảo vệ môi trường (BVMT) nói chung.

CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LÝ VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI Y TẾ

Ngay sau khi Luật BVMT năm 2014 được Quốc hội thông qua, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 về quản lý chất thải và phế liệu, trong đó chất thải y tế được quy định là chất thải đặc thù với những quy định riêng, phù hợp với điều kiện thực tế. Tiếp đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) đã ban hành Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 về quản lý chất thải nguy hại (CTNH), đồng thời Bộ TN&MT cũng phối hợp với Bộ Y tế ban hành Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 quy định về quản lý chất thải y tế, trong đó quy định cụ thể việc phân loại, thu gom, phương tiện vận chuyển chất thải y tế nguy hại và các vấn đề pháp lý cho cơ sở y tế thực hiện việc xử lý, tự xử lý chất

thải y tế nguy hại, sử dụng chứng từ CTNH (hoặc Sổ giao nhận), quản lý hồ sơ môi trường của cơ sở y tế...

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 49 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, hiện có 3 hình thức xử lý chất thải y tế đang được áp dụng, gồm:

Xử lý tập trung: Tại các thành phố, khu đô thị lớn hoặc những nơi có các doanh nghiệp xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý tập trung tại cơ sở xử lý có đủ điều kiện, đảm bảo xử lý một cách triệt để, không gây ô nhiễm môi trường. Đây là mô hình đang được nhiều địa phương

triển khai và phát huy hiệu quả. Với mô hình này, các doanh nghiệp xử lý chất thải nguy hại phải thực hiện thủ tục theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT để được Bộ TN&MT xem xét, cấp phép xử lý CTNH trước khi đi vào hoạt động.

Xử lý theo cụm là một cơ sở y tế ở trung tâm cụm thực hiện thu gom và xử lý chất thải y tế cho một số cơ sở y tế lân cận xung quanh. Hình thức này đang được áp dụng rộng rãi tại nhiều địa phương, đặc biệt phù hợp cho việc xử lý chất thải y tế đối với các cơ sở y tế quy mô nhỏ và có khoảng cách gần nhau. Mô hình xử lý này theo đó sẽ không phải thực hiện các thủ tục để được cấp phép xử



▲ Rác thải y tế nguy hại phải được bảo quản và bố trí riêng biệt trước khi đưa đi xử lý



lý CTNH, tuy nhiên phải được UBND tỉnh phê duyệt tại Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn.

Xử lý tại chỗ: Đối với những nơi chưa có cơ sở xử lý tập trung hoặc xử lý theo cụm hoặc tại các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa, điều kiện đi lại khó khăn, hiện đang áp dụng hình thức xử lý chất thải y tế tại chỗ bằng các phương pháp phù hợp với điều kiện của cơ sở. Về mặt pháp lý, hình thức xử lý tại chỗ của cơ sở y tế phải được Sở TN&MT cho phép trong quá trình cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

Để giải quyết những vướng mắc, khó khăn đặc thù của từng địa phương, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT (Điều 23) và Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT (Điều 22) đã giao Sở TN&MT chủ trì, phối hợp với Sở Y tế lập, trình UBND cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn, bảo đảm phù hợp với điều kiện của địa phương và quy định của pháp luật về BVMT. Đến nay đã có 14/63 tỉnh, thành phố ban hành kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại, góp phần giải quyết những vướng mắc, bất cập trong việc quản lý chất thải y tế nguy hại tại mỗi địa phương.

Ngoài các quy định chung nêu trên, hiện nay, một số các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan tới hoạt động quản lý chất thải y tế đã được ban hành như Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế QCVN

28:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế QCVN 02:2012/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm QCVN 55:2013/BTNMT... góp phần chuẩn hóa công tác quản lý chất thải y tế tại Việt Nam.

TÌNH HÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI BÊN NGOÀI CƠ SỞ Y TẾ

Tính đến tháng 10/2017, Bộ TN&MT đã cấp Giấy phép xử lý CTNH cho 107 cơ sở, trong đó có 7 cơ sở thực hiện việc xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình tập trung (chỉ xử lý riêng chất thải y tế) tại Hà Nội, Hải Phòng, Nghệ An, Quảng Nam, Bình Định, TP. Hồ Chí Minh, An Giang. Các cơ sở này đa phần chỉ thu gom, xử lý chất thải y tế phát sinh trong nội bộ tỉnh, thành phố và có công suất xử lý phổ biến ở mức từ 600 - 2.000 tấn/năm. Ngoài ra, còn có các đơn vị xử lý CTNH cũng thực hiện việc thu gom chất thải y tế phát sinh và xử lý tại lò đốt CTNH đã được cấp phép như tại các tỉnh Hải Dương, Quảng Ngãi,

Nam Định... với công suất xử lý của lò đốt từ 100 kg/h đến 2.000 kg/h. Trong năm 2016, các đơn vị đã được Bộ TN&MT cấp phép đã xử lý hơn 11.600 tấn chất thải y tế nguy hại do các bệnh viện, cơ sở y tế chuyển giao. Lượng chất thải y tế nguy hại còn lại được các cơ sở y tế xử lý tại chỗ hoặc xử lý theo mô hình cụm. Hình thức này có ưu điểm là xử lý chất thải y tế nguy hại ngay tại nơi phát sinh, nhưng cũng có nhược điểm là nếu không được quản lý chặt chẽ thì sẽ phát sinh chất thải thứ cấp gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.

Để xử lý chất thải y tế nguy hại, các cơ sở xử lý thường áp dụng công nghệ lò đốt hai cấp (sơ cấp và thứ cấp). Theo đó, chất thải y tế nguy hại được thiêu đốt triệt để ở nhiệt độ cao từ 650°C - 1.050°C, khí thải được giải nhiệt, qua cyclon lắng bụi, và qua tháp hấp thụ để hấp thụ các chất ô nhiễm có trong khí thải. Một số thiết bị có bổ sung tháp hấp phụ bằng than hoạt tính trước khi thải ra môi trường qua ống khói. Các lò đốt này đều phải đáp ứng các quy định



▲ Xử lý chất thải rắn y tế bằng công nghệ vi sóng (không đốt) tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng



tại QCVN 02:2012/BTNMT về lò đốt chất thải rắn y tế.

Ngoài ra, một số cơ sở y tế hoặc cơ sở xử lý chất thải có sử dụng công nghệ không đốt để xử lý chất thải y tế lây nhiễm như hấp khử khuẩn hoặc công nghệ vi sóng. Đây là công nghệ thân thiện với môi trường đang được khuyến khích áp dụng nhằm làm giảm nguy cơ phát sinh khí thải độc hại không mong muốn trong phương pháp thiêu đốt như dioxin/furan. Hơn nữa, việc áp dụng công nghệ khử khuẩn sẽ làm giảm chi phí đầu tư và vận hành so với phương pháp thiêu đốt, chất thải sau khi khử khuẩn được xử lý như chất thải thông thường. Do các bệnh viện lớn đều có khoa vi sinh nên việc kiểm soát chất lượng khử khuẩn thuận tiện và có tính khả thi cao hơn so với việc kiểm soát khí thải lò đốt chất thải rắn y tế. Bộ TN&MT cũng đã ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 55:2013/BTNMT về thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm để kiểm soát về kỹ thuật cũng như chất lượng khử khuẩn đối với phương pháp xử lý này. Tuy nhiên, phương pháp này có nhược điểm là chất thải y tế không được xử lý triệt để, chất thải rắn sau khi khử khuẩn vẫn cần tiếp tục được xử lý theo quy định về quản lý chất thải thông thường. Hiện đã có một số cơ sở xử lý chất thải y tế tập trung tại Hà Nội áp dụng công nghệ này và đã được Bộ TN&MT cấp Giấy phép xử lý CTNH.

Mặc dù công tác quản lý chất thải y tế đã được đẩy mạnh và đạt được những kết quả đáng ghi nhận trong thời gian qua nhưng hiện vẫn còn một số khó khăn tồn tại, cụ thể:

- Việc quản lý chất thải rắn y tế thông thường, đặc biệt là quy định về sản phẩm có thể tái chế sau xử lý bằng thiết bị khử khuẩn đang còn nhiều lúng túng và không thống nhất ở các cơ sở y tế. Ngoài ra, việc hướng dẫn về thủ tục pháp lý đối với xử lý chất thải theo mô hình cụm cần phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung hay không? hay việc thực hiện hồ sơ môi trường khi bổ sung, thêm mới các công trình BVMT phục vụ quá trình xử lý chất thải phát sinh của cơ sở y tế hiện vẫn chưa rõ ràng.

- Kinh phí chi cho đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải y tế còn thiếu trong khi nhu cầu đầu tư để xây dựng/cải tạo các

hệ thống xử lý chất thải y tế là rất lớn. Ngoài ra, kinh phí chi cho vận hành thường xuyên và bảo dưỡng hệ thống xử lý chất thải y tế của nhiều cơ sở y tế vẫn còn thiếu; chưa có cơ chế và định mức chi cho xử lý chất thải tại các cơ sở y tế và chưa được đưa vào quy định trong ngân sách chi thường xuyên của đơn vị.

- Công tác quản lý, chỉ đạo về quản lý chất thải y tế còn gặp khó khăn do phạm vi quản lý rộng và đa dạng các loại hình cơ sở y tế (hơn 13.000 cơ sở y tế các tuyến, các loại hình). Năng lực của cán bộ làm công tác quản lý chất thải y tế ở nhiều nơi còn mang tính kiêm nhiệm, chưa đáp ứng được yêu cầu. Các quy định về quản lý chất thải y tế còn chưa đến được với đối tượng áp dụng do hạn chế trong hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật.

- Ý thức tham gia vệ sinh, thu gom chất thải y tế của người bệnh, người nhà người bệnh và một số cơ sở y tế còn chưa cao, trong một số trường hợp còn thải chung chất thải y tế nguy hại với chất thải y tế thông thường, một số cơ sở y tế còn chuyển giao chất thải y tế cho đơn vị không có chức năng xử lý.

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP QUẢN LÝ CHẤT THẢI Y TẾ TRONG THỜI GIAN TỚI

Để tăng cường công tác quản lý chất thải y tế trong thời gian tới, các Bộ, ngành và địa phương cần thực hiện đồng bộ các giải pháp:

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các văn bản pháp quy về quản lý chất thải y tế, đặc biệt là xây dựng quy định về xử lý chất thải y tế thông

thường, quy định về sử dụng, tái chế chất thải y tế sau quá trình hấp khử khuẩn, các quy định về hồ sơ môi trường đối với các cơ sở xử lý chất thải y tế theo mô hình cụm và xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật khác như quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xử lý chất thải y tế lây nhiễm bằng lò vi sóng...;

- Xây dựng các chính sách ưu đãi, khuyến khích các cơ sở xử lý chất thải đầu tư các thiết bị, công nghệ xử lý chất thải theo hướng hiện đại, thân thiện với môi trường. Hỗ trợ đầu tư xử lý chất thải y tế theo hình thức hợp tác công tư để đầu tư, xây dựng các công trình, hạng mục BVMT tại cơ sở y tế nhằm phát triển năng lực xử lý chất thải y tế tại Việt Nam cả về chất lượng và số lượng;

- Các địa phương, cần cứ vào quy hoạch, điều kiện địa lý kinh tế và môi trường địa phương nhanh chóng xây dựng, hoàn thiện, phê duyệt Kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn;

- Tăng cường các biện pháp giảm thiểu việc phát sinh chất thải y tế, phân loại chất thải tại nguồn, đảm bảo chất thải y tế nguy hại được phân loại và quản lý riêng với chất thải y tế thông thường;

- Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử phạt thích đáng đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm về quản lý chất thải y tế, đặc biệt là đối với các hành vi xả thải chất thải y tế chưa qua xử lý ra môi trường.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức của các cấp, các ngành, các cơ sở y tế, nhân dân về quản lý chất thải y tế■



XỬ LÝ RÁC THẢI Y TẾ BẰNG CÔNG NGHỆ HẤP ƯỚT

Ngày 5/10/2017, Bệnh viện Lê Lợi, TP.Vũng Tàu (Bà Rịa-Vũng Tàu) đã đưa vào vận hành hệ thống xử lý chất thải rắn bằng công nghệ hấp ướt thân thiện với môi trường.

Hệ thống xử lý chất thải rắn bằng công nghệ hấp ướt thân thiện với môi trường được đầu tư với kinh phí hơn 4 tỷ đồng thuộc Dự án hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện sử dụng vốn vay của Ngân hàng thế giới. Hệ thống này có công suất xử lý một mẻ rác từ 12-15 kg, trong thời gian từ 25-30 phút. Mỗi ngày, hệ thống này xử lý từ 6-16 mẻ.

Theo đại diện Bệnh viện Lê Lợi, trung bình mỗi ngày bệnh viện phát sinh từ 500-600 kg rác thải y tế, trong đó có đến 20% rác thải y tế lây nhiễm. Trước đây, bệnh viện có lò đốt rác thải nhưng khi vận hành lò đốt phát tán khói, gây ảnh hưởng đến đội ngũ cán bộ và người dân. Với công nghệ xử lý rác bằng hơi nước sẽ không



▲ Kiểm tra thông số của hệ thống xử lý chất thải rắn y tế

gây khói, mùi hôi như lò đốt. Rác thải y tế lây nhiễm sau khi được xử lý bằng hệ thống này sẽ chuyển thành rác thải thông thường.

HOÀNG ĐÀN

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH SƠN LA HOÀN THÀNH XỬ LÝ TRIỆT ĐỂ Ô NHIỄM



▲ Hệ thống xử lý nước thải tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La có công suất thiết kế 350 m³/ngày đêm.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La là một trong các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong Phụ lục 1, Quyết định số 64/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Năm 2016, Bệnh viện Đa khoa tỉnh được UBND tỉnh Sơn La ra quyết định về việc nâng quy mô giường bệnh từ 350 giường lên 500 giường

với 31 khoa phòng, 1 trung tâm; trong đó có 7 phòng chức năng, 18 khoa lâm sàng và 6 khoa cận lâm sàng, với tổng số 359 cán bộ y bác sỹ.

Để xử lý ô nhiễm triệt để, bệnh viện đã được Sở Y tế tỉnh Sơn La đầu tư xây dựng mạng lưới thu gom, xử lý nước thải y tế, bao gồm mạng lưới đường ống dẫn - thoát nước thải tại

các phòng - khoa trong bệnh viện. Mỗi khoa trong bệnh viện đều có 1 bể tự hoại 3 ngăn và 1 hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng công nghệ AAO - Nhật Bản, với công suất thiết kế 350 m³/ngày đêm. Đối với chất thải rắn y tế, bệnh viện đã tổ chức phân loại, thu gom và lưu trữ trong khu xử lý chất thải của bệnh viện. Sau đó, chất thải được xử lý bằng lò đốt rác thải y tế Model: Mediburner 08-50W có công suất 50kg/mẻ; thời gian đốt 2h.

Chi cục Bảo vệ môi trường Sơn La đã được giao thẩm định hồ sơ để nghị chứng nhận cơ sở gây ô nhiễm môi trường đã hoàn thành xử lý triệt để; đồng thời, tham mưu cho Sở TN&MT thành lập đoàn kiểm tra thực địa tại bệnh viện. Đoàn kiểm tra đã tiến hành lấy mẫu, phân tích đối với nước thải, khí thải. Kết quả cho thấy, các thông số ô nhiễm đều đạt theo QCVN 28:2010/ BTNMT Quy chuẩn quốc gia về nước thải y tế (cột B) và khí thoát ra ngoài đảm bảo QCVN 02:2012/ BTNMT (cột B). Trên cơ sở đó, Sở TN&MT Sơn La đã ban hành Quyết định số 126/QĐ-STNMT về việc chứng nhận cơ sở đã hoàn thành xử lý ô nhiễm triệt để theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La. Trong thời gian tới, Sở TN&MT Sơn La yêu cầu Bệnh viện Đa khoa tỉnh tiếp tục duy trì liên tục, thường xuyên các biện pháp BVMT, bảo đảm đạt các tiêu chuẩn môi trường quốc gia.

SƠN TÙNG



Hà Nội quyết tâm giải quyết các vấn đề môi trường

Trước những thách thức về tình trạng ô nhiễm môi trường (ÔNMT) ngày càng báo động, TP. Hà Nội đang tập trung các giải pháp và nguồn lực để giải quyết vấn đề này. Bên cạnh việc đầu tư cho công tác kiểm soát và xử lý ÔNMT, triển khai thực hiện các chương trình, đề án, quy hoạch về BVMT và đa dạng sinh học, Thành phố (TP) còn ban hành một số văn bản pháp luật quan trọng, khẳng định quyết tâm của Thành ủy, UBND TP và các cấp, ngành để giảm thiểu ÔNMT, đảm bảo Hà Nội là TP đáng sống.

Để tìm hiểu về những chủ trương, giải pháp và kế hoạch trong công tác BVMT của TP. Hà Nội, Tạp chí Môi trường có cuộc trao đổi với Phó Giám đốc Sở TN&MT Hà Nội Lê Tuấn Định về vấn đề này.

★Ngày 31/5/2017, Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội đã ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU về tăng cường công tác BVMT trên địa bàn TP đến năm 2020 và những năm tiếp theo (gọi tắt là Nghị quyết). Ông có thể cho biết một số nội dung quan trọng của Nghị quyết?

Ông Lê Tuấn Định: Nhằm đẩy mạnh công tác BVMT, đáp ứng công cuộc xây dựng TP Xanh, Sạch, Đẹp, Thành ủy Hà Nội đã ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU về tăng cường công tác BVMT trên địa bàn TP đến năm 2020 và những năm tiếp theo, trong đó đưa ra một số chỉ tiêu như: Đối với chất thải rắn (CTR), tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom, xử lý khu vực đô thị đạt 100%, khu vực nông thôn đạt từ 95 - 100%, phấn đấu giảm tỷ lệ chôn lấp rác thải còn 30%, thu gom 100% và xử lý 80% CTR công nghiệp, 100% chất thải nguy hại (CTNH) được thu gom, xử lý; 100% phế thải xây dựng được thu gom tập kết đúng nơi quy định; Đối với môi trường nước, xử lý ô nhiễm nước sông Tô Lịch và đến năm 2020, 100% người dân ở nông thôn được dùng nước sạch; 100% số hộ dân có các công trình vệ sinh đạt tiêu chuẩn; 100% các khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có



▲ Ông Lê Tuấn Định - Phó Giám đốc Sở TN&MT Hà Nội

hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn...

Đồng thời, Nghị quyết đặt ra 3 nhiệm vụ trọng tâm gồm: BVMT nước mặt và sử dụng bền vững tài nguyên nước, quản lý tốt các nguồn xả thải, cải tạo sông, hồ bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt kết hợp với xây dựng hồ điều hòa mới; Quản lý có hiệu quả CTR và CTNH, đầu tư xử lý CTR theo hướng áp dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến, giảm tỷ lệ chôn lấp; tăng cường phân loại rác thải tại nguồn và hoàn thiện mạng lưới điểm tập kết trung chuyển rác thải cấp huyện; Giảm thiểu ô nhiễm không khí và tiếng ồn, đặc biệt ở các khu vực nội thành, xử lý nghiêm đối với các trường hợp đổ phế thải xây dựng không đúng nơi quy định, khuyến khích sử dụng giao thông công cộng.

Để đạt được các mục tiêu quan trọng trong công tác BVMT, Nghị quyết đã đề ra 4 giải pháp chính là tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà

nước về BVMT, quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các cấp, các ngành, cá nhân người đứng đầu trong việc để xảy ra vi phạm pháp luật về môi trường và hoàn chỉnh các quy định cụ thể về BVMT trên địa bàn TP (theo Luật Thủ đô, Luật BVMT năm 2014), các cơ chế, chính sách về ưu đãi, khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường. Bên cạnh việc đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về BVMT đối với mọi cấp ủy, chính quyền và tầng lớp nhân dân Thủ đô, cần phải tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm soát môi trường, tập trung vào các cơ sở có nguồn xả thải lớn từ 100 m³/ngày, đêm trở lên, qua đó, phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về BVMT. Đồng thời, tập trung nhiều nguồn lực và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác trong đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật về môi trường.

★Những năm qua, TP đã quan tâm đầu tư khá nhiều cho công tác BVMT, để giải quyết những vấn đề môi



trường nổi cộm trên địa bàn TP, tuy nhiên hiệu quả chưa được như mong muốn. Theo ông, nguyên nhân do đâu?

Ông Lê Tuấn Định: Có một số nguyên nhân chính dẫn đến ÔNMT tại một số nơi trên địa bàn TP trong thời gian qua. Cụ thể, về cơ chế chính sách, việc lồng ghép vấn đề môi trường trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển vẫn chưa được chú trọng. Trong khi đó, tốc độ đô thị hóa nhanh, việc xây dựng hạ tầng thiếu đồng bộ, quản lý trật tự xây dựng chưa chặt chẽ, dẫn đến ô nhiễm môi trường cục bộ một số nơi, đặc biệt là ô nhiễm do bụi...; Công tác BVMT, kiểm soát ô nhiễm còn nhiều bất cập, đặc biệt, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, ngăn ngừa và xử lý đối với các cơ sở gây ô nhiễm chưa kịp thời, mang tính sự vụ; lực lượng thanh tra mỏng và không có hệ thống thanh tra chuyên ngành nên còn nhiều hạn chế. Một số cụm công nghiệp (CCN) do tồn tại từ những năm trước được đầu tư xây dựng hạ tầng khi chưa có các văn bản quy định về việc bắt buộc đầu tư xây dựng hạng mục xử lý nước thải nên hiện tại một số CCN chưa bố trí quỹ đất cho các hạng mục công trình xử lý nước thải trong quy hoạch tổng thể của cụm. Bên cạnh đó, việc xử lý nước thải tại khu vực làng nghề rất khó khăn do các hộ sản xuất làm nghề phân tán trong làng nghề chưa phân tách được nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt, quy mô sản xuất nhỏ, tự phát.

Đáng nói là nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về môi trường của các doanh nghiệp, cũng như người dân còn hạn chế. Nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh vẫn chưa đầu tư công trình BVMT và không thực hiện nghiêm túc các nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), Luật BVMT năm 2014, mặc dù đã được các cơ quan chuyên môn hướng dẫn. Ngoài ra, việc kêu gọi, huy động đầu tư trong lĩnh vực BVMT còn hạn chế. Kinh phí chi thường xuyên từ nguồn sự nghiệp môi trường hàng năm của TP chủ yếu dành cho các hoạt động duy trì vệ sinh môi trường, duy tu hạ tầng đô thị; nguồn kinh phí để xử lý chất thải của TP (xử lý nước thải sinh hoạt, y tế, ô nhiễm các sông, hồ, CTR bằng công nghệ hiện đại, chất thải tại khu vực nông thôn, làng nghề...) còn thiếu; chưa thu hút và khuyến khích được nhiều thành phần kinh tế tham gia BVMT, vốn viện trợ ODA từ nước ngoài chiếm tỉ lệ thấp; công tác xã hội hóa mới ở mức thí điểm. Trong khi, bộ máy quản lý nhà nước về môi trường từ



▲ TP. Hà Nội tập trung nguồn lực xử lý ô nhiễm sông Tô Lịch

TP đến quận, huyện, phường, xã còn thiếu và yếu, thậm chí kiêm nhiệm, chưa đáp ứng yêu cầu của quá trình phân cấp quản lý. Nhiều khu, CCN, Ban quản lý, các doanh nghiệp chưa quan tâm đầu tư cho công tác quản lý môi trường, không có bộ phận, hoặc cán bộ phụ trách về môi trường, sự phản công, phân cấp về quản lý môi trường giữa các cơ quan còn chồng chéo.

***Hiện nay, vấn đề ô nhiễm không khí (ÔNKK) và ô nhiễm nguồn nước tại các hồ của Hà Nội đang ở mức báo động, TP có kế hoạch như thế nào để giải quyết bài toán này, thưa ông?**

Ông Lê Tuấn Định: Để giải quyết tình trạng ÔNKK và ô nhiễm các hồ trên địa bàn, TP đã và đang triển khai nhiều giải pháp quyết liệt. Cụ thể, đối với vấn đề ÔNKK, UBND TP có chủ trương tăng cường hợp tác quốc tế trong BVMT không khí và giao Sở TN&MT làm đầu mối triển khai các dự án hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài như Dự án hỗ trợ kỹ thuật kiểm kê khí nhà kính (Mạng lưới các TP sáng kiến Khí hậu (C40)); Dự án hỗ trợ kỹ thuật về Quản lý chất lượng

không khí cho TP Hà Nội (Ngân hàng Thế giới). Đặc biệt, TP đã hợp tác với Đại sứ quán Pháp triển khai Dự án quản lý chất lượng không khí và đã đưa vào vận hành 8 trạm quan trắc cảm biến, 1 trạm quan trắc cố định; Tập đoàn Vingroup tài trợ TP xây dựng 10 trạm quan trắc không khí tự động... Đối với các công trường thi công xây dựng ở khu vực nội thành, TP cũng yêu cầu giảm thiểu bụi, kiểm soát chặt chẽ về BVMT; Triển khai đồng bộ chương trình trồng 1 triệu cây xanh trên địa bàn TP; Nâng cao chất lượng thẩm định hồ sơ pháp lý về BVMT; Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về BVMT của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và xử lý theo quy định; Tăng cường các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ trong lĩnh vực môi trường không khí, các ảnh hưởng của ÔNKK đến con người và phát triển kinh tế - xã hội...

Để cải thiện tình trạng ô nhiễm hồ trên địa bàn TP. Hà Nội, TP đã tập trung tuyên truyền, nâng cao ý thức và trách nhiệm của cộng đồng trong công tác giám sát và BVMT, cảnh quan các ao, hồ

(Xem tiếp trang 51)



Lào Cai triển khai hiệu quả các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong thời gian qua, tỉnh Lào Cai đã triển khai nhiều hoạt động nhằm đẩy mạnh công tác quản lý và BVMT, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) trên địa bàn. Từ đó, nhận thức và hành động về BVMT của doanh nghiệp, cộng đồng có sự chuyển biến rõ rệt, chất lượng môi trường trên toàn tỉnh từng bước được kiểm soát. Để hiểu rõ hơn về kết quả này, Tạp chí Môi trường có cuộc trao đổi với ông Nguyễn Thành Sinh - Giám đốc Sở TN&MT Lào Cai.



▲ Ông Nguyễn Thành Sinh - Giám đốc Sở TN&MT Lào Cai

***Xin ông cho biết đôi nét về công tác BVMT các Khu công nghiệp (KCN)/Cụm công nghiệp (CCN) trên địa bàn tỉnh Lào Cai thời gian qua?**

Ông Nguyễn Thành Sinh: Công tác BVMT tại các KCN/CCN trên địa bàn tỉnh được triển khai theo quy định của Luật BVMT năm 2014; Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ TN&MT về việc BVMT khu kinh tế (KKT), KCN, khu chế xuất, khu công nghệ cao; Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ TN&MT về việc BVMT CCN, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 3 KCN/CCN (Bắc Duyên Hải; Đông Phố Mới, TP. Lào Cai và KCN Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng). Trong đó, KCN Bắc Duyên Hải và Đông Phố Mới là 2 KCN ít phát thải, chủ yếu là kho chứa hàng, không trực tiếp sản xuất nên không gây tác động nhiều tới môi trường; Đối với KCN Tăng Loỏng, đặc thù là KCN chuyên sản xuất hóa chất, cơ sở hạ tầng chưa được đầu tư đồng bộ, chịu ảnh hưởng của tác động cộng hưởng do hoạt

động của các nhà máy phát thải, gây ô nhiễm môi trường, do đó, đã và đang được tỉnh Lào Cai đặc biệt quan tâm về quản lý môi trường.

Việc triển khai các quy định pháp luật về BVMT đối với KCN/CCN: Thực hiện quy định chung về BVMT, trước khi các dự án được phê duyệt đầu tư đều được cấp thẩm quyền phê duyệt/xác nhận thủ tục pháp lý về BVMT (Báo cáo Đánh giá tác động môi trường (ĐTM)/Đề án BVMT; xác nhận Bản Cam kết BVMT/Kế hoạch BVMT). Bên cạnh đó, các đơn vị cũng đã tiến hành đăng ký quản lý chất thải với cơ quan quản lý (như đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại với Sở TN&MT; xử lý chất thải rắn với Ban quản lý các KCN...), thực hiện đầy đủ chương trình quan trắc giám sát định kỳ về môi trường.

Để tăng cường công tác phối hợp trong việc quản lý các vấn đề môi trường KCN/CCN trên địa bàn tỉnh, Sở TN&MT, Ban quản lý các

KCN và các ngành có liên quan đã ban hành quy chế phối hợp. Hàng năm, xây dựng kế hoạch phối hợp thanh, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về BVMT đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong KCN/CCN, đặc biệt là KCN Tăng Loỏng. Qua đó, ý thức trách nhiệm trong việc xử lý, quản lý chất thải của các đơn vị đã được nâng cao, môi trường được cải thiện, những xung đột môi trường với khu vực dân cư từng bước được tháo gỡ.

Bên cạnh đó, các cơ quan của Bộ TN&MT phối hợp với cơ quan quản lý môi trường địa phương (Sở TN&MT, Ban quản lý các KCN, Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường...) tiến hành kiểm tra các đơn vị trên địa bàn, trong đó có cơ sở trong KCN. Năm 2014 và 2015, Tổng cục Môi trường đã tiến hành thanh, kiểm tra các đơn vị trong KCN Tăng Loỏng. Qua kiểm tra đã yêu cầu các đơn vị khắc phục những tồn



tại trong công tác BVMT, do đó, thời gian qua, việc chấp hành các quy định pháp luật về môi trường cơ bản đã có chuyển biến rõ rệt.

★Sau khi Luật BVMT năm 2014 đi vào cuộc sống, đến nay, nhận thức của các cấp chính quyền, doanh nghiệp và người dân về vấn đề này như thế nào?

Ông Nguyễn Thành Sinh: Việc triển khai các quy định pháp luật về BVMT đã được tỉnh thực hiện qua nhiều thời kỳ gắn với các giai đoạn của Luật BVMT (Luật BVMT năm 1993, 2005 và 2014), do đó, các quy định về BVMT trên địa bàn tỉnh đã sớm được triển khai và ngày càng được nâng cao.

Nhận thức được tầm quan trọng của BVMT, các kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của tỉnh đều chú trọng lồng ghép kế hoạch, mục tiêu về BVMT. Trong định hướng phát triển KT-XH tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016 - 2020, Tỉnh ủy đã ban hành Đề án số 10 về Tăng cường quản lý tài nguyên, BVMT, ứng phó với BĐKH. Qua đó, nhiều mục tiêu về BVMT được tập trung triển khai như BVMT khu dân cư, KCN, KKT đã được đầu tư hạ tầng về BVMT. Hiện TP. Lào Cai và thị trấn Sa Pa đã được đầu tư hệ thống xử lý nước thải đô thị; KCN Đông Phố Mới được đầu tư 1 trạm xử lý nước thải với công suất 500 m³/ngày, đêm; KCN Tăng Loỏng được đầu tư Nhà máy xử lý nước thải công suất 3.000 m³/ngày, đêm (đang chuẩn bị triển khai giai đoạn II với 2 Nhà máy xử lý nước thải công suất 4.950 m³/ngày, đêm); 4/9 huyện/TP đã được đầu tư nâng cấp bãi rác sinh hoạt tập trung để đảm bảo các yêu cầu về BVMT. Để xử lý rác thải sinh hoạt TP. Lào Cai, thị trấn Sa Pa, Bát Xát, tỉnh đã đầu tư 1 Nhà máy xử lý rác thải công suất 100 tấn/ngày, đêm (chế biến thành phân hữu cơ, phân khoáng và thu hồi các thành phần có thể tái chế nhằm giảm tối đa lượng rác chôn lấp trực tiếp, đảm bảo vệ sinh môi trường); Nhà máy xử lý nước thải đô thị TP. Lào Cai với công suất trên 4.000 m³/ngày, đêm. Bên cạnh đó, tỉnh Lào Cai đã triển khai Đề án phân loại rác tại nguồn ở một số địa phương...

Việc triển khai quy định pháp luật về BVMT đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thời gian qua đã có nhiều chuyển biến tích cực, điển hình như các đơn vị trong KCN Tăng Loỏng. Sau khi được kiểm tra, đề nghị khắc phục những tồn tại về BVMT, các doanh nghiệp đã tập trung cải tạo, thay đổi các công

trình, biện pháp BVMT để đảm bảo yêu cầu theo quy định, môi trường KCN Tăng Loỏng đang có chuyển biến theo chiều hướng tích cực, từng bước xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường.

Nhìn chung, các quy định trong Luật BVMT năm 2014 đã được tỉnh tập trung triển khai và xác định là mục tiêu quan trọng để phát triển KT-XH bền vững.

★Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 25/CT-TTg về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về BVMT, tỉnh Lào Cai đã triển khai nội dung này như thế nào?

Ông Nguyễn Thành Sinh: Để triển khai Chỉ thị số 25/CT-TTg của Thủ tướng Chính Phủ, ngày 28/4/2017, Sở TN&MT đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 119/KH-UBND thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg, trong đó đề ra một số nhiệm vụ cấp bách trong công tác BVMT, đồng thời, giao nhiệm vụ các Sở, ban ngành tăng cường thực hiện quy định về BVMT trong lĩnh vực quản lý.

UBND tỉnh Lào Cai chú trọng chỉ đạo Sở, ban ngành tập trung triển khai các biện pháp BVMT đối với những khu vực trọng điểm, điểm nóng về môi trường (KCN/CCN, khu dân cư, khai thác khoáng sản...), tập trung nguồn lực để đầu tư hạ tầng BVMT, xử lý ô nhiễm môi trường (đầu tư Nhà máy xử lý nước thải, chất thải rắn TP. Lào Cai, thị trấn Sa Pa, nâng cấp, cải tạo bãi chôn lấp chất thải rắn tập trung tại các huyện, tập trung xử lý ô nhiễm môi trường đối với KCN Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng...).

Đối với công tác quản lý, các Sở, ban ngành tăng cường phối hợp kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về BVMT đối với những cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh, kiên quyết xử lý nghiêm vi phạm về BVMT, đặc biệt quan tâm tới việc kiểm soát các đối tượng, khu vực có nguy cơ gây ô nhiễm, ảnh hưởng tới môi trường như KCN Tăng Loỏng, các cơ sở khai thác khoáng sản...

Chỉ thị số 25/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ được UBND tỉnh Lào Cai xác định là định hướng quan trọng, nhằm triển khai các quy định pháp luật về BVMT trong thời gian tới trên địa bàn tỉnh, do đó, được các cấp, ngành tập trung triển khai thực hiện.

★Vừa qua, UBND tỉnh Lào Cai ban hành quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực BVMT đối với một số doanh nghiệp vi phạm các quy định về BVMT với tổng số tiền lên tới hơn 1,8 tỷ đồng. Vậy sau khi xử phạt, công tác giám sát các doanh nghiệp chấp hành pháp luật như thế nào, thưa ông?

Ông Nguyễn Thành Sinh: Nhằm tập trung khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường tại KCN Tăng Loỏng, thời gian qua, tỉnh Lào Cai đã chỉ đạo các Sở, ban ngành tập trung thực hiện các giải pháp quyết liệt để cải thiện môi trường KCN, xem xét để xuất di chuyển dân cư ra khỏi vùng ảnh hưởng môi trường, tập trung hoàn thiện hạ tầng về BVMT (xây dựng Nhà máy xử lý nước thải, xử lý chất thải rắn...), trong đó chỉ đạo kiên quyết xử lý vi phạm quy định pháp luật về BVMT đối với các nhà máy trong KCN. Kết quả các đợt kiểm tra, Sở



▲ *Hội nghị Tập huấn nâng cao nhận thức về BVMT và quản lý đa dạng sinh học do Sở TN&MT Lào Cai tổ chức vào tháng 7/2017*

đã tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về BVMT đối với 4 đơn vị là Công ty CP Hóa chất Phúc Lâm; Công ty CP Hóa chất Đức Giang; Công ty TNHH MTV Khoáng sản và luyện kim Việt Trung; Công ty CP Hóa chất Bảo Thắng với các hành vi vi phạm như: thiếu thủ tục pháp lý về BVMT (chưa được Bộ TN&MT cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT), đổ thải không đúng vị trí...

Sau khi các quyết định được ban hành, Sở TN&MT thường xuyên đôn đốc các đơn vị sớm hoàn thiện hồ sơ gửi Bộ TN&MT theo quy định. Hiện các đơn vị đang tập trung điều chỉnh, hoàn thiện nhằm đảm bảo điều kiện, cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT. Bên cạnh đó, Sở cũng yêu cầu các đơn vị tăng cường quản lý chất thải rắn công nghiệp (xỉ thải phốt pho, gyps thải...) gia cố đầy thành bãi thải, bố trí hệ thống thu nước rỉ bãi thải tránh phát tán ra môi trường... Đồng thời, Sở yêu cầu các đơn vị khẩn trương lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải tự động theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015.

***Để công tác quản lý BVMT phát huy hiệu quả, hiện Sở có đề xuất, kiến nghị gì với các cơ quan chức năng?**

Ông Nguyễn Thành Sinh: Để việc triển khai hiệu quả quy định pháp luật về BVMT, Sở có một số kiến nghị sau:

Bộ TN&MT sớm hoàn thiện quy định, hướng dẫn thực hiện Luật BVMT năm 2014 để có căn cứ pháp lý thực hiện, nhất là trong việc

tính toán bồi thường thiệt hại về môi trường, hướng dẫn thu phí BVMT đối với nước thải công nghiệp... Đồng thời, chỉ đạo những đơn vị trực thuộc kiểm soát những dự án do Bộ TN&MT phê duyệt báo cáo ĐTM.

Tiếp tục hỗ trợ nguồn kinh phí cho tỉnh trong việc xử lý môi trường các đối tượng nằm trong khu vực công ích: Dự án cải tạo bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt từ nguồn chỉ sự nghiệp BVMT cho 2 huyện Mường Khương, Văn Bàn; Đề án thành lập Khu dự trữ sinh quyển thế giới Hoàng Liên Sơn - Vườn quốc gia Hoàng Liên; Đầu tư trạm quan trắc nước thải tự động biên giới; Dự án Xử lý triệt để điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại trường Tiểu học Na Hối II, thôn Dì Thàng 2, xã Na Hối, huyện Bắc Hà.

Tăng cường năng lực quan trắc, kiểm soát ô nhiễm: các trạm quan trắc ô nhiễm xuyên biên giới; trạm quan trắc khí tượng, trạm đo mưa tự động; trạm quan trắc tự động tại KCN Tăng Loàng, huyện Bảo Thắng nhằm cảnh

báo kịp thời các hiện tượng thời tiết cực đoan; cảnh báo ô nhiễm xuyên biên giới và ô nhiễm do hoạt động công nghiệp.

Hỗ trợ tỉnh đầu tư hạ tầng nâng cao năng lực chống chịu với BĐKH một số khu vực trọng điểm có nguy cơ bị ảnh hưởng do thiên tai: kè suối Phìn Ngan; Xem xét trước mắt hỗ trợ cải tạo trên 160 ha diện tích lúa bị ảnh hưởng của cơn bão số 1 và 2 từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH để sớm ổn định đời sống nhân dân.

Để giải quyết hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp và bảo đảm được vấn đề BVMT, đề nghị Bộ TN&MT sớm ban hành Hướng dẫn thu phí BVMT đối với khí thải công nghiệp nhằm điều chỉnh hành vi của đơn vị sản xuất công nghiệp, hướng tới giảm thiểu việc xả khí thải gây ô nhiễm môi trường, đồng thời tạo nguồn thu cho BVMT.

Chính phủ ban hành, hoặc cho phép tỉnh Lào Cai được ban hành quyết định về thu một khoản đóng góp từ các doanh nghiệp sản xuất hóa chất cho địa phương, nơi doanh nghiệp đầu tư dự án để đầu tư hạ tầng khắc phục, xử lý ô nhiễm môi trường. Mức thu đề xuất tính theo tỷ lệ % trên lợi nhuận sau thuế.

Bên cạnh đó, Chính phủ xem xét, điều chỉnh các quy định về ưu đãi đầu tư liên quan đến miễn giảm tiền thuê đất, thuế thu nhập doanh nghiệp nên loại trừ các dự án không khuyến khích đầu tư do nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

***Trân trọng cảm ơn ông!**

PHẠM TUYÊN (Thực hiện)



● Kế hoạch quốc gia thực hiện Công ước Stốckhôm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy

Ngày 17/10/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1598/QĐ-TTg về Kế hoạch quốc gia thực hiện Công ước Stốckhôm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (các chất POP) đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Mục tiêu của Kế hoạch nhằm quản lý an toàn theo vòng đời, kiểm soát ô nhiễm (KSÔN), giảm phát thải, xử lý và tiến tới loại bỏ các chất POP ở Việt Nam, đáp ứng các yêu cầu của Công ước về các chất POP, góp phần bảo vệ sức khỏe con người và môi trường.

Nguyên tắc thực hiện Kế hoạch là ưu tiên hoạt động phòng ngừa, quản lý an toàn và quản lý rủi ro các chất POP đối với sức khỏe con người và môi trường với nhận thức rõ ràng rằng các chất POP là hiểm họa trước mắt và lâu dài, ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe con người, đa dạng sinh học và môi trường; Kế hoạch phải được thực hiện phù hợp với mục tiêu BVMT và phát triển bền vững của quốc gia, cũng như các chiến lược quốc gia và kế hoạch hành động có liên quan gắn kết, lồng ghép với các chương trình, hoạt động khác về BVMT, quản lý an toàn hóa chất, sản xuất và tiêu thụ bền vững nhằm tối ưu hóa các nguồn lực...

Kế hoạch đề ra các nhiệm vụ cần thực hiện như: Xây dựng, bổ sung và tăng cường hiệu quả các quy định, chính sách và thể chế để đáp ứng yêu cầu mới của Công ước và các yêu cầu tại Việt Nam; Quản lý an toàn và KSÔN các loại hóa chất POP-BVTV; Quản lý an toàn và KSÔN PCB...; Tiếp tục xử lý, cải thiện và khắc phục ô nhiễm môi trường tại các khu vực bị ô nhiễm nghiêm trọng chất da cam/dioxin; KSÔN và xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường tại các khu vực tồn lưu, ô nhiễm các chất POP; Nâng cao nhận thức, đào tạo và giáo dục về nguy cơ do các chất POP và hóa chất nguy hại; Tăng cường năng lực nghiên cứu, phát triển, quan trắc, quản lý rủi ro, quản lý

và xử lý an toàn các vật liệu, sản phẩm, chất thải có chứa POP và các hóa chất nguy hại; Quản lý sức khỏe môi trường liên quan đến các chất POP...

Tổng cục Môi trường là cơ quan đầu mối quốc gia thực hiện Công ước Stốckhôm, có trách nhiệm chủ trì, tổ chức thực hiện Kế hoạch, định kỳ báo cáo Bộ TN&MT, Thủ tướng Chính phủ và Ban thư ký Công ước về kết quả thực hiện Kế hoạch.

● Quy định về bảo vệ và quản lý Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới

Ngày 21/9/2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 109/2017/NĐ-CP quy định về bảo vệ và quản lý Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới (DSTG) ở Việt Nam. DSTG là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh tiêu biểu của Việt Nam có giá trị nổi bật toàn cầu về văn hóa và thiên nhiên, được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) ghi vào Danh mục DSTG.

Theo Nghị định, chỉ số giám sát định kỳ tình trạng bảo tồn yếu tố gốc của DSTG, bao gồm: Tính toàn vẹn và tính xác thực; Tính bền vững của công trình kiến trúc và địa điểm khảo cổ; Sự bảo tồn và phát triển của hệ sinh thái, đa dạng sinh học, đặc biệt là các loài bị đe dọa; Chất lượng nguồn nước; Tính bền vững của Di sản văn hóa phi vật thể; Các yếu tố gốc khác cấu thành giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới cần được giám sát.

Đối với việc quy hoạch tổng thể DSTG, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với việc lập quy hoạch tổng thể DSTG theo quy định của pháp luật về quy hoạch và pháp luật về Di sản văn hóa. Trường hợp DSTG đồng thời có khu vực DSTG và vùng đệm của khu vực DSTG là một phần, hoặc toàn bộ diện tích của khu du lịch quốc gia, rừng đặc dụng, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo tồn biển thì chỉ lập 1 quy hoạch tổng thể DSTG, trong đó lồng ghép nội dung bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh với bảo vệ tài nguyên

du lịch, tài nguyên rừng, đa dạng sinh học, nguồn lợi thủy sản, tài nguyên địa chất, địa mạo, quyền và nghĩa vụ của cộng đồng.

Nguyên tắc lập kế hoạch quản lý DSTG phải phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, chiến lược phát triển văn hóa, chiến lược bảo vệ và phát triển rừng và chiến lược khác có liên quan; phù hợp với hồ sơ DSTG đã được đệ trình và lưu giữ tại UNESCO và quy hoạch tổng thể DSTG; Bảo đảm việc gắn kết, lồng ghép giữa bảo vệ DSTG với BVMT và các yêu cầu về phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; Bảo đảm công khai, minh bạch, có sự tham gia của cộng đồng, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình lập kế hoạch quản lý.

● Quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước

Ngày 6/10/2017, Bộ TN&MT ban hành Thông tư số 37/2017/TT-BTNMT quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật (ĐMKT - KT) điều tra, đánh giá hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước. Theo đó, quy định kỹ thuật và ĐMKT - KT điều tra, đánh giá hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước sông, suối, kênh rạch, hồ, ao, đầm, phá, vùng biển ven bờ áp dụng cho các công việc điều tra, đánh giá hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước với tỷ lệ 1:200.000; 1:100.000; 1:50.000; 1:25.000.

Thông tư quy định định mức được tính cho vùng chuẩn điều tra, đánh giá hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước có điều kiện áp dụng như sau: Diện tích vùng điều tra, đánh giá là 100 km²; Vùng điều tra, đánh giá là vùng đồng bằng có điều kiện đi lại thuận lợi; Vùng có đô thị từ loại IV trở xuống, không có khu, cụm công nghiệp tập trung; Mật độ sông suối từ 0,5 - < 1,0 km/km², với những sông suối có chiều dài từ 10 km trở lên và có dòng chảy liên tục...■



Quảng Trị: Triển khai nhiều giải pháp tích cực về bảo tồn đa dạng sinh học

Nằm ở khu vực Bắc Trung bộ, Quảng Trị có tổng diện tích rừng là 242.240 ha và hệ động, thực vật đa dạng, phong phú, trong đó có nhiều loài đặc hữu, nguy cấp, quý hiếm như gà lôi lam mào trắng, sao la, mang lớn, thỏ vằn, đỉnh tùng, lan hài, trầm hương... Để tăng cường công tác bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH) và ngăn chặn nạn săn bắn, buôn bán trái phép động, thực vật quý hiếm, thời gian qua, tỉnh Quảng Trị đã triển khai nhiều giải pháp tích cực, góp phần sử dụng bền vững nguồn tài nguyên ĐDSH của tỉnh.



▲ Lực lượng kiểm lâm thả động vật hoang dã bị săn bắt trái phép về môi trường tự nhiên

Hiện tại, trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có 3 khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) gồm Đakrông (40.526 ha); Bắc Hướng Hóa (23.456 ha); KBT biển đảo Cồn Cỏ (4.532 ha) và 2 khu Bảo vệ cảnh quan là Rú Linh (270 ha) và KBT Đường Hồ Chí Minh (5.680 ha). Rừng Quảng Trị nằm trong vùng chuyển tiếp của hai vùng sinh thái Nam và Bắc thuộc vùng Trung Trường Sơn, nơi đây được Tổ chức Birdlife đánh giá là 1 trong 18 vùng chim quan trọng của Việt Nam. Tuy nhiên, do vị trí địa lý là giao điểm của trục kinh tế Bắc - Nam và Đông - Tây, có điều kiện giao thông thuận lợi cả về đường bộ, đường sắt, đường thủy, đặc biệt, có tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, tuyến đường xuyên Á ngắn nhất nối với các nước trong khu vực từ Myanmar - Thái

Lan - Lào qua cửa khẩu quốc tế Lao Bảo, La Lay, Quảng Trị có nguy cơ trở thành điểm trung chuyển buôn bán, vận chuyển trái phép nhiều loài động vật hoang dã. Vì vậy, tỉnh Quảng Trị đã triển khai nhiều giải pháp quan trọng như ban hành một số văn bản pháp lý quan trọng, gồm “Kế hoạch Hành động ĐDSH năm 2015, định hướng đến năm 2020”; Quyết định số 852/QĐ-UBND và Quyết định số 853/2017/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 về việc phê duyệt Quy hoạch bảo tồn

và Phát triển bền vững 2 KBTTN Bắc Hướng Hóa và Đakrông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030....; tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan (Kiểm lâm, Sở TN&MT, Công an, Biên phòng, Hải quan, chính quyền địa phương...) để kiểm tra, kiểm soát trên các tuyến giao thông, các tụ điểm mua bán động, thực vật hoang dã (ĐTVHD) trái phép; phối hợp với tỉnh Savannakhet (Lào) trong việc ngăn chặn tình trạng buôn bán ĐTVHD quý hiếm trên tuyến biên giới



từ Lào vào Việt Nam; xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn ĐDSH; tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức cho mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc để tham gia bảo tồn ĐDSH, bảo vệ động, thực vật quý hiếm; ...

Cùng với đó, các KBT cũng triển khai nhiều hoạt động nhằm bảo vệ các loài động, thực vật có trong KBT, đặc biệt là các loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý hiếm; đồng thời, tổ chức nhiều đợt điều tra ĐDSH thuộc nhiều chương trình, dự án khác nhau và đã đạt được một số kết quả như: Tại KBT TN Đakrông, trong số 1.452 loài thực vật, đã ghi nhận được 38 loài nằm trong Sách đỏ Việt Nam, 40 loài trong Sách đỏ Thế giới; hệ động vật xương sống có 401 loài (91 loài thú, 193 loài chim, 32 loài bò sát, 17 loài lưỡng cư, 71 loài cá). KBT TN Bắc Hướng Hóa đã ghi nhận 1.124 loài thực vật bậc cao có mạch, trong đó có 36 loài thực vật quý hiếm nằm trong Sách đỏ Việt Nam và Sách đỏ Thế giới; về hệ động vật, có 109 loài thú, 206 loài chim, 61 loài bò sát ếch nhái... Hiện các KBT đang xây dựng kế hoạch phát triển bền vững các loài sinh vật (cá rạn, động thực vật phù du, rùa biển, cá heo, cua đá...) và tiếp tục kiểm soát, ngăn ngừa các loài ngoại lai xâm hại; lưu giữ, bảo quản 23 mẫu động vật, 300 mẫu thực vật trong KBT. Thông qua các chương trình, dự án, các KBT đã cử cán bộ tham gia những khóa học tập ngắn hạn, dài hạn nhằm nâng cao nhận thức và cách tiếp cận trong nghiên cứu về ĐDSH; phối hợp với các trường lồng ghép chương trình giáo dục về mục đích, lợi ích của KBT đem lại, từ đó tác động tích cực đến các em học sinh và cộng đồng... Đặc biệt, thời gian qua, tại Quảng Trị, đã có một số mô hình, sáng kiến về bảo tồn ĐDSH phát huy hiệu quả: Mô hình khoanh nuôi xúc tiến tái sinh trồng bổ sung (50 ha) rừng; mô hình làm giàu rừng (15 ha) tại tiểu khu 701 thuộc phân khu phục hồi sinh thái trên địa bàn

xã Tà Long; xây dựng vườn được liệu (2.400 m²), tìm và quy tập được khoảng 40 loài cây có giá trị về dược liệu; trồng thử nghiệm cây sa nhân dưới tán rừng tại Bắc Hướng Hóa; trồng rừng bổ sung khoảng 351,2 ha và nâng cấp 46 ha, phục hồi 7 ha rừng trên đất trồng bị nhiễm chất độc dioxin...

Nhờ những nỗ lực trên, tình đã hạn chế nạn khai thác, buôn bán, săn bắt, tiêu thụ trái phép động vật hoang dã, bảo đảm dịch vụ hệ sinh thái rừng bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu. Việc triển khai một số dự án bảo tồn ĐDSH đã góp phần hỗ trợ sinh kế cho cộng đồng địa phương thông qua các dịch vụ của hệ sinh thái và chi trả dịch vụ môi trường rừng. Cùng với việc xây dựng các hệ thống rừng đặc dụng cũng giúp bảo vệ rừng tự nhiên còn lại của Quảng Trị, bảo tồn ĐDSH và rừng phòng hộ đầu nguồn, tạo ra nơi cư trú an toàn cho các loài hoang dã. Nhiều chương trình tuyên truyền trong cộng đồng dân cư, thôn bản, trường học đã giúp người dân địa phương nhận thức rõ hơn tầm quan trọng của công tác bảo vệ rừng và ký cam kết không buôn bán động vật hoang dã. Tuy nhiên, công tác bảo tồn ĐDSH, bảo vệ các loài ĐTVHD, nguy cấp, quý hiếm là một việc làm lâu dài, đòi hỏi sự tham gia tích cực của nhiều cơ quan, ban, ngành, đặc biệt là cộng đồng dân cư. Trong khi đó, một số quy định của các Luật liên quan đến ĐDSH (Luật ĐDSH, Luật Thủy sản, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng...) còn

chống chéo, dẫn đến khó khăn, bất cập trong phân công, trách nhiệm quản lý nhà nước về ĐDSH. Mặt khác, nguồn nhân lực trong quản lý nhà nước về ĐDSH còn thiếu, chưa được quan tâm đào tạo về nhân lực và nâng cao nhận thức về bảo tồn ĐDSH...

Để tăng cường công tác quản lý, bảo tồn ĐDSH, bảo vệ động, thực vật quý hiếm trên địa bàn tỉnh, thời gian tới, cần thống nhất đầu mối quản lý nhà nước về ĐDSH, quản lý KBT từ Trung ương đến địa phương để thống nhất trong quản lý và sử dụng nguồn lực hiệu quả, khắc phục chồng chéo trong quản lý; Hoàn thiện các quy định pháp luật về bảo tồn ĐDSH trong pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, thủy sản bảo đảm tính thống nhất với hệ thống pháp luật về ĐDSH; Tích cực tuyên truyền, vận động người dân về Luật ĐDSH, bảo vệ rừng, không buôn bán, tiêu thụ động vật hoang dã; Tăng cường năng lực cho cơ quan thực thi pháp luật về ĐDSH, quản lý chặt chẽ các hoạt động gây nuôi động vật hoang dã; Đổi mới cơ chế quản lý bảo tồn ĐDSH theo hướng đồng quản lý với cộng đồng dân cư và chia sẻ lợi ích; Đồng thời, tăng nguồn thu từ khai thác giá trị ĐDSH để đầu tư trở lại cho công tác bảo tồn. Ngoài ra, cần có sự quan tâm, giúp đỡ của các Bộ, ngành, sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, đơn vị nghiên cứu về bảo tồn ĐDSH, bảo vệ và phát triển rừng bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ■

HỒNG HẠNH



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM:

Tập trung nguồn lực, triển khai hiệu quả công tác bảo vệ môi trường

NGUYỄN MẠNH ĐIỆP

Trưởng Ban Môi trường Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

Thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về BVMT, Luật BVMT năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) đã ban hành Chỉ thị triển khai thực hiện Chương trình BVMT giai đoạn 2017 - 2020.



▲ Bãi thải Chính Bắc Núi Béo - TP. Hạ Long, Quảng Ninh ngày càng được phủ xanh

Chỉ thị đã xác định chương trình, kế hoạch và lộ trình thực hiện công tác BVMT giai đoạn 2017 - 2020, nhằm khắc phục những tồn tại trong công tác BVMT, giảm thiểu tác động của quá trình sản xuất kinh doanh đến môi trường, thực hiện đúng các quy định của pháp luật và chỉ đạo của Đảng, Chính phủ về BVMT. Trong đó, TKV đề xuất năm 2017 sẽ triển khai cải tạo phục hồi môi trường khoảng 190 ha các khu vực bãi thải nhìn được từ quốc lộ 18A, 18B, tỉnh lộ; tiếp tục đầu tư xây dựng các tuyến băng tải để đến năm 2020, cơ bản than được vận chuyển ra cảng và các nhà máy điện bằng băng tải thay thế ô tô, nhằm hạn chế ảnh hưởng đến dân

cư, môi trường đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh...

Để thực hiện công tác BVMT có hiệu quả, đảm bảo mục tiêu đề ra, Chỉ thị đã đưa ra 9 nhóm giải pháp, bao gồm: Cải tạo phục hồi môi trường, đảm bảo an toàn bãi thải; thu gom, xử lý nước thải; nạo vét, củng cố hệ thống thoát nước, hạn chế trôi lấp đất đá; đảm bảo an toàn đập hồ chứa; đảm bảo an toàn hóa chất; giảm thiểu bụi, tiếng ồn trong quá trình vận chuyển; cải tạo cảnh

quan môi trường khu vực sản xuất; xử lý, tái chế chất thải; kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật BVMT. Chỉ thị cũng phân công trách nhiệm cụ thể cho từng bộ phận, cá nhân để triển khai thực hiện Chương trình BVMT giai đoạn 2017 - 2020.

Trong giai đoạn 2017 - 2018, TKV tập trung đẩy mạnh công tác cải tạo, phục hồi môi trường các bãi thải, trồng cây phủ xanh khu vực bãi thải gần khu dân cư, đô



▲ Trạm rửa xe ô tô tuyến đường mở Cọc Sáu - TP. Cẩm Phả, Quảng Ninh

thị, nhìn được từ quốc lộ, tỉnh lộ, trong đó ưu tiên các bãi thải vùng than Quảng Ninh nhằm đảm bảo an toàn, giảm thiểu ô nhiễm, cải thiện cảnh quan môi trường đô thị. Đồng thời, rà soát các trạm xử lý nước thải sản xuất hiện có, nâng công suất đảm bảo xử lý nước thải phát sinh trong sản xuất, lắp đặt hệ thống quan trắc môi trường tự động theo quy định. Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn môi trường tại các khu tập trung, đông công nhân, lượng nước thải lớn.

Mặt khác, xây dựng bổ sung hồ lắng, đập ngăn đất đá chân bãi thải, đầu nguồn sông suối thoát nước bắt nguồn từ các mỏ nhằm hạn chế tối đa đất đá trôi lấp, bồi lắng; nạo vét, củng cố hệ thống thoát nước ngăn ngừa nguy cơ ngập lụt mặt bằng sản xuất, dân cư. Đảm bảo an toàn đập hồ chứa, xây dựng đập chắn dự phòng, gia cố đập chắn hiện có, củng cố hệ thống thoát nước mặt, kiên cố hóa cửa xả, chuyển đổi quy trình thải ngược (nếu được) phòng ngừa nguy cơ vỡ đập hồ chứa bùn thải quặng đuôi, bùn đỏ.

Bổ sung các công trình, biện pháp ngăn ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất trong nhà máy luyện kim, hóa chất; nghiên cứu đầu tư hệ thống tự động phát hiện, ngăn chặn, cô lập, xử lý không để xảy ra sự cố rò rỉ hóa chất, ảnh hưởng đến môi trường, dân cư. Ngoài ra, TKV còn chỉ đạo các đơn vị hoàn thành thủ tục, hồ sơ pháp lý về BVMT

còn thiếu, thực hiện đúng quy định của pháp luật về BVMT.

Đối với giai đoạn từ năm 2018 - 2020, TKV tiếp tục thực hiện cải tạo phục hồi môi trường, trồng cây phủ xanh các khu vực bãi thải, khai trường đã kết thúc theo tiến độ đổ thải, khai thác. Song song với đó, TKV sẽ đầu tư các tuyến băng tải thay thế ô tô vận chuyển than ngoài mỏ trên địa bàn Quảng Ninh; nghiên cứu đầu tư các tuyến băng tải thay thế ô tô vận chuyển tro xỉ nhà máy điện nhằm giảm chi phí, ô nhiễm bụi; hệ thống rửa xe trước khi ra khỏi khai trường, khu vực sản xuất; trồng vành đai cây xanh ngăn bụi, tiếng ồn dọc các tuyến đường vận chuyển.

Quy hoạch, sắp xếp mặt bằng sản xuất nhà máy, bến cảng, khu vực sàng tuyển, kho đồng, mặt bằng công nghiệp các mỏ; thu dọn phế liệu, vật liệu thừa, bùn đất rơi vãi; từng bước kiên cố hóa nền bãi, hệ thống thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn;

bổ sung lưới chắn bụi, hệ thống phun sương dập bụi; trồng cây xanh cải tạo cảnh quan môi trường.

Thu gom tối đa chất thải nguy hại phát sinh tại các đơn vị để xử lý, tái chế tại nhà máy xử lý tập trung của TKV; nghiên cứu đầu tư mở rộng nhà máy giai đoạn 2 để xử lý, tái chế sảm lớp, chất thải cao su, polyme. Đồng thời, nghiên cứu tái sử dụng tro xỉ nhà máy điện, bùn đỏ nhà máy alumin làm vật liệu xây dựng; tái sử dụng nước thải mỏ sau xử lý cho sản xuất và các nhu cầu kinh tế - xã hội khác.

Bên cạnh đó, thường xuyên tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực BVMT trong TKV; Tổ chức kiểm tra, giám sát phát hiện vi phạm về BVMT của các đơn vị; Hướng dẫn, chỉ đạo, khắc phục kịp thời những hạn chế trong công tác BVMT.

Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát, tiếp tục chỉ đạo thực hiện các chương trình, nhiệm vụ đã triển khai trong năm 2017 - 2018 (thu gom, xử lý nước thải; hạn chế trôi lấp đất đá; an toàn đập hồ chứa; an toàn hóa chất; thực hiện thủ tục, hồ sơ pháp lý BVMT) theo diễn biến thực tế sản xuất.

Với những mục tiêu và lộ trình cụ thể, TKV sớm khắc phục được những tác động tiêu cực do hoạt động khai thác than, đảm bảo an toàn cho dân cư, giảm tác động đến môi trường đô thị, nhất là trong mùa mưa bão. Đặc biệt, sự chủ động thực hiện các biện pháp BVMT giúp TKV hướng tới mục tiêu trở thành ngành sản xuất xanh, phát triển hài hòa, thân thiện với môi trường và cộng đồng■



Phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu

Trên cơ sở kết quả của Hội nghị về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH) ngày 26-27/9/2017, Bộ TN&MT phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan xây dựng Dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với BĐKH (Dự thảo) nhằm biến thách thức thành cơ hội phát triển bền vững ĐBSCL trên cơ sở phát huy tối đa các lợi thế về tài nguyên đất đai, nguồn nước, khí hậu, biển, đảo, văn hóa, con người.



▲ ĐBSCL đang phải đối mặt với nhiều nguy cơ, thách thức trước tác động của BĐKH và nước biển dâng

TIỀM NĂNG VÀ THÁCH THỨC CỦA ĐBSCL

ĐBSCL nằm ở vùng cực Nam của Tổ quốc, hạ nguồn sông Mê Công, là vùng đất độc đáo, giàu bản sắc văn hóa, con người sáng tạo và cần cù lao động, có điều kiện tự nhiên phong phú, là nơi dự trữ nước ngọt lớn nhất của nước ta; có tiềm năng lớn về phát triển kinh tế và là một trong những trung tâm sản xuất lúa gạo lớn của thế giới, nơi sinh sống của gần 20 triệu người dân Việt Nam. ĐBSCL đóng góp 54% sản lượng lúa, 70% lượng thủy sản nuôi trồng, 36,5% lượng trái cây cả nước và là đầu tàu xuất khẩu nông sản khi cung cấp 90% sản lượng gạo xuất khẩu; hầu hết toàn bộ sản lượng cá tra xuất khẩu; 60% kim ngạch xuất khẩu tôm và đang tăng mạnh sản lượng trái cây xuất khẩu với kim ngạch khoảng 1 tỷ đô/năm.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, ĐBSCL đang đứng trước nhiều cơ hội phát triển nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh, lịch sử, văn hóa, con người. Tuy nhiên, vùng châu thổ này cũng đang và sẽ phải đối mặt với nhiều nguy cơ, thách thức mang tính sống còn. BĐKH và nước biển dâng đã ảnh hưởng nặng nề trong 100 năm qua tại đây. Khai thác tài nguyên nước trên thượng nguồn châu thổ, trong đó có việc chuyển nước sông Mê Công là nguy cơ lớn. Các hoạt động kinh tế cường độ cao của con người đã gây ra

nhiều hệ lụy, hiện tượng sụt lún với tốc độ nhanh, sạt lở diễn ra ngày càng nghiêm trọng, môi trường bị suy thoái do ô nhiễm nước, không khí, tàn phá rừng ngày càng nặng nề. Bên cạnh đó, khu vực này còn gặp nhiều khó khăn về giáo dục đào tạo, ứng dụng khoa học công nghệ; cơ giới hóa và hạ tầng cơ sở chưa tương xứng với tiềm năng của đồng bằng trong khi nhân lực chất lượng cao đang có xu hướng dịch chuyển khỏi vùng, nhất là trong bối cảnh vùng đang chịu ảnh hưởng lớn nhất của BĐKH và khoảng cách phát triển ngày càng xa với thế giới trong làn sóng cách mạng 4.0.

Diện tích đất rừng bị suy giảm, trong đó diện tích đất rừng ngập mặn trong 50 năm qua đã giảm 80%; việc gia tăng thời vụ và sản xuất nông nghiệp quá sức phục hồi của đất. Quy hoạch, đầu tư phát triển chưa đồng bộ, thiếu liên kết trong khi ĐBSCL là một thể thống nhất, có gắn kết chặt chẽ với vùng TP. Hồ Chí Minh và Tiểu vùng Mê Công. Khai thác quá mức nước ngầm làm mặt đất sụt lún cùng với nước biển dâng làm tăng nguy cơ ngập lụt. Phát triển, bố trí các khu dân cư chưa hợp lý cùng với khai thác bùn, cát và thiếu hụt lượng phù sa, bùn cát bổ sung dẫn đến sạt lở. Hệ sinh thái mất cân bằng, môi trường ô nhiễm, đa dạng sinh học suy



giảm. Ở góc độ khu vực, nhu cầu khai thác, sử dụng nước ở thượng nguồn gia tăng mạnh, làm giảm dòng chảy mùa kiệt, giảm lượng phù sa của vùng đồng bằng. Lũ nhỏ cùng với triều cường nước biển dâng làm xâm nhập mặn sâu hơn vào nội vùng. Suy giảm nguồn lợi thủy sản, tác động tiêu cực đến thủy sinh và đa dạng sinh học của vùng. BĐKH cũng đang tạo ra những thách thức to lớn, trong khi khả năng chống chịu còn thấp, rủi ro do thiên tai, các hiện tượng khí hậu cực đoan (mưa, bão, giông tố, lốc xoáy...) ngày càng khó lường.

ĐỊNH HÌNH MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐBSCL THÍCH ỨNG VỚI BĐKH

Trước thực tế đó, Chính phủ đưa ra các giải pháp tổng thể, căn cơ trước mắt và lâu dài, định hình mô hình phát triển mới nhằm biến thách thức thành cơ hội phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với BĐKH. Theo đó, Dự thảo Nghị quyết tập trung những nội dung sau:

Về tầm nhìn và quan điểm chỉ đạo

Tầm nhìn phát triển ĐBSCL được xác định làm 2 giai đoạn đến năm 2100 và năm 2050 theo khung thời gian của Kịch bản BĐKH và nước biển dâng cho Việt Nam. Theo đó, tầm nhìn đến năm 2100, ĐBSCL phát triển bền vững, an toàn, thịnh vượng, trên cơ sở phát triển phù hợp nông nghiệp hàng hóa lớn chất lượng cao, kết hợp với dịch vụ, du lịch sinh thái, công nghiệp; có cơ sở hạ tầng được quy hoạch, phát triển theo hướng chủ động, thông minh với nước, thích ứng BĐKH, đời sống vật chất tinh thần của người dân được nâng cao. Đến năm 2050, ĐBSCL trở thành vùng có trình độ phát triển khá so với cả nước, có trình độ tổ chức xã hội tiên tiến; GDP bình quân đầu người đạt gần 10.000 USD, tỉ trọng nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chiếm trên 80%, độ che phủ rừng đạt trên 5% (so với 4.3% hiện nay), các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng được bảo tồn;

Mạng lưới kết cấu hạ tầng được xây dựng đồng bộ, hiện đại; Hệ thống đô thị hiện đại được xây dựng và phân bố hợp lý giữa các tiểu vùng; Bảo đảm được sinh kế của người dân trong điều kiện BĐKH và thực hiện các chuyển đổi lớn.

Quan điểm chỉ đạo của Chính phủ đề cập tới 3 vấn đề gồm: Kiến tạo phát triển bền vững, thịnh vượng, trên cơ sở chủ động thích ứng, chuyển hóa được những thách thức, biến thách thức thành cơ hội, bảo đảm được cuộc sống ổn định, khá giả của người dân cũng như bảo tồn được những giá trị truyền thống văn hóa của ĐBSCL về đất, nước và đặc biệt là con người; Thay đổi tư duy phát triển, chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp thuần túy, chủ yếu là sản xuất lúa, sang tư duy kinh tế nông nghiệp từ số lượng sang chất lượng, gắn với chuỗi giá trị, từ sản xuất nông nghiệp hóa học sang nông nghiệp hữu cơ và công nghệ cao; chú trọng công nghiệp chế biến và công nghiệp hỗ trợ gắn với phát triển kinh tế nông nghiệp. Lương thực không phải là chống đói mà lương thực ngày nay phải là dinh dưỡng và phòng bệnh, chữa bệnh với những thương hiệu nổi tiếng; Tôn trọng quy luật tự nhiên, chọn mô hình thích ứng theo tự nhiên, thuận thiên là chính, tránh can thiệp thô bạo vào tự nhiên, phát triển bền vững theo phương châm chủ động sống chung với lũ, với mặn, với khô hạn, thiếu nước phù hợp với điều kiện thực tế. Quá trình đó phải có sự tham gia của tất cả các bên liên quan, bảo đảm sự gắn kết hữu cơ trong nội vùng cũng như sự liên kết chặt chẽ với

vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và Tiểu vùng sông Mê Công.

Về chủ trương và định hướng chiến lược phát triển ĐBSCL

Mô hình phát triển ĐBSCL phải lấy con người làm trung tâm, phục vụ người dân, giảm khoảng cách giàu nghèo; chú trọng về chất lượng hơn số lượng, chuyển từ chiều rộng sang chiều sâu, thực thi tiếp cận chủ động, linh hoạt trong bối cảnh tác động của BĐKH, việc khai thác, sử dụng nguồn nước trên thượng nguồn sông Mê Công và các điều kiện tự nhiên khác. Chuyển đổi mô hình phát triển không chỉ nâng cao về hiệu quả kinh tế mà còn bảo tồn giá trị văn hóa lịch sử, sự đa dạng sinh học và môi trường sinh thái của khu vực này.

Xác định BĐKH và nước biển dâng là xu thế tất yếu, phải sống chung và thích nghi, phải biến thách thức thành cơ hội. Chủ động sống chung với lũ, với mặn, với thiếu nước. Lấy tài nguyên nước là yếu tố cốt lõi, trung tâm, làm cơ sở xuyên suốt cho việc hoạch định chiến lược, chính sách, quy hoạch phát triển vùng. Tài nguyên nước phải được quản lý tổng hợp trên toàn lưu vực và theo lưu vực. Coi nước lợi, nước mặn là nguồn lực của tài nguyên, bên cạnh tài nguyên nước ngọt. Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả tiết kiệm và bền vững tài nguyên nước, đất đai và các tài nguyên khác trong vùng. Chú trọng phát triển vùng duyên hải, vùng đặc quyền kinh tế và vị trí địa chính trị của đồng bằng, áp dụng kinh nghiệm và công nghệ mới, khắc phục nhân tai và đối phó với thiên tai.



Việc chuyển đổi mô hình phát triển phải dựa trên hệ sinh thái, đảm bảo sự hài hòa về điều kiện tự nhiên, đất, nước, đa dạng sinh học và văn hóa, con người, phù hợp với các quy luật tự nhiên; kết hợp giữa công nghệ tiên tiến, hiện đại với tri thức, kinh nghiệm truyền thống bản địa, đảm bảo tính ổn định, sinh kế của người dân, trong đó người dân và doanh nghiệp đóng trung tâm, Nhà nước đóng vai trò định hướng, dẫn dắt; chú trọng ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ, nhất là các lợi thế của Việt Nam trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Quá trình chuyển đổi cần có tầm nhìn dài hạn, ưu tiên cho thích ứng với BĐKH nhưng cũng phải tận dụng các cơ hội để phát triển kinh tế các-bon thấp, kinh tế xanh, bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên.

Tiếp cận tổng thể, tích hợp, chú trọng hợp tác liên kết phát triển; tạo lập liên kết phát triển giữa các địa phương trong vùng và giữa vùng ĐBSCL với TP. Hồ Chí Minh và cả miền Đông Nam Bộ, giữa Tây Nam Bộ với Đông Nam Bộ, giữa Việt Nam với các nước, trước hết là các nước thuộc Tiểu vùng sông Mê Công. Mọi hoạt động đầu tư phải được điều phối thống nhất, bảo đảm tính liên vùng, liên ngành, có trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình hợp lý, trong đó trước mắt tập trung ưu tiên các công trình cấp bách, các công trình mang tính động lực, thúc đẩy phát triển kinh tế toàn vùng, các công trình thiết yếu phục vụ đời sống nhân dân.

Chủ động hợp tác với các nước trên lưu vực sông Mê Công trên cơ sở cùng có lợi thông qua các sáng kiến hợp tác vùng và hợp tác song phương nhằm cùng nhau sử dụng hiệu quả và bền vững nguồn tài nguyên nước và các tài nguyên có liên quan trong lưu vực sông Mê Công để chuyển hóa thách thức thành cơ hội.

Các giải pháp tổng thể

Xây dựng quy hoạch tích hợp phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với BĐKH, định hình sự phát triển bền vững ĐBSCL phải đặt trong bối cảnh có nhiều bất định đến từ BĐKH và việc sử dụng nguồn nước trên thượng

nguồn, đặc biệt là về thủy văn, trầm tích, ảnh hưởng sâu sắc đến sự ổn định của chính đồng bằng. Trước hết, cần rà soát lại các quy hoạch tổng thể ngành, địa phương đã có tại ĐBSCL. Quy hoạch mới cần chuyển từ sống chung với lũ sang chủ động sống chung với lũ, sống chung với nước mặn và ngập; sử dụng tiết kiệm và hiệu quả cao nguồn nước ngọt, khai thác nước lợ và nước mặn ở vùng biển, bảo đảm nước ngọt cho sinh hoạt của người dân. Quy hoạch phát triển ĐBSCL phải bao gồm cả nước biển ven bờ. Mọi dự án công trình phải được tính toán thật kỹ trên cả 3 mặt: kinh tế, xã hội và môi trường, được phản biện khách quan, khoa học.

Tổ chức không gian lãnh thổ theo hướng khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên của vùng đồng bằng dựa trên đặc trưng sinh thái đất, nước, gắn với văn hóa, con người trong bối cảnh thích ứng với BĐKH theo các kịch bản và các tác động từ bên ngoài, đặc biệt chú trọng tạo không gian trữ nước vùng Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên, sống chung với mặn, ngọt vùng ven biển; Xác định rõ các cực tăng trưởng của vùng và có quy hoạch các khu đô thị, công nghiệp, bến cảng, sân bay và những khu vực phát triển nông nghiệp, kinh tế biển và các ngành kinh tế khác, bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp.

Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, bảo đảm gắn kết chuỗi sản phẩm hàng hóa, tham gia

sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Ưu tiên công nghiệp hỗ trợ cho nền kinh tế nông nghiệp; phát triển công nghiệp xanh, ít phát thải, không gây tổn hại đến hệ sinh thái tự nhiên, tập trung công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản tạo thành chuỗi giá trị của vùng. Phát triển dịch vụ - du lịch dựa trên đặc điểm tự nhiên, sinh thái, văn hóa, con người với hiệu quả kinh tế cao. Phát triển các loại hình du lịch miệt vườn, du lịch sông nước, du lịch sinh thái gắn với các khu bảo tồn thiên nhiên.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế điều phối phát triển vùng để nâng cao hiệu quả, thực chất, thu gọn đầu mối, lấy quản lý thông minh tài nguyên nước và thích ứng với BĐKH làm trọng tâm xuyên suốt. Phải khắc phục tình trạng quản lý nhà nước thừa, chồng chéo nhưng thiếu phối hợp, chậm ban hành một cơ sở phát triển vùng để tạo nên sức mạnh tổng hợp của cả vùng, thiếu các cơ chế, chính sách tạo nên các liên kết chuỗi nhằm nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của các mặt hàng nông sản của đồng bằng. Bảo đảm tính liên kết giữa các địa phương trong vùng và với các khu vực khác dựa trên nguyên tắc hài hòa lợi ích của các bên liên quan, hài hòa giữa điều kiện tự nhiên về đất, nước, hệ sinh thái và văn hóa, con người; chú trọng nâng cao tính liên kết về hạ tầng, chuỗi sản phẩm giữa các tiểu vùng trong khu vực và giữa vùng với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, TP. Hồ Chí Minh, Tiểu vùng Mê Công■

NGUYỄN HẰNG



Áp dụng bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường ở Việt Nam: Thuận lợi và khó khăn

ThS. TRẦN BÍCH HỒNG, ThS. HÀN TRẦN VIỆT

Viện Khoa học Môi trường

LÊ VĂN TÙNG

Học viện Chính trị

Bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường (TNBTTHVMT) đã được áp dụng rộng rãi như một công cụ quản lý dựa vào thị trường trong BVMT. Trong nhiều thập kỷ qua, các quốc gia trên thế giới đã từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống bảo hiểm TNBTTHVMT (thiết lập khung pháp lý). Sản phẩm bảo hiểm này đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường thực hiện quy định BVMT của doanh nghiệp (DN) và chia sẻ gánh nặng rủi ro với DN trong trường hợp xảy ra sự cố, dẫn đến phải thực hiện đền bù thiệt hại về môi trường.

Từ năm 2005, Việt Nam đã tiếp cận với loại hình bảo hiểm TNBTTHVMT thông qua quy định tại Luật BVMT năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đến nay, sau 12 năm, bảo hiểm TNBTTHMT vẫn chưa được triển khai trong thực tế, chưa có một quy định cụ thể để thực hiện. Tuy nhiên, thông qua việc nghiên cứu các sản phẩm bảo hiểm tương tự, cũng như tham khảo kinh nghiệm của các nước trên thế giới có thể đưa ra một số thuận lợi, khó khăn khi áp dụng sản phẩm bảo hiểm TNBTTHVMT ở Việt Nam.

Hiện nay, bảo hiểm TNBTTHVMT đã được quy định trong Luật BVMT năm 2014; Nghị định số 19/2015/NĐ-CP về hướng dẫn thực hiện các quy định của Luật BVMT và các văn bản pháp luật khác. Cụ thể, Nghị định số 19/2015/NĐ-CP quy định, tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gồm hoạt động dầu khí, sản xuất, kinh doanh hóa chất, xăng dầu; sử dụng tàu biển chuyên dùng để vận chuyển dầu mỏ, chế phẩm từ dầu mỏ, hoặc các hàng hóa nguy hiểm khác khi hoạt động trong vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam; lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại; vận chuyển hàng hóa nguy hiểm phải có trách nhiệm mua bảo hiểm TNBTTHVMT, hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật.

Trong thực tế, nhiều quốc gia trên thế giới đã nghiên cứu, ban hành và triển khai bảo hiểm bồi thường trách nhiệm về môi trường, trong đó tập trung chủ yếu vào việc thực hiện bảo hiểm đối với các sự cố tràn dầu. Tại Hàn Quốc,



▲ Việt Nam tích cực triển khai bảo hiểm nông nghiệp

Đạo luật về trách nhiệm, bồi thường thiệt hại và khắc phục thiệt hại do ô nhiễm môi trường đưa ra định nghĩa, bảo hiểm trách nhiệm môi trường có nghĩa là một hợp đồng bảo hiểm được ký kết giữa chủ cơ sở sản xuất với công ty bảo hiểm, trong đó quy định các điều khoản, điều kiện đảm bảo về trách nhiệm đối với thiệt hại về môi trường. Chính phủ Hàn Quốc đã phân loại các hoạt động sản xuất trong lĩnh vực dầu khí theo mức độ, tiềm năng gây ô nhiễm môi trường theo 3 nhóm rủi ro: Cao, trung bình, thấp. Trên cơ

sở từng mức độ rủi ro được phân loại, Chính phủ Hàn Quốc đã xây dựng mức độ trách nhiệm tối thiểu đối với từng loại hình đối tượng tham gia mua bảo hiểm trách nhiệm pháp lý môi trường.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc đền bù thiệt hại ô nhiễm môi trường do sự cố tràn dầu, Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO) đã thông qua các công ước quốc tế thiết lập khung pháp lý về bồi thường thiệt hại ô nhiễm dầu do các sự cố tràn dầu từ tàu gây ra như Công ước quốc tế 1969 về trách nhiệm dân sự đối với bồi



thường thiệt hại do ô nhiễm dầu (Công ước Trách nhiệm dân sự 1969) và Công ước quốc tế 1971 về thành lập Quỹ quốc tế đối với đền bù thiệt hại do ô nhiễm dầu (Công ước Quỹ 1971). Trên thực tế, Việt Nam đã áp dụng các quy định trên để thực hiện đền bù thiệt hại về môi trường đối với sự cố tràn dầu. Đây là cơ sở pháp lý và kinh nghiệm thực tiễn để Việt Nam triển khai thực hiện bảo hiểm TNBTTHVMT.

Ngoài ra, thời gian qua, Việt Nam đã tích cực triển khai loại hình bảo hiểm nông nghiệp, một loại sản phẩm bảo hiểm có nội dung gần giống với sản phẩm bảo hiểm TNBTTHVMT. Đặc điểm chung của hai sản phẩm là đều phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, thời tiết, do vậy, việc mua bán bảo hiểm, lựa chọn loại hình bảo hiểm, các đối tượng có liên quan đều có những đặc điểm tương đối giống nhau. Vì thế, kinh nghiệm thực tiễn từ việc triển khai bảo hiểm nông nghiệp sẽ cần thiết cho các nhà quản lý lựa chọn phương án tối ưu để triển khai bảo hiểm TNBTTHVMT.

Tuy nhiên, đến nay, sau khi Luật BVMT năm 2014 có hiệu lực, vẫn chưa có các văn bản hướng dẫn (các quy định về phí bảo hiểm, đối tượng tham gia bảo hiểm, cách thức quản lý, chính sách về khuyến khích, hỗ trợ tham gia thị trường bảo hiểm...) để triển khai thực hiện. Trong khi đó, nhận thức của cơ quan quản lý, người dân và DN về bảo hiểm TNBTTHVMT còn hạn chế. Đối với loại hình bảo hiểm đặc biệt này, việc nghiên cứu, đánh giá rủi ro cho từng loại hình sản xuất để đưa ra mức phí bảo hiểm, mức chi trả đền bù thiệt hại phù hợp là rất cần thiết và có ý nghĩa quan trọng. Do không tính toán được đầy đủ các rủi ro môi trường và khoản tiền bồi thường, nên một số công ty bảo hiểm không có nhu cầu tham gia cung ứng sản phẩm bảo hiểm trên ở Việt Nam.

Có thể nói, Việt Nam đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nên sản phẩm bảo hiểm TNBTTHVMT ra đời là một giải pháp kinh tế quan trọng, giúp giải quyết các vấn đề môi trường, khắc phục tình trạng ô nhiễm và chia sẻ gánh nặng rủi ro. Tuy nhiên, sản phẩm bảo hiểm này là một lĩnh vực khó, đặc biệt trong việc kiểm soát rủi ro. Mặt khác, khi có tình trạng ô nhiễm môi trường diễn ra thì chi phí để bảo hiểm cho các đối tượng là rất lớn, nhiều khi vượt quá năng lực tài chính của công ty bảo hiểm. Do vậy, để triển khai thị trường bảo hiểm TNBTTHVMT hiệu quả, việc đánh giá thuận lợi, khó khăn, những nội dung phù hợp với điều kiện phát triển, hoàn cảnh thực tế là rất quan trọng, góp phần phát triển sản phẩm bảo hiểm trên trong giai đoạn tới ■

Tăng cường sự giám sát hoạt động khai thác và buôn bán chim hoang dã tại Việt Nam

Việt Nam là một trong những quốc gia có khu hệ chim giàu có nhất Đông Nam Á với hơn 850 loài chim đã được ghi nhận (chiếm khoảng 9% tổng số loài chim trên toàn thế giới), trong đó có 11 loài chim đặc hữu. Tuy nhiên, trong thời gian qua, tình trạng buôn bán chim tự do tại Việt Nam đang diễn ra phổ biến, đe dọa đến sự tồn tại của các loài chim, đặc biệt là các loài chim quý, hiếm.

Trong thời gian qua, Mạng lưới giám sát buôn bán động, thực vật hoang dã (Traffic) đã nghiên cứu về tình hình buôn bán chim ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Nghiên cứu tiến hành khảo sát các thị trường buôn bán chim và phát hiện có 8.047 cá thể chim thuộc 115 loài bị bày bán tại 52 cửa hàng, trong đó có 99% là loài bản địa của Việt Nam. Theo khảo sát, di đà (21%) và chào mào (15%) là hai loài có số lượng cá thể bị bán nhiều nhất với gần 3.000 cá thể. Từ đó, nghiên cứu đưa ra cảnh báo hoạt động buôn bán chim hoang dã tại Việt Nam có thể gây nguy hại đến các quần thể ngoài tự nhiên.

Trong số các loài bản địa được ghi nhận, chỉ 10% tổng số cá thể được bảo vệ bởi luật pháp quốc gia. Trong đó có tất cả 4 loài vẹt bản địa (chiếm 6% tổng số chim ghi nhận được) bị cấm khai thác vì mục đích thương

mai theo Nghị định số 32/2006/NĐ-CP về quản lý các loài động, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm. Tuy nhiên, 4 loài này vẫn bị bắt với số lượng lớn, dẫn đến suy giảm nghiêm trọng số lượng quần thể. Ngoài ra, có nhiều loài bản địa khác đang bị đe dọa nghiêm trọng nhưng không được bảo vệ bởi luật pháp quốc gia. Trong các loài mà khảo sát ghi nhận được, có 7 loài là chích chòe lửa, vành khuyên, chích chòe than, kim oanh tai bạc, yểng, sẻ Java và chim lam được Chiến lược Bảo tồn các loài chim hút thuộc bộ Sẻ của Đông Nam Á xếp vào loại đang bị đe dọa do buôn bán trong khu vực.

Dựa trên tình trạng và hành vi của các cá thể chim quan sát được, đa số chim thuộc các loài bản địa đều nghi ngờ đã bị bắt ngoài tự nhiên. Đối với một số loài nhất định, số lượng lớn chim chưa trưởng thành cho thấy dấu hiệu nuôi sinh



▲ Tình trạng buôn bán chim đang diễn ra phổ biến, đe dọa đến sự tồn tại của các loài chim, đặc biệt là loài chim quý, hiếm

sản hoặc nhiều khả năng là chăn nuôi (trứng hoặc con non được lấy từ các tổ ở vị trí dễ tiếp cận ngoài tự nhiên rồi nuôi để bán). Điều này cho thấy, sự cần thiết tăng cường giám sát, đặc biệt là áp dụng hệ thống quản lý nhằm đảm bảo buôn bán chim hoang dã không tác động tiêu cực lên các quần thể ngoài tự nhiên.

Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 và Luật số 12/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, có hiệu lực từ ngày 1/1/2018, sẽ mở rộng phạm vi bảo vệ theo luật hình sự đối với một số loài. Tuy nhiên cần thực hiện hiệu quả hơn nữa hoạt động thực thi pháp luật chống buôn bán bất hợp pháp động, thực vật hoang dã tại Việt Nam. Điều này hiện đang bị cản trở bởi tình trạng thiếu kỹ năng nhận dạng loài của các cán bộ thực thi pháp luật tại Việt Nam. Bên cạnh đó, một thách thức mới cho các cán bộ thực thi pháp luật là sự gia tăng tình trạng buôn bán trực tuyến, với mức độ phức tạp và khó kiểm soát hơn so với buôn bán công khai tại các cửa hàng.

Để tăng cường sự giám sát và quản lý hoạt động khai thác, buôn bán chim hoang dã nhằm đảm bảo không tác động tiêu cực lên các quần thể ngoài tự nhiên, nghiên cứu đã đưa ra các khuyến nghị:

Tăng cường hệ thống luật pháp hiện hành để bổ sung phương tiện giám sát và điều chỉnh việc khai thác, buôn bán các loài bị bắt từ tự

nhiên, đảm bảo không tác động tiêu cực lên sự tồn tại của các loài này.

Đẩy mạnh hợp tác với tổ chức phi chính phủ và các chuyên gia để cập nhật danh sách các loài được bảo vệ và cơ chế quản lý theo Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 và Luật số 12/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13; bổ sung các loài bị đe dọa do buôn bán tại Việt Nam như loài chim săn mồi, chim họa mi, kim oanh mỏ đỏ, chích chòe lửa, chào mào, các loài đặc hữu có vùng phân bố hẹp và các loài được Danh lục đỏ IUCN đánh giá là đang bị đe dọa.

Tăng cường sự giám sát và thực thi pháp luật hiệu quả tại địa điểm bán chim; khi xảy ra vi phạm, cần đảm bảo các hình phạt mang đủ tính răn đe. Đồng thời, xây dựng năng lực cho các cơ quan thực thi pháp luật để phân biệt giữa loài chim phổ biến và loài bị đe dọa; giám sát chặt chẽ và phát hiện việc buôn bán xuyên biên

giới tại các cửa khẩu chính và đường tiểu ngạch, đối với cả việc nhập khẩu, xuất khẩu.

Cần tiến hành các cuộc khảo sát tổng thể để có cái nhìn toàn diện về loài và số lượng loài bị buôn bán. Tuy nhiên, các khảo sát này khó có thể tiến hành một cách thường xuyên. Vì vậy, chỉ nên tiến hành giám sát đều đặn một số loài ưu tiên và chỉ thị trong một thời gian nhất định. Điều này có ý nghĩa trong việc phát hiện các động lực thị trường, ưu tiên hành động quản lý hoặc quy định và hình thành cơ sở bằng chứng để đưa ra quyết định dựa trên thông tin về tình hình buôn bán.

Tiến hành khảo sát thị trường tiêu dùng để hiểu về động cơ và thực tế mua bán chim cảnh trên thị trường, qua đó cung cấp thông tin, nâng cao nhận thức, xây dựng thông điệp thay đổi hành vi của người tiêu dùng đối với các loài chim có nguồn gốc bất hợp pháp hoặc không bền vững■

PHƯƠNG LIÊN



Bảo vệ loài rùa biển trước nguy cơ buôn bán và săn bắt trái phép

ĐỖ MINH PHƯỢNG

Trung tâm Giáo dục và Thiên nhiên

Mặc dù được pháp luật bảo vệ, nhưng các loài rùa biển ở Côn Đảo hiện đang bị đe dọa nghiêm trọng bởi nạn buôn bán và săn bắt trái phép. Do vậy, việc truy cứu trách nhiệm hình sự, cũng như đưa ra xét xử các đối tượng buôn bán, vận chuyển rùa biển và trứng của rùa biển là một trong những biện pháp hiệu quả để răn đe, phòng ngừa vi phạm, cũng như khẳng định tính nghiêm minh của pháp luật.



▲ Bị cáo Phạm Văn Tân tại phiên tòa sơ thẩm ngày 18/9/2017

BẢN ÁN CHO NHỮNG KẺ BUÔN BÁN TRÁI PHÉP LOÀI RÙA BIỂN

Ngày 6/4/2017, lực lượng kiểm lâm cơ động Vườn Quốc gia (VQG) Côn Đảo phối hợp với Công an huyện Côn Đảo tuần tra phát hiện bắt quả tang đối tượng Lâm Trường Xuân (thường trú tại TP. Hồ Chí Minh), Đặng Hoàng Đức (nguyên quán Bến Tre) và Thái Thành Tài (nguyên quán Sóc Trăng) có hành vi vận chuyển 30 trứng rùa biển hay còn gọi là vích (*Chelonia mydas*), một loài động vật nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ. Vụ việc đã được Công an huyện Côn Đảo lập biên bản và tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm để phối hợp điều tra. Ngày 27/9/2017, Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo đã đưa ra xét xử đối tượng Lâm Trường Xuân và đồng bọn về tội vi phạm các quy định về bảo vệ loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ. Các đối tượng đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự sau khi bị phát hiện có hành vi mua bán, vận chuyển 30 trứng vích. Kết thúc phiên tòa sơ thẩm, đối tượng Lâm Trường Xuân lĩnh

án phạt 50 triệu đồng, đối tượng Đặng Hoàng Đức và Thái Thành Tài bị kết án cải tạo không giam giữ lần lượt 9 và 12 tháng.

Trước đó, ngày 17/6/2016, lực lượng kiểm lâm VQG Côn Đảo bắt quả tang Phạm Văn Tân (tạm trú tại huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) đang vận chuyển 116 quả trứng rùa biển. Theo hồ sơ của kiểm lâm VQG Côn Đảo, đối tượng Phạm Văn Tân từng bị lập biên bản nhiều lần về hành vi trộm trứng, xẻ thịt vích nhưng chưa bị xử lý. Ngày 18/9/2017, Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo đã tổ chức phiên tòa xét xử sơ thẩm đối tượng Phạm Văn Tân với hành vi vận chuyển 116 trứng rùa biển. Tại phiên

tòa sơ thẩm, sau khi xem xét các tình tiết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo đã trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm rõ vai trò, trách nhiệm của một số đối tượng khác liên quan, cũng như xác định lại tội danh đối với bị cáo. Đây là vụ án từng rất “nóng” trên công luận về tranh luận liệu trứng rùa biển có phải là sản phẩm của rùa biển. Tuy nhiên, vấn đề này sau đó đã được cơ quan chức năng làm rõ với kết luận việc buôn bán, vận chuyển trái phép trứng rùa biển và các sản phẩm khác từ rùa biển là hành vi vi phạm pháp luật hình sự, là căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với đối tượng Phạm Văn Tân.

Theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP của Chính phủ, các loài rùa biển, trong đó có vích đã được đưa vào Danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ. Theo đó, các hành vi săn, bắt, giết, vận chuyển, buôn bán, nuôi nhốt rùa biển, hoặc vận chuyển, buôn bán sản phẩm (trứng), bộ phận rùa biển (thịt) phải bị xử lý hình sự bất kể số lượng, khối lượng, giá trị tang vật. Mặc dù vậy, từ đó đến nay, các vi phạm liên quan đến rùa biển thường chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính, hoặc tịch



▲ Trứng vich vừa được vich mẹ đẻ trên Hòn Bảy Cạnh (Côn Đảo)

thu tang vật. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự, cũng như đưa ra xét xử các đối tượng buôn bán, vận chuyển trứng rùa biển diễn ra lần đầu tiên tại Côn Đảo thời gian qua là “điểm sáng” tích cực, thể hiện sự quan tâm của chính quyền tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, huyện Côn Đảo và những nỗ lực của các cơ quan điều tra, tư pháp trong công tác bảo vệ các loài rùa biển khỏi nguy cơ tuyệt chủng. Côn Đảo là địa phương đầu tiên trong cả nước tiến hành xử lý hình sự đối với các hành vi vi phạm liên quan đến trứng rùa biển. Đây là bước ngoặt tiên phong, mở đường cho các địa phương khác noi theo để chung tay bảo vệ loài rùa biển, cũng như khẳng định tính nghiêm minh của pháp luật, sự minh bạch công tâm của các cơ quan tiến hành tố tụng.

BẢO VỆ LOÀI RÙA BIỂN TRƯỚC NGUY CƠ BUÔN BÁN VÀ SĂN BẮT TRÁI PHÉP

Tại Việt Nam, có 5 loài rùa biển phân bố, bao gồm vich, quần đồng, đồi mồi dứa, đồi mồi, rùa da, trong đó, vich là loài có số lượng cá thể nhiều nhất, kể cả quần thể kiếm ăn và sinh sản. Các loài rùa biển đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sự ổn định của hệ sinh thái, có giá trị khoa học cao, đem lại nguồn lợi cho cộng đồng từ các hoạt động du lịch. Như một dấu hiệu chỉ thị, nơi nào có sự xuất hiện của rùa biển thì nơi đó sẽ có một hệ sinh thái khỏe mạnh.

Hiện nay, tại VQG Côn Đảo có 14 bãi biển có rùa lên đẻ trứng với tổng diện tích các bãi đẻ trên 20.000 m² và mô hình du lịch sinh thái thăm, xem rùa biển đã thu được những kết quả khả quan. Hàng năm, có trên 400 rùa mẹ lên làm tổ và hơn 120.000 rùa con được cứu hộ và thả về biển. Trong mỗi đợt sinh sản, rùa có thể lên bãi đẻ từ 2 - 10 lượt, cách nhau tầm 10 - 14 ngày, tỷ lệ trứng nở thành công đạt đến 87%. Từ năm 1994, Ban quản lý VQG Côn Đảo đã tiến hành công tác bảo vệ sinh cảnh làm tổ cho rùa biển, di dời ổ trứng về trạm ấp an toàn, kiểm tra và thả rùa con về biển; đồng thời, nghiên cứu đặc tính sinh học thông qua việc đo đạc, bấm thẻ để theo dõi số lượng rùa vào bãi.

Mùa rùa đẻ nhiều nhất thường bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 9, tập trung tại một số nơi ở Côn Đảo như bãi cát lớn đảo Bảy Cạnh, bãi cát lớn Hòn Cau, bãi cát lớn

Hòn Tre Lớn, bãi cát Hòn Tài, bãi Dương Hòn Bảy Cạnh... Dù công tác bảo tồn rùa biển hiện đã được quan tâm, nhưng lực lượng kiểm lâm vẫn còn mỏng, trong khi tình trạng săn bắt rùa và trộm trứng ngày càng diễn biến phức tạp.

Các sản phẩm từ rùa, trong đó có trứng rùa là những mặt hàng cấm lưu hành, nhưng vẫn bị săn bắt trái phép do lợi ích kinh tế cao. Do đó, công tác bảo tồn nơi đây không đơn giản. Trên thực tế, trứng rùa không bổ dưỡng như mọi người vẫn lầm tưởng bởi thành phần cholesterol trong trứng rùa cao gấp 20 lần so với trứng gà vịt, là nguyên nhân gây bệnh máu nhiễm mỡ, đột quỵ, nhồi máu cơ tim nên việc ăn trứng và thịt rùa để bồi bổ là không có căn cứ khoa học. Bên cạnh đó là những nguy cơ đe dọa đời sống rùa biển do con người gây ra như mất bãi đẻ do hoạt động khai thác tài nguyên, bị đánh bắt, hoặc vô tình dính lưới, ô nhiễm từ rác thải, túi ni lông...

Rùa biển là một phần di sản quốc gia, là sứ giả của đại dương. Mỗi loài rùa biển có một vai trò quan trọng riêng trong hệ sinh thái. Hàng năm, Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên Quốc tế đều phối hợp với VQG Côn Đảo tổ chức cho các đoàn tình nguyện viên tìm hiểu rùa biển. Tuy nhiên, làm thế nào để công tác bảo tồn rùa biển tránh khỏi nạn săn bắt trái phép thì cần sự chung tay của rất nhiều các cấp, ngành nhằm giữ gìn sự cân bằng sinh thái, không chỉ đối với Côn Đảo mà còn đối với thiên nhiên của Việt Nam và quốc tế■



Quản lý bùn thải tại các bệnh viện và cơ sở y tế

PGS.TS. TRẦN ĐỨC HẠ

Viện Nghiên cứu cấp thoát nước và môi trường

SỰ HÌNH THÀNH CỦA BÙN THẢI Y TẾ

Hiện nay, trên cả nước có gần 13.511 cơ sở y tế, bao gồm các cơ sở khám chữa bệnh thuộc các tuyến Trung ương, tỉnh, huyện, bệnh viện ngành và bệnh viện tư nhân. Theo Bộ Y tế, năm 2015, tổng lượng nước thải bệnh viện trên toàn quốc khoảng 300.000 m³/ngày. Với việc xử lý nước thải (XLNT) y tế đã hình thành nên 3 loại bùn thải, đó là bùn từ bể tự hoại; bùn từ các công trình/hệ thống XLNT tập trung; bùn từ các công trình, thiết bị xử lý sơ bộ nước thải.

Bùn từ bể tự hoại được lưu giữ lâu năm trong các bể tự hoại tại các khu vệ sinh bệnh viện. Bùn được hút bằng các bơm hút do các công ty môi trường thực hiện. Phần chất rắn trong bùn thải bể tự hoại là 660 g/kg, tỉ trọng điển hình của bùn thải bể tự hoại là 1,4 - 1,5 T/m³. Độ ẩm W = 90 - 95%. Đặc điểm, thành phần và tính chất của bùn bể tự hoại này cơ bản giống như bùn bể tự hoại các khu dân cư và công trình công cộng khác.

Bùn từ các công trình/hệ thống XLNT tập trung của bệnh viện có khối lượng lớn, thành phần hữu cơ cao, tương tự như bùn thải nhà máy XLNT đô thị. Tùy thuộc vào công nghệ xử lý sinh học nước thải mà số lượng và đặc điểm bùn thải có thể khác nhau. Bùn trong nước thải có thể tích tụ trên đường cống hoặc hồ ga hệ thống thu gom nước thải. Loại bùn thải này thường được nạo vét khi cần phải thông tắc đường cống thoát nước.

Bùn từ các công trình, thiết bị xử lý sơ bộ nước thải là bùn thải từ quá

trình xử lý các loại nước thải đặc thù như nước thải dược phẩm, xét nghiệm, xạ trị... có thành phần đặc trưng của các loại nước thải đó. Phần lớn, các loại bùn thải này chứa kim loại nặng hoặc các chất hữu cơ bền sinh học nên nồng độ các chất độc hại có thể vượt ngưỡng của QCVN 50:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước. Tuy nhiên, trong các bệnh viện hoặc các cơ sở y tế, số lượng bùn thải độc hại này không nhiều.

Từ nguồn gốc cùng với thành phần và tính chất của từng loại nước thải trong bệnh viện, bùn thải được phân thành hai nhóm chính là bùn thải không nguy hại và bùn thải nguy hại.

Bùn thải không nguy hại là bùn bể tự hoại và bùn thải hệ thống XLNT tập trung của bệnh viện với thành phần chủ yếu gần giống bùn thải của nước thải đô thị, tuy nhiên số lượng các vi sinh vật gây bệnh nhiều hơn nên nguy cơ phát tán bệnh dịch từ loại bùn thải này cao hơn nhiều so với bùn thải thoát nước đô thị. Bùn thải không nguy hại của hệ thống thoát nước thải bệnh viện được ổn định và làm khô theo các phương pháp và công nghệ truyền thống quy định trong Bộ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về "Các công trình hạ tầng kỹ thuật" - QCVN 07:2016/BXD. Tuy nhiên trước khi vận chuyển ra bên ngoài để xử lý tiếp tục hoặc tái sử dụng, loại bùn thải này cần thiết phải khử trùng đáp

ứng các quy định về mặt vệ sinh của Tổ chức Y tế thế giới về bùn thải.

Nhóm bùn thải nguy hại hình thành trong quá trình xử lý sơ bộ bằng các phương pháp hóa học/hóa lý đối với các dòng nước thải, chất thải lỏng từ các phòng xét nghiệm, khoa ung bướu, pha chế thuốc và dược phẩm... Bùn thải sau quá trình xử lý các dòng nước thải đặc biệt bằng các phương pháp hóa học và hóa lý phải được kiểm soát như là các chất thải nguy hại theo các quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP về quản lý chất thải và phế liệu, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT về quản lý chất thải nguy hại và Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT về quản lý chất thải y tế.

Tính chất nguy hại của bùn thải được xác định theo QCVN 07:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại. Hiện nay đang có những vấn đề về phân loại theo mức độ nguy hại đối với bùn thải hệ thống XLNT bệnh viện. Trong Phụ lục của Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ TN&MT có quy định mã chất thải nguy hại cho bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải y tế là 10 02 03, với tính chất nguy hại chính là độc (Đ) với ngưỡng chất thải nguy hại là nghi ngờ là chất thải y tế nguy hại và nếu không có thành phần nguy hại theo QCVN 07:2009/BTNMT thì không phải phân tích và được quản lý như chất thải thông thường.



QUẢN LÝ Bùn THẢI Y TẾ

Bùn thải từ hệ thống thoát nước được quản lý theo quy định về quản lý chất thải rắn (từ điều 95 đến điều 98, mục 3) và quản lý nước thải (điều 99 đến điều 101, mục 4) thuộc chương IX- Quản lý chất thải, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. Bùn thải có yếu tố nguy hại phải được quản lý theo quy định về chất thải nguy hại (từ điều 90 đến điều 94, mục 2, chương IX, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014).

Quản lý chất thải nguy hại (CTNH) là các hoạt động liên quan đến việc phòng ngừa, giảm thiểu, phân định, phân loại, tái sử dụng trực tiếp, lưu giữ tạm thời, vận chuyển và xử lý CTNH. Theo quy định của QCVN 50:2013/BTNMT, đối với bùn thải hình thành từ quá trình xử lý sơ bộ (chủ yếu là quá trình xử lý hóa học hoặc hóa lý) phải được quản lý theo quy định của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.

Hiện nay, trong danh mục chi tiết của các CTNH và chất thải có khả năng là CTNH của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ TN&MT về quản lý chất thải nguy hại không có danh sách các loại bùn thải từ của quá trình xử lý nước thải

y tế. Tuy nhiên, như phân tích ở trên, các quá trình xử lý sơ bộ nước thải y tế tại các khoa u bướu, xét nghiệm, được phẩm... có thể tạo nên bùn thải chứa các hợp chất hữu cơ hoặc vô cơ độc tính cao, tính nguy hại lớn. Khi bùn thải có các chỉ số Htc (ppm) và Ctc (mg/l) vượt ngưỡng thì nó phải được quản lý theo quy trình quản lý chất thải nguy hại nêu trong Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT và Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT.

Bùn thải từ hệ thống XLNT tại chỗ của bệnh viện có số lượng vi khuẩn gây bệnh và trứng giun sán cao, vì vậy cần thiết phải tiêu diệt nguồn bệnh dịch này bằng quy trình nghiêm ngặt. Mặc dù trong Thông tư số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT không nêu rõ nhưng yêu cầu khử trùng các loại bùn thải hệ thống thoát nước bệnh viện, từ bùn bể tự hoại, cặn lắng trên đường cống thoát nước đến bùn thải trạm XLNT tập trung. Hiện

nay cũng chưa có một TCVN nào quy định cụ thể về sử dụng bùn thải ngoài TCVN 5298-1995- Yêu cầu chung đối với sử dụng nước thải và cặn lắng của chúng cho mục đích tưới tiêu. Vì vậy, xử lý bùn thải từ các trạm XLNT bệnh viện là yêu cầu bắt buộc về khía cạnh vệ sinh. Theo đó, bùn thải từ nước thải các bệnh viện và các cơ sở y tế cần phải được kiểm soát chặt chẽ theo hai mức: Kiểm soát như chất thải rắn hoặc bùn thải thông thường nhưng với nguyên tắc loại bỏ các mầm bệnh dịch trước khi đưa ra khỏi các công trình lưu giữ để đi xử lý tiếp tục hoặc tái sử dụng đối với bùn bể tự hoại, bùn thải cống thoát nước thải hoặc bùn thải trạm XLNT tập trung của bệnh viện; Kiểm soát như chất thải rắn hay bùn thải nguy hại theo các quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT và Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT■



▲ Bùn từ hệ thống xử lý nước thải bệnh viện phải được kiểm soát chặt chẽ



Vật liệu địa kỹ thuật - Giải pháp hữu hiệu ngăn ngừa ô nhiễm môi trường tại các bãi thải

Hiện nay, ở Việt Nam, việc xử lý rác thải bằng phương pháp chôn lấp là phổ biến. Tuy nhiên, tại nhiều địa phương, các bãi chôn lấp rác thải đang trong tình trạng quá tải do lượng rác phát sinh ngày càng lớn, trong khi các bãi rác được xây dựng không đạt tiêu chuẩn, gây ô nhiễm môi trường, cần được xử lý nâng cấp. Nhằm giải quyết những vấn đề môi trường phát sinh trong chôn lấp rác thải, việc ứng dụng vật liệu địa kỹ thuật (VLĐKT) trong xử lý rác thải tại các bãi chôn lấp rác đã được thực hiện rộng rãi trên thế giới, nhằm kiểm soát và ngăn ngừa những tác động xấu đến sức khỏe cộng đồng, môi trường (mùi, nước rỉ rác...). Để tìm hiểu về vấn đề này, Tạp chí Môi trường có cuộc trao đổi với ông Trần Ngọc Hưng - Trưởng Đại diện của Tập đoàn GSE tại Việt Nam.



▲ Ông Trần Ngọc Hưng - Trưởng Đại diện của Tập đoàn GSE tại Việt Nam

★ Ông có thể giới thiệu đôi nét về Tập đoàn GSE và tính ưu việt của các sản phẩm VLĐKT hiện đang được phân phối tại thị trường Việt Nam?

Ông Trần Ngọc Hưng: GSE thành lập năm 1972, có trụ sở chính tại bang Texas (Mỹ), là doanh nghiệp hàng đầu thế giới trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp các sản phẩm VLĐKT. VLĐKT là những vật liệu tổng hợp dùng để ổn định, gia cường nền đất và thường là những vật liệu cao phân tử (vật liệu polyme tổng hợp có kích thước và khối lượng phân tử lớn). Các loại VLĐKT bao gồm vải địa kỹ thuật, lưới địa kỹ thuật, bạt chống thấm, đất sét tổng hợp, lưới thoát nước, ô địa kỹ thuật. Vì là các sản phẩm cao phân tử nên các VLĐKT phù hợp với yêu cầu tăng cường khả năng chịu lực của nền đất, đồng thời có thời gian sử dụng lâu bền. VLĐKT có ứng dụng rộng rãi trong các ngành xây dựng, giao thông, địa chất, môi trường, thủy lợi và nuôi trồng thủy sản. Những vật liệu này có thể dùng trong các ứng dụng ngoài trời, hoặc chôn lấp trong đất.

Trong những năm qua, GSE đã cung cấp các sản phẩm VLĐKT cho nhiều công trình,

dự án lớn về môi trường trên thế giới như bãi xử lý rác thải tại Peninsular (Malaixia), bãi thải xỉ Nhà máy Duke Energy (Mỹ), bãi rác Corai (Ấn Độ), hồ chứa chất thải quặng Queensland (Ôxtrâyliá)... Hiện nay, GSE có 7 nhà máy sản xuất tại Mỹ, châu Âu, châu Á và châu Phi, riêng tại châu Á, GSE có 2 nhà máy ở Thái Lan và Trung Quốc. Hiện nay, GSE còn sản xuất những sản phẩm mới, tiên phong trên thị trường như bạt chống thấm dẫn điện, tấm thoát nước phức hợp, hệ thống lót đáy bãi thải xỉ nhà máy nhiệt điện...

Các VLĐKT của GSE có chất lượng tốt, ổn định, thời gian sử dụng lâu bền (hàng trăm năm), thiết kế tiên tiến, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của từng công trình, giúp giảm thiểu rủi ro cho môi trường. Với năng lực sản xuất vượt trội, GSE có khả năng cung cấp sản phẩm VLĐKT trong thời gian ngắn nhất, đảm bảo tiến độ thi công, đáp ứng những nhu cầu khẩn

nhất trong xử lý môi trường, xây dựng hoặc thủy lợi. Tất cả các sản phẩm mà GSE sản xuất đều được kiểm tra các đặc tính lý, hóa thông qua hệ thống các phòng thí nghiệm của Tập đoàn tại nhiều quốc gia trên thế giới trước khi vận chuyển và lắp đặt. Do đó, các sản phẩm VLĐKT của GSE là sự lựa chọn hàng đầu về chất lượng và độ tin cậy để sử dụng tại các bãi chôn lấp rác thải nhằm BVMT, giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.

★ Ông đánh giá thế nào về việc ứng dụng các VLĐKT trong xử lý chất thải tại các bãi thải ở Việt Nam? So với các quốc gia khác, Việt Nam có những thuận lợi, khó khăn gì để phát triển các sản phẩm VLĐKT?

Ông Trần Ngọc Hưng: Việc sử dụng VLĐKT trong các bãi xử lý chất thải rắn ở Việt Nam còn khá hạn chế. Theo đánh giá của tôi, chỉ có khoảng 25 - 30% các bãi thải đáp ứng tiêu chuẩn xây dựng



tại Việt Nam. Các tiêu chuẩn này hiện nay còn thấp nếu so sánh với các tiêu chuẩn của các nước trong khu vực như Thái Lan, Trung Quốc, Singapo, Malaixia. Ngoài ra, việc đóng cửa bãi rác sau khi đầy cũng không được quan tâm đúng mức dẫn đến ô nhiễm không khí và mùi hôi ảnh hưởng tới môi trường sống của dân cư. So với các quốc gia khác, Việt Nam có nhiều thuận lợi để phát triển các VLĐKT. Chính phủ Việt Nam ngày càng quan tâm hơn tới việc BVMT nhằm phát triển bền vững, điều này góp phần thúc đẩy việc sử dụng các VLĐKT trong nhiều dự án BVMT. Với những sản phẩm VLĐKT của GSE có độ bền cao, đã được sử dụng và đạt kết quả tốt tại các quốc gia phát triển sẽ là sự lựa chọn hoàn hảo cho các cơ quan quản lý, nhà đầu tư tại Việt Nam sử dụng, nhằm đảm bảo các tiêu chí về môi trường. Tuy nhiên, khó khăn khi phát triển VLĐKT tại Việt Nam là chi phí đầu tư ban đầu cao, các chủ đầu tư do phải tính toán hiệu quả kinh tế nên nhiều khi muốn cắt giảm chi phí đầu tư sản phẩm vật liệu địa kỹ thuật, hoặc sử dụng những sản phẩm rẻ, kém chất lượng.

★ Ông có đề xuất gì để phát triển công nghệ địa kỹ thuật trong xử lý chất thải tại các bãi thải trong điều kiện hiện nay?

Ông Trần Ngọc Hưng: Để đảm bảo chất lượng khi xây dựng các bãi thải, việc đầu tiên là phải có thiết kế tốt với những vật liệu tiên tiến phù hợp. Nhà thầu thi công phải mua đúng chủng loại vật tư và tổ chức thi công theo khuyến cáo của nhà sản xuất. Ngoài ra, nên sử dụng những VLĐKT cho phép kiểm tra chất lượng đối với toàn bộ công trình khi nghiệm thu.

Để phát triển sản phẩm VLĐKT tại Việt Nam, các cơ quan quản lý nhà nước phải có các tiêu chuẩn cụ thể về thiết kế và thi công các dự án môi trường. Các tiêu chuẩn này phải được tuân thủ trong

quá trình xây dựng, cũng như vận hành dự án. Các yêu cầu về môi trường phải trở thành bắt buộc đối với các dự án, nhất là với các bãi chôn lấp rác thải. Ngoài ra, việc sản xuất các VLĐKT trong nước cũng cần phải được quan tâm và có cơ chế, chính sách khuyến khích cụ thể (chính sách thuế, ưu đãi về đầu tư) nhằm chủ động nguồn cung và hạ giá thành sản phẩm. Đồng thời, thu hút, kêu gọi các nhà sản xuất nước ngoài đầu tư, cung cấp VLĐKT tại Việt Nam, đặc biệt là đối với các công ty, thương hiệu có uy tín trên thị trường sản xuất, phân phối các sản phẩm VLĐKT, góp phần tạo dựng một môi trường Xanh, Sạch - Đẹp và bền vững.

★ Xin cảm ơn ông!

GIÁNG HƯƠNG (Thực hiện)



▲ Các tấm vải địa kỹ thuật được sử dụng để phục hồi, gia cố nền đường tại các khu vực đất yếu như đầm phá, đê, đập, kênh mương thủy lợi, kè sông



Ứng dụng công nghệ phục hồi một số loài san hô cứng tại Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm

ThS. LÊ XUÂN ÁI
KS. LÊ VINH THUẬN

Ban Quản lý Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm

Sau khi được Viện Hải dương học Nha Trang tập huấn chuyển giao công nghệ phục hồi một số loài san hô cứng, các cán bộ khoa học của Ban quản lý Khu bảo tồn biển (KBTB) Cù Lao Chàm đã nghiên cứu đề xuất và được Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Nam chấp thuận cho triển khai thực hiện Đề tài: “Ứng dụng công nghệ phục hồi một số loài san hô cứng tại KBTB Cù Lao Chàm có sự tham gia của cộng đồng”.

Đề tài được triển khai từ tháng 9/2015 và kết thúc vào tháng 8/2017, với mục tiêu phục hồi và nâng cao hiệu quả quản lý hệ sinh thái rạn san hô tại KBTB Cù Lao Chàm. Vận dụng có chọn lọc kỹ thuật tách, di chuyển và cố định các tập đoàn san hô được tuyển chọn từ tự nhiên của một số quốc gia đã thực hiện thành công, nhóm nghiên cứu đã điều tra, đánh giá sự đa dạng sinh học biển tại 10 khu vực nằm trong diện tích của KBTB (với phương pháp Reefcheck và Manta Tow). Qua đó, đánh giá tổng thể hiện trạng phân bố và sức khỏe của các rạn san hô trong KBTB để quyết định chọn các khu vực trồng phục hồi san hô, cũng như thiết lập các vườn ươm san hô cố định dưới đáy biển. Kết quả đã chọn lựa được 2 khu vực Bãi Bắc, Bãi Tra (mỗi khu vực có diện tích 2.000 m²) là 2 khu vực trồng phục hồi san hô và chọn được 2 địa điểm thiết lập vườn ươm san hô cố định dưới đáy biển tại Bãi Bò và Bãi Nân. Các khu vực lựa chọn những loài san hô cứng, đảm bảo thỏa mãn các điều kiện vô sinh, hữu sinh và xã hội cần thiết tại vùng nghiên cứu.

Đề tài nghiên cứu đã sử dụng kỹ thuật tách được 2.783 tập đoàn san hô cứng để phục vụ cho việc trồng phục hồi và thiết lập vườn ươm san hô. Qua đó, đã tuyển chọn 11 loài san hô thuộc 4 giống: Acropora (có 5 loài: A. accuminata; A. cytherea; A. hyacinthus; A. nobilis; A. robusta); Echinopora (có 2 loài: E. gemmacea; E. lamellose); Montipora (có 2 loài: M. vietnamensis; M. crassituberculata); Pachyseric (có 2 loài: P. rugosa; P. speciosa)

Kết quả sau gần 2 năm triển khai thực hiện, Đề tài đã ghi nhận được tỷ lệ sống của các tập đoàn san hô được tách và trồng phục hồi bình quân là 79,85%, trong đó tỷ lệ sống cao nhất là khu vực Bãi Bò (99,15%), kế đến là Bãi Nân (95,09%), Bãi Tra (72,23%) và Bãi Bắc (52,94%); tỷ lệ sống bình quân của các giống san hô cứng đã nghiên cứu thực



▲ Cán bộ Ban quản lý KBTB Cù Lao Chàm chăm sóc san hô sau khi trồng phục hồi

nghiệm trên 4 địa điểm (Bãi Bắc, Bãi Tra, Bãi Nân, Bãi Bò) với giống Montipora (80,8%), Acopora (83,46%), Pachyseric (80,95%) và Echinopora (50,9%); Tốc độ tăng trưởng trung bình của san hô ở các khu vực nghiên cứu: Bãi Bắc (2,36 cm/năm), Bãi Nân (5,99 cm/năm), Bãi Tra (0,38 cm/năm) và Bãi Bò (3,6 cm/năm).

Bên cạnh những kết quả trên, nhóm nghiên cứu còn ghi nhận được khả năng thích nghi môi trường của một số giống san hô trong khu vực nghiên cứu. Cụ thể, để trồng phục hồi nên chọn các giống san hô: Acropora, Montipora và Pachyseric. Các loài san hô thuộc giống Acropora có khả năng chịu đựng sự ngột hóa tức thời cao hơn các loài san hô thuộc dạng phiến (Montipora, Echinopora, Pachyseric) và các giống san hô thuộc dạng phiến có khả năng thích ứng với trầm tích cao hơn các giống san hô thuộc dạng cành (Acropora).

Thành công của Đề tài nghiên cứu trên có ý nghĩa

quan trọng, giúp các cán bộ khoa học của KBTB Cù Lao Chàm xây dựng kế hoạch và quy trình mô hình phục hồi một số loài san hô cứng tại các rạn san hô bị tác động bởi các yếu tố tự nhiên trong điều kiện biến đổi khí hậu, cũng như những tác động của con người gây ra trong KBTB trong thời gian tới. Đây cũng là cơ sở để Ban quản lý KBTB Cù Lao Chàm phối hợp, hướng dẫn doanh nghiệp và cộng đồng tham gia xây dựng mô hình rạn san hô nhân tạo để phát triển các loại hình dịch vụ du lịch sinh thái biển trên cơ sở bảo tồn và tôn tạo, phát triển rạn san hô tại địa phương.

Có thể nói, đây là một nghiên cứu thực nghiệm điển hình về bảo tồn tài nguyên đa dạng sinh học biển nói chung và các loài san hô nói riêng. Trên cơ sở đó, có thể nhân rộng mô hình sang các KBTB khác trên cả nước, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo tồn và phát triển TN&MT biển của nước ta■



Tác động của hoạt giao thông vận tải đến môi trường và đề xuất giải pháp giảm phát thải khí nhà kính

PHẠM THỊ HUẾ

Đại học Công nghệ Giao thông vận tải

Trong những năm gần đây, hoạt động giao thông vận tải (GTVT) đã có những đóng góp quan trọng vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, tuy nhiên cũng là ngành chủ yếu phát thải khí nhà kính (KNK), lớn thứ 3 sau ngành năng lượng và nông nghiệp, chiếm 18,38% tổng lượng KNK. Để giảm phát thải KNK, ngành GTVT đã và đang phát triển theo hướng đồng bộ, bền vững, thân thiện với môi trường.

KHÍ THẢI GIAO THÔNG - TÁC NHÂN GÂY HIỆU ỨNG NHÀ KÍNH

Theo thống kê của Viện Chiến lược và Phát triển GTVT (Bộ GTVT), trong giai đoạn 2011- 2016, các hoạt động GTVT ở nước ta tiêu thụ một lượng lớn năng lượng, chiếm 30% tổng nhu cầu năng lượng quốc gia, 60% tổng nhiên liệu tiêu thụ và tăng 10% mỗi năm. Trong đó, vận tải đường bộ tiêu thụ năng lượng lớn nhất, chiếm khoảng 68% tổng nhiên liệu của ngành; 90% nhiên liệu cho GTVT là xăng và dầu diesel (chỉ 0,3% là nhiên liệu sạch). Với việc tiêu thụ số lượng lớn nhiên liệu, các hoạt động GTVT đã phát thải lượng lớn KNK, làm gia tăng BĐKH. Hiện nay, trung bình mỗi năm hoạt động GTVT phát thải khoảng 30 triệu tấn CO₂. Trong đó, phát thải giao thông đường bộ chiếm 86%, đường sắt, đường thủy và đường hàng không chiếm 14%.

Quá trình hoạt động của các phương tiện giao thông thải lượng lớn các chất như: Bụi, CO, NOx, SOx, hơi xăng dầu, bụi chì, benzen... gây ô nhiễm môi trường không khí. Cụ thể, nồng độ bụi trong không khí (quý 2/2016) ở các TP như: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng... tại các nút giao thông cao hơn tiêu chuẩn cho phép từ 3 - 5 lần; nồng độ khí CO, NO₂ trung bình ngày ở một số nút giao thông lớn đã vượt tiêu chuẩn cho phép từ 1,2 - 1,5 lần. Thống kê cũng cho thấy, sự phát thải của các phương tiện cơ giới đường bộ phụ thuộc nhiều vào chất lượng các loại xe. Đối với ô tô, xe máy

qua nhiều năm sử dụng có chất lượng thấp, hiệu quả sử dụng nhiên liệu thấp, nồng độ chất độc hại, bụi trong khí xả cao... là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Trong đó, xe máy là nguồn đóng góp chính các loại khí ô nhiễm, đặc biệt là khí thải CO. Xe tải và xe khách các loại lại thải nhiều NO₂. Ngoài ra, tiếng ồn phát sinh từ các hoạt động giao thông cũng đóng vai trò chủ yếu trong việc gây ô nhiễm môi trường.

GIẢI PHÁP GIẢM PHÁT THẢI KNK

Để giảm tác động xấu của các hoạt động GTVT tới môi trường, Bộ GTVT khuyến khích thực hiện các chương trình, dự án về cải thiện hiệu quả việc sử dụng nhiên liệu phương tiện giao thông. Trong đó, phải kể đến Dự án hệ thống quản lý điều khiển phương tiện sinh thái (EMS) được triển khai tại Hà Nội năm 2017, với các hoạt động bao gồm: Nâng cao kỹ năng

điều khiển phương tiện và ý thức điều khiển phương tiện sinh thái cho các lái xe taxi. Đồng thời, một hệ thống quản lý điều khiển phương tiện EMS sẽ được lắp đặt trên các xe taxi để theo dõi, giám sát và đánh giá tính khả thi cũng như hiệu quả giảm khí thải một cách chính xác. Theo kết quả tính toán, trong trường hợp có 1.000 xe taxi tham gia điều khiển phương tiện EMS sẽ giúp tăng 10% hiệu quả sử dụng nhiên liệu, nhờ đó, sẽ giảm khoảng 1.000 tấn CO₂/năm.

Ngoài ra, Bộ GTVT cũng đang triển khai Dự án nghiên cứu việc chuyển đổi sử dụng nhiên liệu từ diesel sang khí nén thiên nhiên (CNG) đối với phương tiện cơ giới đường bộ, trước tiên là xe buýt trên cả nước. Hiện Dự án đã được triển khai thí điểm tại TP. Hồ Chí Minh, với 50 xe buýt mã số 01 sử dụng nhiên liệu CNG, có lộ trình hoạt động dài gần 9 km tuyến Bến Thành - Chợ Lớn. Theo Sở GTVT TP. Hồ



▲ TP. Hồ Chí Minh đầu tư môi các phương tiện xe buýt sử dụng nhiên liệu sạch, góp phần giảm ô nhiễm môi trường



Chí Minh, thời gian hoạt động thử nghiệm xe buýt chạy bằng CNG cho thấy, động cơ vận hành êm, các khí thải độc hại giảm từ 53 - 63%, khí CO₂ gây hiệu ứng nhà kính giảm 20%, không có bụi và khói đen, nhiên liệu được đốt cháy triệt để, đặc biệt là tiết kiệm 30 - 40% nhiên liệu. Dự kiến, đến cuối năm 2017, TP. Hồ Chí Minh sẽ đầu tư 800 xe buýt sử dụng CNG.

Để đến năm 2020, cả nước sẽ có 5 - 20% số xe buýt và xe taxi sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên nén (CNG), khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và năng lượng mặt trời (theo Quyết định số 1456/QĐ-BGTVT về Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của Bộ GTVT giai đoạn 2016 - 2020), trong thời gian tới, ngành GTVT cần triển khai những giải pháp như:

Quy hoạch phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng GTVT theo hướng giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Theo đó, cần quy hoạch mạng lưới đường ở các khu vực trọng điểm, nhất là các TP lớn để tạo điều kiện thuận lợi cho người tham gia giao thông. Đồng thời, chú trọng lồng ghép công tác giảm nhẹ phát thải KNK vào các quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư, phát triển GTVT. Ngoài ra, cần xây dựng các cơ chế, chính sách, khuyến khích sử dụng các phương tiện giao thông tiết kiệm năng lượng.

Thực hiện chương trình kiểm tra phát thải các phương tiện giao thông.

Tăng cường các trạm và tuần tra, kiểm soát trên đường để bảo đảm xe máy trong quá trình sử dụng luôn được bảo dưỡng, sửa chữa và kiểm tra đúng thời hạn về tiêu chuẩn khí thải khi tham gia giao thông đường bộ. Xe thuộc phạm vi, đối tượng quy định nhưng không thực hiện kiểm tra khí thải, không có giấy chứng nhận sẽ bị xử lý vi phạm hành chính.

Ứng dụng công nghệ giao thông thông minh, công nghệ vận tải xanh để giảm phát thải KNK trong lưu thông và vận chuyển hàng hóa. Mặt khác, phải rà soát, từng bước loại bỏ công nghệ, phương tiện, thiết bị kém hiệu quả, không thân thiện với môi trường. Tổ chức thí điểm và triển khai nhân rộng ứng dụng năng lượng tái tạo, công nghệ ít tiêu hao năng lượng (pin năng lượng mặt trời, đèn led...) vào các hạng mục chiếu sáng, báo hiệu giao thông.

Ngành GTVT cần ban hành chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia tài trợ về tài chính cho việc giảm nhẹ phát thải KNK.

Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân về các hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK trong GTVT. Phổ biến thông tin đến các doanh nghiệp vận tải, lái xe và người tham gia giao thông về các giải pháp giảm nhẹ phát thải KNK như: hạn chế phương tiện cá nhân, sử dụng nhiên liệu sinh học, nhiên liệu sạch...■

KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ CỦA KHU VỰC TƯ NHÂN CHO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ TĂNG TRƯỞNG XANH Ở VIỆT NAM



Ngày 20/10/2017, tại Hà Nội, Bộ Kế hoạch - Đầu tư phối hợp với Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ và Chương trình phát triển Liên hợp quốc tổ chức Hội thảo Tham vấn kỹ thuật báo cáo nghiên cứu đầu tư của khu vực tư nhân cho biến đổi khí hậu (BĐKH) và TTX ở Việt Nam.

Rà soát đầu tư và chi tiêu của khu vực tư nhân cho BĐKH (PCEIR) là nhiệm vụ phức tạp, hiện chỉ có vài quốc gia trên thế giới thực hiện. Theo ước tính sơ bộ, giai đoạn 2010 - 2015, tổng giá trị đầu tư của các doanh nghiệp (DN) liên quan đến BĐKH/TTX tại 2 lĩnh vực hiệu quả năng lượng (HQNL) và năng lượng tái tạo (NLTT) là khoảng 10,33 tỷ USD, trong đó, HQNL 630 triệu USD; NLTT 9,7 tỷ USD với gần 235 dự án, góp phần giảm hàng năm ít nhất 15 triệu tấn CO₂. Giai đoạn 2016 - 2020, nhu cầu đầu tư cho HQNL là 1,77 tỷ USD; NLTT là 4,1 - 4,8 triệu USD, đáp ứng nhu cầu về công suất 1.100 MW cho thủy điện, 850 MW cho năng lượng mặt trời và 810 cho điện gió.

Nhằm thực hiện hiệu quả PCEIR trong thời gian tới, cần sửa đổi và ban hành chính sách khuyến khích đầu tư cho HQNL, NLTT. Ở lĩnh vực HQNL, phải nâng cao nhận thức của cộng đồng, đào tạo kiến thức cho các DN, tổ chức tài chính; Tạo cơ chế tài chính bền vững về thời hạn, lãi suất, thủ tục, bảo lãnh thông qua hợp tác với các nhà đầu tư, quỹ, nhà tài trợ quốc tế về phát triển bền vững. Đồng thời, có chính sách khuyến khích, hỗ trợ các công ty dịch vụ năng lượng địa phương; Tiếp tục xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, lộ trình thực hiện việc sử dụng năng lượng hiệu quả cho các ngành công nghiệp...

Đối với lĩnh vực NLTT, cập nhật, áp dụng giá phù hợp, cơ cấu giá theo nguyên tắc "Chi phí tránh được", đảm bảo khả năng tài chính của các dự án đầu tư; Có cơ chế tài chính bền vững và khuôn khổ pháp lý nhất quán. Đồng thời, có cơ quan đầu mối quốc gia chịu trách nhiệm quản lý việc thúc đẩy các dự án NLTT ở quy mô chi tiết.

GIA LINH



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG KỶ NGUYÊN

Địa chỉ: 58/53 Nguyễn Minh Hoàng, P.12, Q. Tân Bình Tp. HCM

Tel: 028 3949 3080 - Fax: 028 3949 3081

Email: info@eratechgroup.com - Website: eratech.com.vn

Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Môi Trường Kỷ Nguyên (ERATECH) được thành lập vào tháng 02/2009, trụ sở đặt tại số 58/53 Nguyễn Minh Hoàng, P.12, Q. Tân Bình Tp. HCM. Eratech là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn, thiết kế, thi công, cung cấp, lắp đặt vận hành, đào tạo chuyển giao công nghệ về hệ thống xử lý nước thải, nước cấp, chất thải rắn.

Ngày 26/05/2017, Eratech đã tổ chức khánh thành đưa vào vận hành Dự án Đầu tư xây dựng vận hành Nhà máy xử lý nước thải tập trung cho KCN An Nghiệp, Sóc Trăng, công suất 10.000m³/ngày, để thu gom và xử lý toàn bộ lượng nước thải của các nhà máy trong KCN An Nghiệp – Huyện Châu Thành – Tỉnh Sóc Trăng. Chất lượng nước đầu ra luôn đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011, được giám sát bằng hệ thống quan trắc tự động.

Tính đến nay, Eratech đã ký gần 100 hợp đồng với các khách hàng tiềm năng như Unilever, Suntory Pepsico, Royal Haskoning-DHV, Petrolimex, Sanofi, Waterleau, Sannest, De Heus, Delta Galil, Sanna Khánh Hòa, Vina Pride, Baconco, Lafarge, Saint Gobain, Leow Foods, Nafoods, CLC... về các gói thầu hệ thống xử lý nước thải, nước cấp, chất thải rắn.

Với sứ mệnh cung cấp các sản phẩm, dịch vụ, giải pháp môi trường tối ưu, vượt trên cả sự mong đợi cho khách hàng, tập thể hơn 20 kỹ sư nhiều năm kinh nghiệm, cùng với chuyên viên tư vấn nước ngoài và đội ngũ công nhân có tay nghề của công ty vẫn luôn ngày đêm nghiên cứu, lao động phát triển không ngừng để luôn đáp ứng yêu cầu công việc ở mức cao nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHƯỚC HÒA FICO

Địa chỉ: Km 50, Quốc lộ 51, ấp Ông Trịnh, xã Tân Phước,
Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu



Đá xây dựng sàng 5-25 mm
(Đóng cho trạm xử lý nước)

Công ty cổ phần Phước Hòa Fico được thành lập theo quyết định số 2006/QĐ - BXD ngày 26/12/2004 của Bộ Xây Dựng, hiện đang khai thác khu mỏ đá, đất phụ trợ theo quyết định 103/QĐ.UBT ngày 27/01/1986 của UBND tỉnh Đồng Nai cấp cho Xí Nghiệp Đá Phước Hòa (tiền thân của Công ty Cổ phần Phước Hòa Fico ngày nay).

Căn cứ theo giấy phép khai thác khoáng sản số 13/GP-UBND ngày 30/7/2009 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Công ty cổ phần Phước Hòa Fico được phép khai thác đến hết năm 2025. Địa điểm mỏ được phép khai thác là Núi Ông Trịnh, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; Diện tích 93.36 ha; Công suất khai thác là 1.000.000m³/năm.

Các sản phẩm chính của Công ty gồm có:

- Đá ốp lát : Sản lượng 100.000 m²/năm;
- Đá bó vỉa hè : Sản lượng 5.000 m³/năm;
- Đá thủ công mỹ nghệ, Đá khối: 5.000 m³/năm;
- Đá xây dựng các loại (đá 1x2, đá 0x4, đá 4x6...) Sản lượng 1.000.000 m³/năm;
- Bột trắng thạch (0-3mm, 0-5mm...) 450.000 m³/năm;
- Cát xây dựng, Cát nhân tạo...: Sản lượng 360.000 m³/năm;
- Ngoài ra, Công ty còn sản xuất các sản phẩm khác theo nhu cầu của khách hàng và thị trường.

Công ty đã cung cấp cho thị trường trong và ngoài nước nhiều sản phẩm chế biến từ đá granite. Sản phẩm của Công ty đã có mặt trên thị trường nhiều nước như: Singapore, Mỹ, Úc, Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan...

Công ty luôn luôn cải tiến công nghệ và chất lượng sản phẩm để phục vụ yêu cầu của quý khách hàng ngày càng tốt hơn.

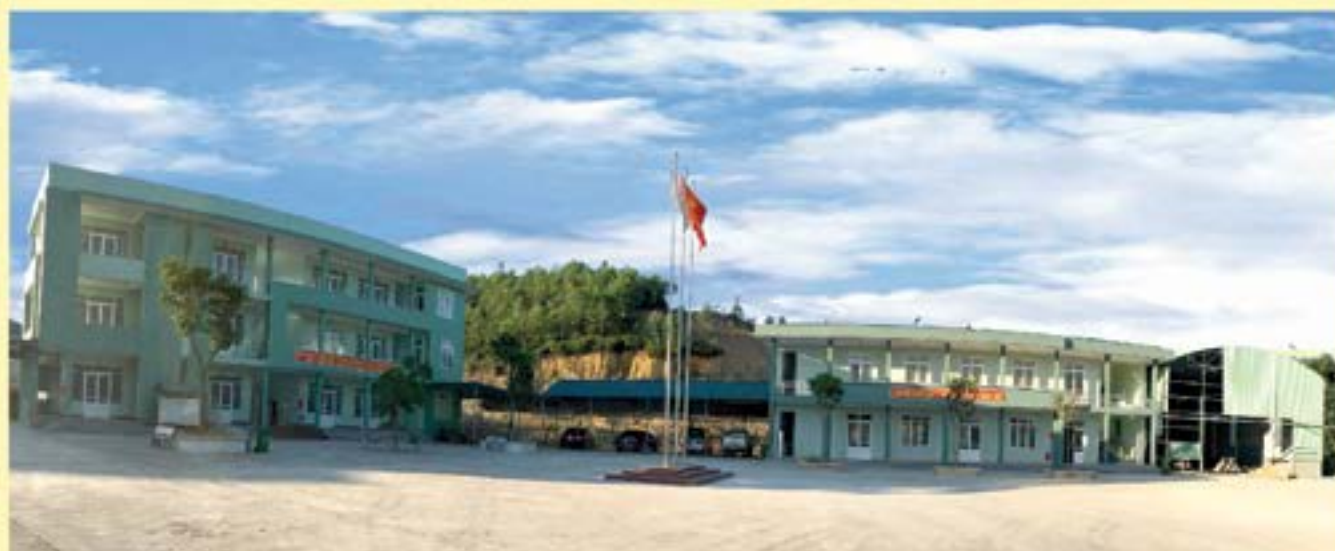


CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VIỆT XUÂN MỚI

Địa chỉ Trụ sở chính: Xóm 2 - Xã Minh Đức - Thị xã Phố Yên - Tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 02083. 865 568 - Fax: 02083. 865 568

Email: moitruongvietxuan@gmail.com - Website: <http://moitruongvietxuan.com>



Công ty CP Môi trường Việt Xuân Mới tiền thân là Công ty CP Môi trường xanh đô thị Phố Yên - doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xử lý chất thải công nghiệp, được thành lập ngày 21/10/2013, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4601145381 do Sở KH&ĐT tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 21/10/2013.

Lĩnh vực hoạt động chính: Thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp, chất thải y tế, chất thải xây dựng, chất thải sinh hoạt, nước thải các loại...; Thu mua, tái chế các loại phế liệu như kim loại, nhựa, giấy, gỗ, nilông...; Tư vấn, hỗ trợ các thủ tục môi trường



Với hệ thống trang thiết bị hiện đại và đội ngũ nhân viên có trình độ, giàu kinh nghiệm, cùng phương châm “ Vì môi trường Xanh - Sạch - Đẹp”. Công ty CP Môi trường Việt Xuân Mới rất mong muốn được hợp tác và cam kết cung cấp dịch vụ chất lượng cao với chi phí hợp lý nhất để cùng bảo vệ môi trường, hợp tác phát triển bền vững.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Phường Tiên Cát - Thành phố Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ
Ông Nguyễn Quang Huy - Tổng Giám đốc * Điện thoại: 02103 8466619



Chào mừng

KỶ NIỆM 63 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG THỦ ĐÔ
10/10/1954 - 10/10/2017

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI VÀ PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT YÊN BÌNH

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Giám đốc: Ông Nguyễn Đức Long - Điện thoại: 094 5070 819



Chào mừng kỷ niệm 63 năm
Ngày giải phóng Thủ đô
10/10/1954 - 10/10/2017

Chung tay vì một môi trường
Xanh - Sạch - Đẹp

CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HOÀ BÌNH

Trụ sở chính: Số 64, phố Phạm Huy Thông, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội

*Chúng ta bảo vệ Môi trường
Xanh - Sạch - Đẹp*



CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ ARABICA CẦU ĐẤT PHÚ VINH

Địa chỉ: Xuân Thọ - Tp Đà Lạt - Lâm Đồng
Email: phuvinhcaudat@gmail.com - Tel: 02633 560063



CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TP HỒ CHÍ MINH

Hiện nay, các sản phẩm cà phê Arabica Đà Lạt được nhiều khách hàng trong và ngoài nước biết đến. Bên cạnh các yếu tố chung như giống, khâu chăm sóc, thu hoạch, bảo quản... chất lượng cà phê Arabica Đà Lạt còn được quyết định bởi yếu tố độ cao của vùng đất nên vượt trội so với cà phê Arabica ở những nơi khác.

Do đó, Công ty TNHH Cà phê Arabica Cầu Đất Phú Vinh đã đầu tư xây dựng nhà máy chế biến cà phê Cầu Đất Đà Lạt với trên 35 tỷ đồng tại vùng trung tâm nguyên liệu (Xuân Thọ, Xuân Trường, Trạm Hành), với diện tích Nhà Máy chế biến sản xuất trên 9.800m² theo định hướng phát triển kinh tế xã hội tỉnh Lâm Đồng. Nhằm giải quyết hết nguồn nguyên liệu sản xuất cà phê Arabica của địa phương, giúp cho bà con nông dân có nơi tiêu thụ cà phê ổn định với giá cả hợp lý, đảm bảo lợi ích của người sản xuất nông nghiệp. Đồng thời, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động tại địa phương cũng như đóng góp cho ngân sách của tỉnh và Nhà Nước.

Với định hướng trở thành đơn vị xuất khẩu và cung cấp chuyên nghiệp được yêu thích nhất trong ngành chế biến cà phê, Công ty TNHH Cà phê Arabica Cầu Đất Phú Vinh không chỉ đảm bảo chất lượng mà còn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên một hệ thống sản xuất sạch.



Vườn tốt môi trường sạch hơn

Địa chỉ: Số 42 - 44 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Quận 1, TP. HCM
ĐT: (8428) 38203737 - (8428) 38208048 - Fax: (8428) 38296680



Văn phòng xanh - hướng tới thay đổi văn minh công sở

ThS. NGUYỄN THANH NGÂN

Tập đoàn Dệt may Việt Nam

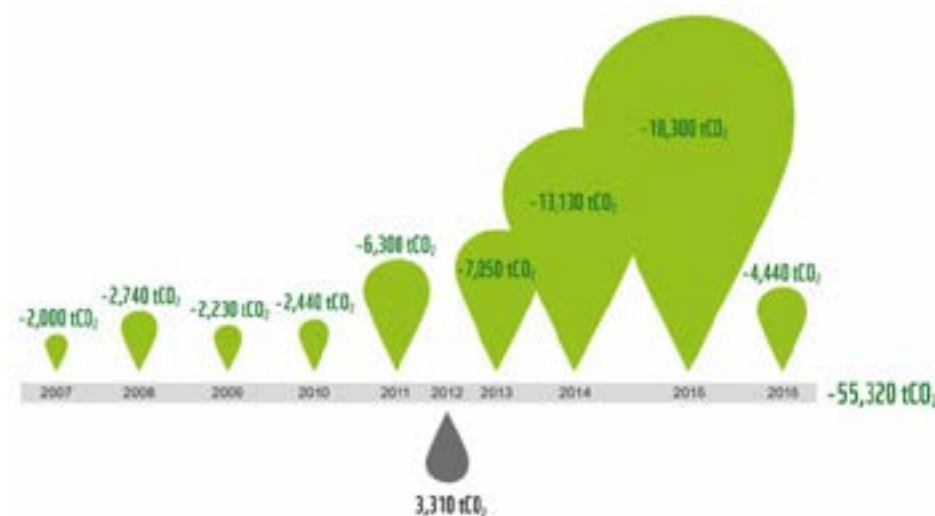
Văn phòng xanh (VPX) là sáng kiến của Quỹ Bảo vệ thiên nhiên toàn cầu (WWF) tại Phần Lan bắt đầu từ năm 1997, tuy nhiên đến năm 2002, Chương trình này mới chính thức thực hiện. Theo WWF, VPX là “hệ thống quản lý môi trường” giúp cho các văn phòng giảm phát thải khí nhà kính ngay tại nơi làm việc.

VPX tập trung vào việc thay đổi ý thức và hành vi của nhân viên hướng tới thực hiện hành vi tiêu dùng bền vững, nhằm giảm chi phí và tác động tới môi trường mang lại lợi ích cho tổ chức và tạo môi trường làm việc lành mạnh, thân thiện. Những thay đổi này diễn ra trong mọi mặt của vận hành văn phòng: giảm tiêu thụ năng lượng (điện), các nguồn tài nguyên (nước, giấy), tận dụng ánh sáng tự nhiên, đảm bảo lưu thông không khí; chọn mua các sản phẩm, thực phẩm thân thiện với môi trường tới việc xây dựng hệ thống tái chế và tái sử dụng; sử dụng các nguồn năng lượng xanh, xây dựng ý thức xanh cho toàn bộ nhân viên... Tuy nhiên, không có công thức chung về VPX cho tất cả các văn phòng mà tùy thuộc vào

quy mô, điều kiện của mỗi tổ chức để xây dựng một “hệ thống quản lý môi trường” sao cho phù hợp và hiệu quả.

Trong khi đó, đối tượng của VPX khá đa dạng, phù hợp với tất cả các loại hình tổ chức, dù khu vực tư nhân hay khu vực công. Phương châm của VPX “Ngay cả những hành động nhỏ cũng có thể tạo ra sự khác biệt nếu có đủ người tham gia”. Tính đến nay, tại Phần Lan nơi “khai sinh” ra khái niệm VPX, mạng lưới này đã có sự tham gia của 403 văn phòng đến từ hơn 150 tổ chức. Tại các quốc gia khác có 128 VPX đến từ 106 tổ chức khác nhau. Theo báo cáo kết quả thực hiện của các VPX tại Phần Lan từ năm 2007 - 2016 cho thấy, sau khi tham gia Chương trình đã giảm 55.300 tấn CO₂, tiết kiệm khoảng 6 triệu tờ giấy, điều này cũng đồng nghĩa với việc chùng đồ chất thải từ giấy được giảm đi. Ngoài ra còn nhiều lợi ích khác.

Tính đến năm 2017, khái niệm VPX đã tồn tại 20 năm và chính thức triển khai được 15 năm. Tại Việt Nam, WWF là tổ chức đầu tiên đưa mô hình VPX vào giới thiệu với các doanh nghiệp và tổ chức trong nước. Trong khi đó, Công ty Conforama là đơn vị đầu tiên nhận được chứng chỉ VPX của WWF từ năm 2007. Mạng lưới VPX của WWF tại Việt Nam tập hợp các thành viên như: Đại sứ quán Anh, Đại sứ quán Phần Lan, Công ty Toyota motor Việt Nam, Công ty Thiết kế Out-2 Design, Công ty Tanner... Mặc dù được đưa vào Việt Nam từ khá sớm nhưng việc triển khai VPX chưa phổ biến, vì nhiều nguyên nhân khác nhau. Từ khi Nghị quyết số 24-NQ/TW năm 2013 chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT do Ban chấp hành Trung ương ban hành thì vấn đề “giảm nhẹ phát thải” bắt đầu được quan tâm nhiều hơn ở tất cả các lĩnh vực: công nghiệp, nông nghiệp, sản xuất dịch vụ... bao gồm cả việc xây dựng và duy trì một “lối sống bền vững các-bon thấp” trong cộng đồng. Đây chính là động lực để VPX có cơ hội được triển khai và nhân rộng ở Việt Nam. Việc xây dựng lối sống xanh (LSX) ở văn phòng, thúc đẩy nhân viên văn phòng thay đổi hành vi tiêu dùng theo hướng bền vững hơn và duy trì các hành vi đó chính là mục tiêu mà Chương trình VPX tại Việt Nam, hướng tới dưới sự hỗ trợ kỹ thuật của



▲ Lượng CO₂ mà các văn phòng tại Phần Lan tiết kiệm được sau khi tham gia Chương trình VPX trong các năm từ 2007-2016 (nguồn WWF)



Viện Công nghệ Châu Á tại Việt Nam (AIT-VN) và Chương trình này do UNEP (Chương trình môi trường của Liên hợp quốc) tài trợ.

Các văn phòng khi tham gia Chương trình sẽ được chuyển giao Bộ công cụ lối sống VPX và Tiêu chuẩn VPX (tiêu chuẩn GO) phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Bộ công cụ lối sống VPX bao gồm: Hướng dẫn thực hành và công cụ triển khai. Còn tiêu chuẩn GO được thiết lập dựa trên tiêu chuẩn ISO 14064 (tiêu chuẩn quốc tế về khí nhà kính) và GHG Protocol (giao thức báo cáo khí nhà kính). Khi sử dụng tiêu chuẩn GO, các văn phòng sẽ xác định được phạm vi và nguồn phát thải; tính toán được lượng phát thải; giám sát, đánh giá và lập báo cáo phát thải. Kết hợp tiêu chuẩn GO và bộ công cụ lối sống VPX, các văn phòng sẽ có một bộ công cụ toàn diện cho việc xây dựng và đánh giá văn phòng của mình. Nếu LSX này được duy trì và cải tiến liên tục, các văn phòng sẽ thấy được lợi ích đầu tiên đó là giảm chi phí vận hành, quản lý một tổ chức nhờ vào tiêu thụ điện, nước giảm; lượng giấy sử dụng ít; chất thải được quản lý chặt chẽ... Tiếp đến, ý thức và hành vi tiêu dùng của nhân viên văn phòng thay đổi, nhóm đối tượng này sẽ nhận thức rõ, ngay cả việc tham gia giao thông hàng ngày, đi công tác, lưu trú... cũng có tác động làm phát thải các-bon gây hiệu ứng nhà kính. Nhóm nhân viên văn phòng được kỳ vọng sẽ có những hành động cụ thể duy trì hoạt động trong văn phòng thường xuyên, cải tiến liên tục nhằm thiết lập một LSX, môi trường làm việc xanh đúng nghĩa.

VPX - từ những thay đổi tưởng chừng như rất nhỏ của nhóm người làm việc trong các văn phòng nhưng đã có thể thiết lập một LSX, bền vững. Đây là công cụ đơn giản nhưng hiệu quả, góp phần chung tay thực hiện mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của Việt Nam đạt mức 8% như đã cam kết tại Hội nghị Liên hợp quốc về BĐKH (COP 21)■

Washington D.C nỗ lực phát triển theo hướng xanh hóa

THANH HÀ

Học viện Ngoại giao Việt Nam



▲ Thủ đô Washington D.C, Mỹ

Washington D.C là Thủ đô của Mỹ, phía Đông giáp với Đại Tây Dương và là một trong những địa điểm du lịch được ưa chuộng nhất nước Mỹ, với nhiều bảo tàng, đài kỷ niệm quốc gia và những kiến trúc độc đáo. Đặc biệt, năm 1994, Washington D.C đã được nhận Chứng nhận Công trình xanh LEED của Hội đồng Công trình xanh Mỹ (USGBC), với nhiều tòa nhà văn phòng, bệnh viện, trường học đáp ứng tiêu chuẩn bền vững về vật liệu xây dựng, sử dụng nước và năng lượng hiệu quả..., đóng góp cho sự phát triển theo hướng xanh hóa của TP.

KIẾN TRÚC XANH

Nằm giữa 2 tiểu bang Maryland và Virginia, Thủ đô Washington D.C có diện tích 184.824 km², dân số 672.228 người (năm 2015). Năm 1791, Tổng thống George Washington giao thiết kế TP cho Pierre Charles L'Enfant, một kiến trúc sư người Pháp. Qua bàn tay thiết kế của Pierre Charles L'Enfant, Thủ đô mang diện mạo giản đơn với kiến trúc cổ, dãy nhà biệt lập ẩn mình dưới những hàng cây xanh, cùng nhiều khoảng không gian trống, quang cảnh thoáng mát, tạo nên sự gần gũi, đưa con người đến gần với thiên nhiên.



Đồng thời, Thủ đô Washington D.C có những quy định nghiêm ngặt về xây dựng xanh. Điều 1 trong Hiến pháp Mỹ quy định, Thủ đô phải là hình vuông, mỗi cạnh 16 km. Sau khi Tòa nhà Chung cư Cairo 12 tầng được xây dựng vào năm 1899, Quốc hội Mỹ đã thông qua Đạo luật về chiều cao của nhà cao tầng vào năm 1910, trong đó tuyên bố không có tòa nhà nào được phép xây cao hơn Tòa Quốc hội Mỹ (88 m) và chiều cao của tòa nhà tối đa bằng chiều ngang của con đường trước mặt cộng thêm khoảng 6 m. Vì thế, những tòa nhà tại Washington D.C cao nhất khoảng 11-12 tầng.

Bên cạnh đó, Washington D.C đã trồng nhiều cây xanh trong TP. Cây xanh không chỉ giúp lọc không khí, bụi bẩn và các khí độc hại như CO₂, chúng còn là “cỗ máy điều hòa” không khí làm dịu bớt nhiệt độ đang ngày càng nóng lên do sự phát triển của dân số, các khu công nghiệp và phương tiện giao thông. Vì vậy, ở Washington D.C, hệ thống cây xanh được trồng dọc theo các tuyến đường và công viên. Phong trào trồng cây xanh trong TP đã từng được Tổng thống George Washington phát động và vẫn tiếp tục cho đến ngày nay. Điều này giúp cho Washington D.C trở thành một trong những TP có diện tích phủ xanh lớn nhất thế giới, với khoản tiền đầu tư cho việc trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh lên tới 10 triệu USD/năm.

GIAO THÔNG XANH

Giao thông đóng vai trò quan trọng và có ý nghĩa đặc biệt trong xây dựng đô thị theo hướng xanh và bền vững. Do đó, bên cạnh kiến trúc xanh, Washington D.C còn chú trọng phát triển giao thông xanh và xem đây là yếu tố quan trọng mang tính chiến lược để xanh hóa TP.

Có thể nói, mặc dù, số lượng phương tiện ô tô lưu thông trên đường lớn song ở Washington D.C hầu như không có hiện tượng tắc đường. Đạt được kết quả trên, ngoài việc phân luồng và bố trí tuyến nhánh hiệu quả, còn do hệ thống xử phạt vi phạm nghiêm khắc. Ở Washington D.C, nếu vi phạm luật giao thông sẽ bị cảnh sát phạt khoảng 200 USD, lỗi vượt đèn đỏ là 380 USD, phát hiện cồn trong hơi thở có thể bị phạt đến hàng nghìn USD và bị truy tố trước tòa... Nhờ đó, ý thức chấp hành giao thông của người dân được nâng cao, hạn chế tắc đường, giảm lượng khí thải gây ô nhiễm môi trường.

Đặc biệt, ở Thủ đô Washington, trên các tuyến đường đều bố trí nhiều thùng rác và

LEED là hệ thống tiêu chuẩn quốc tế về kiến trúc xanh. Được phát triển bởi Hội đồng Công trình xanh của Mỹ (USGBC), LEED cung cấp cho các chủ sở hữu, cũng như nhà quản lý cơ sở vững chắc trong việc xác định công trình kiến trúc xanh đạt tiêu chuẩn. LEED cũng phân chia thành các mức đánh giá khác nhau dựa trên tổng số điểm mà công trình đạt được, bao gồm: Chứng chỉ Bạch kim, Vàng, Bạc. Để được nhận Chứng nhận LEED, công trình phải sử dụng hiệu quả nguồn nước, năng lượng, thải ít khí CO₂ và tận dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên...

người dân phải bỏ rác vào thùng theo quy định. Ngoài ra, Washington D.C còn tăng cường các giải pháp phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng; xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, tạo sức hút cho doanh nghiệp tham gia kinh doanh, cung cấp dịch vụ vận tải. Đồng thời, TP cũng khuyến khích việc đầu tư phương tiện vận tải khối lượng lớn, sử dụng năng lượng sạch, ít gây ô nhiễm môi trường như tàu điện ngầm, tàu điện trên cao và xe buýt nhanh...

GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH NHỜ TẬN DỤNG NĂNG LƯỢNG SẠCH

Nước Mỹ nói chung và Thủ đô Washington D.C nói riêng đang nỗ lực để thực hiện minh chứng, việc giảm khí nhà kính không mâu thuẫn với phát triển kinh tế. Ngược lại, nó còn có thể gia tăng hiệu quả, nâng cao năng suất và thúc đẩy sự đổi mới, sáng tạo. Đối với các doanh nghiệp, giảm khí thải không chỉ tốt cho môi trường mà còn tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp, giảm chi phí cho người tiêu dùng và đem lại lợi nhuận cho các cổ đông.

Để giảm phát thải khí nhà kính, Thủ đô Washington

D.C đặt ra mục tiêu cung cấp 50% lượng điện từ năng lượng tái tạo trong tổng sản lượng điện năng của TP. Mục tiêu này đã được nêu rõ trong Luật Tiêu chuẩn Tỷ lệ Điện năng tái tạo. Luật quy định tăng cường sản xuất điện năng từ các nguồn năng lượng tái tạo như gió, mặt trời, sinh khối và nhiệt, trong đó, sản lượng điện năng mặt trời sẽ đóng góp 5%. Ngoài ra, Washington D.C còn hỗ trợ các hộ gia đình có thu nhập thấp lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời trên mái nhà, góp phần thực hiện mục tiêu vào năm 2032, TP sẽ cắt giảm 50% lượng khí thải các bon.

Với nhiều giải pháp hữu hiệu, đến nay, Washington D.C là TP có nhiều dự án đạt Chứng nhận LEED nhất ở Mỹ. Nhiều trường học công lập như trường Trung học Brookland, trường Cấp 3 Dunbar và Trung học McKinley đã được nhận Chứng chỉ LEED Bạch kim. Ngoài ra, 19 công trình cơ sở hạ tầng khác cũng nhận được Chứng nhận LEED. Có thể nói, phát triển theo hướng xanh hóa của Washington D.C là hướng đi đột phá, giúp cho TP đáp ứng các tiêu chuẩn phát triển bền vững■



● Quảng Ngãi triển khai Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh

UBND tỉnh Quảng Ngãi vừa có Quyết định giao 36 tỷ đồng kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Trung ương năm 2017 cho các dự án thuộc Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) và tăng trưởng xanh (TTX).

Theo đó, tỉnh giao 6 tỷ đồng thực hiện Dự án Trồng rừng ngập mặn ven biển các xã: Bình Phước, Bình Đông, Bình Dương (huyện Bình Sơn); 30 tỷ đồng xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với BĐKH, phát triển hạ tầng khu vực xã Tịnh Kỳ và phía Đông huyện Sơn Tịnh.

Căn cứ vào nguồn vốn được giao, Giám đốc Sở TN&MT có trách nhiệm triển khai dự án và đảm bảo hoàn thành kế hoạch theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Thời gian giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2017 thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Điều 46, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, Nghị quyết của Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Tác động của BĐKH làm thời tiết diễn biến thất thường, gia tăng tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn, gây nhiều thiệt hại đến sản xuất và sinh hoạt của người dân ở Quảng Ngãi. Triển khai Chương trình mục tiêu ứng phó với BĐKH và TTX sẽ giúp Quảng Ngãi chủ động ứng phó với thiên tai và những tác động bất lợi của BĐKH, hướng tới nền kinh tế TTX, phát triển bền vững■

B. HẰNG

● Tăng cường khả năng chống chịu với những tác động của biến đổi khí hậu cho các cộng đồng dễ bị tổn thương ven biển Việt Nam



▲ Hội thảo ứng phó với BĐKH của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 5/6/2017

Thủ tướng Chính phủ vừa ban hành Quyết định số 1029/QĐ-TTg phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Tăng cường khả năng chống chịu với những tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) cho các cộng đồng dễ bị tổn thương ven biển Việt Nam.

Dự án do Quỹ Khí hậu xanh viện trợ không hoàn lại thông qua Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc, được thực hiện tại 7 tỉnh: Nam Định, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Quảng Bình, Quảng Nam, Cà Mau. Thời gian thực hiện từ năm 2017 đến năm 2021, với tổng mức đầu tư gần 930 tỷ đồng.

Mục tiêu của Dự án là tăng cường năng lực chống chịu với những tác động của thiên tai và BĐKH gây ra cho các cộng đồng dân cư ven

biển dễ bị tổn thương tại Việt Nam. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm là tăng cường khả năng chống chịu cho hạ tầng nhà ở dân sinh trước những tác động của BĐKH, hỗ trợ ổn định cuộc sống và điều kiện an toàn cho các hộ dân tại những vùng thường xuyên bị thiên tai vùng duyên hải; tăng tỷ lệ che phủ và cải thiện chất lượng rừng ngập mặn, làm chức năng phòng hộ chắn sóng, bảo vệ cộng đồng dân cư ven biển, góp phần hấp thụ khí các bon để giảm phát thải khí nhà kính và nâng cao đa dạng sinh học. Đồng thời, thiết lập và tăng cường ứng dụng hệ thống thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu để hỗ trợ quá trình ra quyết định, lập quy hoạch, kế hoạch có tính tới các rủi ro và khả năng chống chịu với BĐKH.

M. HƯƠNG



Xử lý rác thải - vấn đề cần quan tâm tại đảo Nam Du

Cách Sài Gòn khoảng 250 km, quần đảo Nam Du được mệnh danh là những “viên ngọc thô quyến rũ” và được ví như một Phú Quốc khác của tỉnh Kiên Giang. Quần đảo Nam Du bao gồm 21 đảo lớn, nhỏ thuộc 2 xã Nam Du và An Sơn, huyện Kiên Hải, với nhiều tiềm năng để phát triển du lịch, trong đó đảo Cù Tron là đảo lớn nhất, tập trung nhiều hoạt động cho du khách nghỉ ngơi và trải nghiệm.

Trước đây, hoạt động kinh tế chủ yếu của người dân là đánh bắt hải sản nhưng hiện nay, người dân có thể tham gia vào một số hoạt động du lịch như lái tàu, phục vụ, buôn bán kinh doanh, cho thuê tàu... Đặc biệt, trào lưu thiết kế tour gia đình với dịch vụ homestay (mô hình du lịch cộng đồng), đưa du khách tham quan các hòn đảo quanh quần đảo Nam Du trở nên phổ biến. Theo UBND xã An Sơn, xã hiện có khoảng 20 hộ thiết kế tour gia đình. Nhìn chung, hoạt động du lịch tại đảo Nam Du đa dạng, hấp dẫn du khách, đóng góp cho hoạt động kinh tế của người dân địa phương, góp phần tăng thu nhập và tạo thêm việc làm của người dân.

Tuy nhiên, do lượng khách du lịch đến Nam Du ngày càng tăng (năm 2015 đón 27.000

lượt khách, năm 2016 đón hơn 72.000 lượt khách) nên phát sinh nhiều rác thải sinh hoạt. Bên cạnh đó, các tàu biển đánh bắt xa bờ, nhà nghỉ, nhà trọ, quán ăn, người dân sống trên đảo Cù Tron và một số đảo khác đã thải trực tiếp rác thải, nước thải xuống biển, gây mất mỹ quan và ô nhiễm nguồn nước biển. Cùng với đó, một số du khách trong quá trình lặn ngắm san hô đã bẻ san hô sống đem về nhà, phá hủy sự sống của san hô. Ngoài ra, việc tự ý khai thác nhum cho du khách thưởng thức cháo nhum gây tuyệt chủng loài này trong tương lai.

Để du lịch Nam Du có thể phát triển bền vững trong tương lai cần sự chung tay góp sức của người dân và chính quyền địa phương, đặc biệt, cần có những hành động thiết thực để BVMT biển. Do đó, xử lý rác thải chính là vấn đề

cần quan tâm hàng đầu tại đảo Nam Du, vì vậy, người dân và chính quyền địa phương cần có biện pháp thu gom phân loại và tập kết rác ở một địa điểm cố định. Hàng ngày, các tàu đánh cá vào đất liền Rạch Giá để bán hải sản có thể chở rác từ điểm tập kết vào đất liền để xử lý. Những chiếc tàu nào đăng ký chở rác từ đảo vào đất liền sẽ giảm thuế đăng kiểm và thuế môi trường. Đặc biệt, có hình thức tuyên dương, khen thưởng cho các tàu tình nguyện thu gom rác vào đất liền.

Đồng thời, chính quyền địa phương cần thành lập ban quản lý hoạt động du lịch tại địa phương do người dân địa phương quản lý để kiểm tra các hoạt động du lịch tại đảo; Khuyến khích người dân thu dọn vệ sinh môi trường xung quanh nơi sinh sống và kinh doanh du lịch; Kêu gọi các đội thuyền tình nguyện đánh bắt vớt rác hàng tuần tại các bãi tắm, rác trôi dạt vào bờ; Bắt buộc các tàu du lịch và tàu đánh cá trang bị thùng rác để bỏ rác thải, sau khi tàu cập bến, những rác thải này được chuyển đến chỗ tập kết rác cố định. Mặt khác, tuyên truyền giáo dục ý thức BVMT cho người dân thông qua các lớp tập huấn, treo pano, áp phích, có chiến dịch hay việc làm thiết thực để nâng cao ý thức BVMT cho người dân trên biển và du khách nhân các ngày lễ lớn về môi trường...■

LÊ THỊ TỔ QUYÊN



▲ Xử lý rác thải sinh hoạt là vấn đề cần quan tâm tại đảo Nam Du



Cà phê Phước An: Thương hiệu cà phê sạch, chất lượng cao

Trải qua 40 năm xây dựng và phát triển, đến nay, Công ty Cổ phần cà phê Phước An (xã Ea Yông, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk) đã từng bước đi lên, tạo được thương hiệu uy tín trên thị trường xuất khẩu cà phê và nông sản. Thực hiện định hướng của tỉnh về phát triển cà phê bền vững thân thiện với môi trường, Công ty đã áp dụng sản xuất cà phê sạch, năng suất cao, chất lượng tốt, gắn với BVMT vừa tăng sức cạnh tranh, vừa nâng cao giá trị cà phê xuất khẩu.

Công ty TNHH MTV cà phê Phước An (Công ty cà phê Phước An) thành lập từ năm 1977, với 240 ha cà phê, tiền thân là Nông trường cà phê Phước An. Năm 2009, Công ty Cà phê Phước An là DN 100% vốn Nhà nước đầu tiên được UBND tỉnh Đắk Lắk chọn thực hiện thí điểm cổ phần hóa. Tiến trình cổ phần hóa gặp nhiều khó khăn, kéo dài gần 10 năm với 3 lần định giá tài sản, đến tháng 9/2017, Công ty đã hoàn thành chuyển đổi sang cổ phần hóa với tên gọi là Công ty CP cà phê Phước An. Trong quá trình phát triển, Công ty đã khẳng định được vị thế, uy tín trên thị trường cà phê trong nước và quốc tế. Hiện nay, Công ty đang là một trong những DN dẫn đầu thế giới về sản xuất, xuất khẩu cà phê chất lượng theo Tiêu chuẩn UTZ UTZ Certified (sản phẩm cà phê được đảm bảo về xã hội và môi trường), xuất sang các nước như Anh, Pháp, Mỹ, Đức, Thụy Sĩ, Tây Ban Nha... Các sản phẩm chủ lực của Công ty là cà phê nhân UTZ R18, cà phê nhân khô, Robusta chế biến khô, Robusta chế biến ướt UTZ...

Là DN có diện tích cà phê lớn, khoảng 1.400 ha, Công ty đã thực hiện sản xuất cà phê theo quy trình khép kín từ khâu chọn giống, trồng, chăm sóc, đến thu mua, sản xuất, với sản lượng cà phê khoảng 11.000 tấn quả tươi/vụ và xuất khẩu từ 7.000 - 10.000 tấn nhân/năm. Để nâng cao sản lượng thu hoạch, đảm bảo đời sống cho đồng bào dân tộc tại địa phương, Công ty đã tiến hành ký hợp đồng giao nhận khoán vườn cà phê với các hộ dân và người dân được hướng dẫn các phương pháp khoa học kỹ thuật trong chăm sóc, thu hoạch cà phê. Năm 2004, Công ty bắt đầu triển khai mô hình trồng xen canh cà phê và sầu riêng trên diện tích lớn vì cà phê là cây ưa bóng, sầu riêng là cây có tán rộng có thể che nắng, khi trồng xen canh sẽ có tác dụng hỗ trợ cho nhau. Mô hình trên giúp tăng năng suất cho cây cà phê, đa dạng cây trồng, thích ứng với biến đổi khí hậu, cũng như cải thiện sinh kế, tăng thu nhập



▲ Mô hình trồng xen canh cà phê và sầu riêng của Công ty giúp tăng thu nhập cho người dân

cho người dân trồng cà phê. Theo ông Trương Quang Tuấn - Phó Tổng giám đốc Công ty, hiện Công ty có khoảng 400 ha cà phê trồng xen sầu riêng do hơn 200 hộ dân tham gia nhận khoán chăm sóc và hưởng lợi. Trung bình 1 ha cà phê xen canh sầu riêng sẽ cho doanh thu gần 800 triệu - 1 tỷ đồng. Năm 2014, Công ty tiếp tục xen canh cây bơ Booth 7 trên hơn 100 ha cà phê, giúp cải tạo sinh thái và đem lại hiệu quả kinh tế cao cho cả Công ty, cũng như bà con nông dân. Nhằm nâng cao năng suất và cải thiện chất lượng sản phẩm, Công ty đã thực hiện thí điểm thành công mô hình sản xuất sầu riêng, bơ theo Tiêu chuẩn VietGAP và đăng ký thương hiệu "Sầu riêng Phước An", "Bơ Phước An" với Cục Sở hữu Trí tuệ.

Trong những năm gần đây, với sự quan tâm đầu tư hệ thống chế biến, phân loại cà phê hiện đại và áp dụng các biện pháp kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất, Công ty đang phát triển cà phê theo hướng bền vững, tạo ra sản phẩm có chất lượng sạch, thân thiện môi trường. Cụ thể, Công ty đã chủ động xây dựng vùng nguyên liệu sạch, sử dụng phân hữu cơ vi sinh, hạn chế phân vô cơ và không dùng hóa chất bảo vệ thực vật, thực hiện quản lý dịch hại tổng hợp trong sản xuất cà phê, giúp cải thiện chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh, nâng cao giá trị cà phê xuất khẩu. Để được cấp chứng nhận UTZ Certified, Công ty phải đạt được các tiêu chí



▲ Hệ thống xử lý nước thải của Công ty

về trồng trọt, sản xuất thân thiện với môi trường, người nông dân phải chăm sóc cà phê theo đúng quy trình, đảm bảo các yêu cầu về phân bón, thuốc trừ sâu, giữ gìn vệ sinh môi trường. Đồng thời, Công ty phải tuân thủ các quy định về BVMT, thực hiện trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng, qua đó, nâng cao hình ảnh, vị thế của Công ty trên thương trường quốc tế.

Để giảm thiểu tác động đến môi trường, năm 2015, Công ty đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải, công suất 500 m³/ngày, đêm, với các phương pháp công nghệ sinh học, kết hợp với hóa lý, nước thải sau xử lý đảm bảo quy chuẩn QC 40:2011/BTNMT loại B. Ngoài ra, Công ty đã ký hợp đồng với một doanh nghiệp trên địa bàn thu gom, xử lý chất thải rắn theo đúng quy định, đồng thời, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và giám sát môi trường định kỳ 2 lần/năm. Với những nỗ lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đóng góp cho xã hội, những năm qua, Công ty đã được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, 2 Huân chương Lao động hạng Ba; giải thưởng Sao Vàng Đất Việt; giải thưởng Sao Đỏ; giải thưởng Chất lượng Vàng Việt Nam; doanh nghiệp văn hóa UNESCO và nhiều danh hiệu cao quý khác.

Là DN trong cả phê đầu tiên của ngành cà phê Việt Nam cổ phần hóa thành công, Công ty cam kết sẽ tăng cường sản xuất cà phê chất lượng cao gắn với BVMT và phát triển bền vững, góp phần nâng tầm thương hiệu cà phê Buôn Ma Thuột trong thời gian tới■

THU THẢO

Hà Nội quyết tâm...

(Tiếp theo trang 17)

trên địa bàn; Tổ chức điều tra, khảo sát đánh giá hiện trạng tổng thể các hồ, giao Trung tâm quan trắc TN&MT Hà Nội thực hiện quan trắc nhằm đánh giá chất lượng nước các ao, hồ để làm cơ sở lựa chọn, xây dựng danh mục ưu tiên xử lý ô nhiễm hồ; Xây dựng Kế hoạch BVMT hồ TP. Hà Nội đến năm 2020; Xây dựng quy chế, tăng cường trách nhiệm của các cơ quan quản lý và chính quyền địa phương trong công tác khai thác, sử dụng hiệu quả quỹ đất, cảnh quan môi trường xung quanh các hồ và sử dụng mặt nước hồ, đảm bảo đúng mục đích, thân thiện môi trường; Tìm kiếm công nghệ tiên tiến, hiệu quả, phù hợp với điều kiện của TP để xử lý ô nhiễm các hồ; Đẩy nhanh dự án cải tạo hồ, hệ thống thoát nước, thu gom, tách nước thải vào các sông, hồ; Tập trung nguồn lực cho việc xử lý ô nhiễm nước sông, hồ từ nguồn ngân sách TP. kết hợp các nguồn vốn huy động khác.

***Để Nghị quyết số 11-NQ/TU của Thành ủy Hà Nội đi vào cuộc sống, đảm bảo Hà Nội là TP đáng sống. Thời gian tới, Sở TN&MT sẽ triển khai những hoạt động gì?**

Ông Lê Tuấn Định: Để triển khai Nghị quyết số 11-NQ/TU, UBND TP. Hà Nội đã ban hành Kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 3/7/2017 nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp; phân công trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, giao tổng hợp các chỉ tiêu giám sát, đánh giá đến từng Sở,

ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã; đồng thời yêu cầu phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị các cấp, cơ quan, đoàn thể và mọi tầng lớp nhân dân Thủ đô trong công tác BVMT.

Kế hoạch số 160/KH-UBND đã đề ra 13 nội dung, nhiệm vụ trọng tâm (chia làm 20 lĩnh vực cụ thể) cần thực hiện trong giai đoạn từ nay đến năm 2020. Trên cơ sở tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn đến năm 2020, UBND TP sẽ xây dựng các chỉ tiêu, mục tiêu cụ thể và đề xuất nhiệm vụ trọng tâm thực hiện trong giai đoạn tiếp theo đến năm 2030, nhằm hướng tới việc xây dựng những điều kiện cơ bản cho nền kinh tế xanh, ít chất thải và phát triển bền vững Thủ đô.

Với trách nhiệm là cơ quan được UBND TP giao trách nhiệm thường trực triển khai Nghị quyết số 11-NQ/TU của Thành ủy, Sở TN&MT sẽ thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn các Sở, ngành và UBND các quận, huyện và thị xã triển khai thực hiện Kế hoạch số 160/KH-UBND, đảm bảo đúng tiến độ được UBND TP giao. Đồng thời, Sở sẽ phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền thông, tổ chức chính trị - xã hội tăng cường tuyên truyền sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân về Nghị quyết số 11-NQ/TU và Kế hoạch số 160/KH-UBND, nhằm huy động sự vào cuộc cùng chung tay, góp sức BVMT.

***Xin cảm ơn ông!**

HƯƠNG TRẦN (Thực hiện)



CÔNG TY TNHH MTV APATIT VIỆT NAM:

Đảm bảo an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong khai thác mỏ

Trải qua chặng đường hơn 60 năm xây dựng và trưởng thành, Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam luôn quan tâm công tác quy hoạch thăm dò nguồn quặng, đánh giá trữ lượng, lập quy hoạch khai thác mỏ, sản xuất, chế biến quặng sát với yêu cầu thực tế. Đồng thời, tiếp tục cải thiện điều kiện làm việc, đảm bảo an toàn trong sản xuất công nghiệp và BVMT tại các điểm khai khoáng. Để tìm hiểu rõ hơn về việc phát huy sáng kiến, đổi mới công nghệ nhằm BVMT và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên của quốc gia, phóng viên Tạp chí Môi trường đã có cuộc phỏng vấn ông Nguyễn Quang Lợi - Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam.



▲ Tổ hợp Văn hóa, Thể thao của Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam

*** Là đơn vị mạnh của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và tỉnh Lào Cai, vậy Công ty đã thực hiện các quy định BVMT như thế nào, thưa ông ?**

Ông Nguyễn Quang Lợi: Là doanh nghiệp Nhà nước đóng trên địa bàn tỉnh Lào Cai, Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam nghiêm chỉnh chấp hành các quy định pháp luật về BVMT. Theo đó, các dự án của Công ty đều thực hiện đúng theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định của Bộ TN&MT và UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt.

Thực hiện việc niêm yết công khai về môi trường tại địa phương và tại địa điểm thực hiện dự án theo quy định pháp luật để cộng đồng dân cư biết, kiểm tra, giám sát. Đồng thời, thực hiện đầy đủ các quy định về sử dụng và khai thác nước mặt như phí, thuế...; Quan trắc, giám sát chất lượng môi trường theo các nội dung quy định 4 lần/năm; Các thông số môi trường đều được lấy mẫu, phân tích đầy đủ. Kết quả cho thấy, các

thông số môi trường đều có trị số dưới ngưỡng quy định cho phép theo các TCVN, QCVN.

Ngoài ra, Công ty tuân thủ nghiêm các biện pháp BVMT, cụ thể: Nước sinh hoạt đều được thu gom, xử lý qua hệ thống bể tự hoại trước khi xả ra môi trường. Về bụi phát sinh chủ yếu từ quá trình hoạt động của các máy khai thác và vận chuyển quặng, Công ty thường xuyên có 8 - 10 ô tô dung tích chứa từ 10 - 12 m³ chuyên hoạt động phục vụ tưới nước đập bụi; Tăng cường tần suất tưới nước đập bụi tại các trục đường vận tải nhất là khu đông dân cư. Chất thải rắn, gồm đất đá thải phát sinh trong quá trình khai thác

được đổ thải vào các bãi thải theo quy hoạch đã được phê duyệt của từng dự án.

Đối với chất thải nguy hại (CTNH), Công ty đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải của Sở TN&MT. Các CTNH phát sinh chủ yếu như dầu bôi trơn thải sau sửa chữa, bảo dưỡng, giẻ lau dính dầu, cao su dính dầu... Công ty ký hợp đồng chuyển giao xử lý, vận chuyển cho cơ sở có giấy phép xử lý, vận chuyển theo quy định. Từ năm 2007 đến 2017, Công ty đã ký quỹ cải tạo phục hồi cho các khai trường khai thác với số tiền là: 22.157.564.887 đồng.

Bên cạnh đó, Công ty tăng cường tuyên truyền nhận thức của người lao động về vệ sinh



▲ Bể lắng bùn thải Nhà máy tuyển quặng

môi trường; Tổ chức thực hiện tốt việc thu gom phân loại CTNH; Triển khai thực hiện các cuộc vận động về công tác môi trường do cấp trên tổ chức và phát động...

★Những năm qua, Công ty đã triển khai các hoạt động gì nhằm bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp và của nhân dân ở những vùng có khoáng sản, thưa ông?

Ông Nguyễn Quang Lợi: Thực hiện tinh thần của quy hoạch quản lý, khai thác và chế biến khoáng sản giai đoạn 2007 - 2015 và xét đến năm 2020 của UBND tỉnh Lào Cai, chỉ tính từ năm 2011 - 2017, Công ty đã hỗ trợ kinh phí khoảng gần 37 tỷ đồng, bao gồm: Chung tay xây dựng và phát triển nông thôn mới trong tỉnh 12 tỷ đồng; xây dựng các công trình thiết yếu dân sinh gần 20 tỷ; xây dựng cột Cờ Lũng Pô 3 tỷ đồng; ủng hộ phong trào vì người nghèo 2 tỷ; đặc biệt, ưu tiên là các xã, phường trong dự án khai thác và chế biến khoáng sản... Ngoài ra, Công ty đã hỗ trợ đào tạo và tuyển dụng lao động thuộc diện thu hồi đất phục vụ dự án vào làm việc.

Tổ chức thực hiện phụ thu về bảo trì đường bộ của tỉnh Lào Cai đối với quặng apatit vận chuyển bằng đường bộ là 50.000 đồng/tấn. Theo đó, trong năm 2015, Công ty đã nộp cho tỉnh Lào Cai số tiền hơn 27.414.928.000 đồng và năm 2016 là 56.218.614.000 đồng.

★Trong quá trình khai thác quặng, vấn đề môi trường sinh thái trong khai thác, chế biến và sử dụng quặng ngày càng được quan tâm hơn. Vậy Công ty có những giải pháp gì để nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm tài nguyên và BVMT?

Ông Nguyễn Quang Lợi: Trong quá trình khai thác, Công ty đã thực hiện tốt các giải pháp kỹ thuật để tăng hệ số thu hồi khối lượng và chất lượng quặng, giảm hệ số tổn thất quặng các loại.

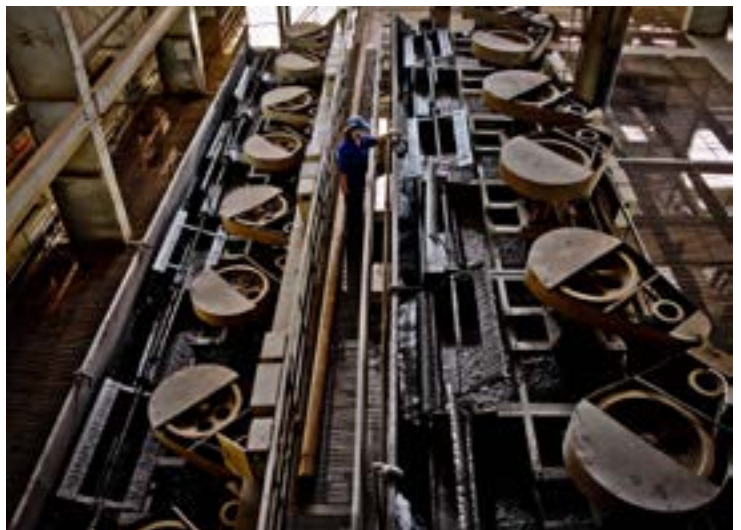
Công ty đã xây dựng 3 Nhà máy tuyển quặng loại 3, để tuyển quặng loại 3 có hàm lượng từ 8% P_2O_5 trở lên đạt hàm lượng tương đương với quặng loại I có hàm lượng từ 32% - 33% P_2O_5 . Các Nhà máy tuyển quặng này đến nay hoạt động ổn định có hiệu quả đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Khi 3 Nhà máy tuyển đi vào hoạt động, hầu hết quặng 3 khai thác được tiêu thụ hết và đưa vào các kho lưu quặng 3, nhằm tận dụng diện tích đất đã xây dựng kho chứa.

Các khai trường đóng cửa vĩnh viễn và tạm thời đều được Công ty hoàn nguyên và bàn giao cho địa phương quản lý, sử dụng theo quy định.

Với sản phẩm quặng tinh tuyển là sản phẩm tiết kiệm tài nguyên qua công nghệ làm giàu quặng. Công ty không những tích cực phối hợp công tác cùng các đối tác trong và ngoài nước nghiên cứu các giải pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm mà còn chủ động sử dụng tài nguyên nghèo để sản xuất nhằm tận thu tài nguyên. Theo thiết kế của Dự án hàm lượng quặng đầu vào là 14,8 % và hàm lượng biên là 12%, đến nay Công ty đã nghiên cứu và sử dụng hàm lượng quặng đầu vào là 13% và hàm lượng biên xuống đến 8%. Nhằm phát huy hiệu quả đầu tư các Nhà máy tuyển của Công ty, tận dụng quặng 3 từ các khai trường khác được sử dụng triệt để nhằm tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên cho đất nước.

Bên cạnh đó, Công ty tăng cường sử dụng nước được lắng trong cơ học tại các hồ thải quặng đuôi của các Nhà máy tuyển (nước tuần hoàn) nên giảm lượng nước khai thác từ tự nhiên cũng như xả thải ra ngoài môi trường, đồng thời tiết kiệm chi phí sản xuất.

★Xin ông cho biết, phong thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo có ý nghĩa như thế



▲ Dây chuyền tuyển quặng Nhà máy



nào đối với hoạt động sản xuất kinh doanh và BVMT của Công ty?

Ông Nguyễn Quang Lợi: Từ phong trào thi đua đã tạo một khối đoàn kết nhất trí của toàn cán bộ công nhân viên (CBCNV) Công ty. Qua đó phát huy tiềm năng, thế mạnh của mỗi CBCNV, tạo dựng niềm tin cho khách hàng đối với Công ty, hướng tới phát triển bền vững. Tạo tiền đề để Công ty đầu tư phát triển các sản phẩm có nguồn gốc từ quặng apatit, Công ty đi sâu nghiên cứu tuyển quặng có hàm lượng thấp hiện nay chưa sử dụng được.

Hàng năm, Công ty có 40 - 60 sáng kiến, cải tiến kỹ thuật được ứng dụng ở các lĩnh vực sản xuất và đầu tư như: Khai thác, tuyển khoáng, vận tải đường sắt và đường bộ, cơ điện, tự động hóa, môi trường, quản lý... Hội đồng Sáng kiến cải tiến của Công ty tổ chức thẩm định, xét công nhận và biểu dương kịp thời các tác giả có sáng kiến điển hình.

Trong đó, có từ 10 - 15 tác giả và Sáng kiến cải tiến điển hình ở các lĩnh vực trên được xét và tặng Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

★Trong quá trình sản xuất, kinh doanh Công ty những khó khăn gì cần đề xuất, kiến nghị với các cơ quan chức năng?

Ông Nguyễn Quang Lợi: Đề nghị các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến quy trình cấp mỏ thực hiện đúng Luật Khoáng sản năm 2010, Điều 53 điểm b: "không chia cắt khu vực khoáng sản có thể đầu tư khai thác hiệu quả ở quy mô lớn để cấp phép khai thác khoáng sản cho nhiều tổ chức, cá nhân khai thác ở quy mô nhỏ".

Đề nghị các cơ quan quản lý nhà nước khẩn trương cấp mỏ lại cho Công ty Apatit, đơn đốc hoàn thiện các thủ tục cần thiết để Công ty sớm được cấp mỏ lại thay thế cho Giấy phép trước đây không còn phù hợp với Luật khoáng sản năm 2010; Giúp Công ty hoạt động liên tục đáp ứng các nhu cầu sản phẩm Apatit trong nước.

Nhà nước cần có cơ chế ưu đãi cho các doanh nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản thực hiện việc thu hồi, nghiên cứu, tuyển và sử dụng các loại quặng nghèo, nhằm tiết kiệm tài nguyên không tái tạo cho đất nước. Hỗ trợ các doanh nghiệp chế biến sâu các sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật cao từ các loại khoáng sản quý hiếm và ưu đãi tiêu thụ các sản phẩm này.

★Trân trọng cảm ơn ông.

NAM HÙNG (Thực hiện)

CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO:

Bảo vệ môi trường vì sức khỏe cộng đồng

Sau gần 30 năm xây dựng và phát triển, từ một công ty dược tại địa phương, Công ty CP Pymepharco đóng trên địa bàn TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên đã có những bước phát triển quan trọng, trở thành đơn vị sản xuất và phân phối dược phẩm chất lượng hàng đầu Việt Nam, góp phần tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Công ty CP Pymepharco tiền thân là Công ty Dược, Vật tư y tế Phú Yên, thành lập năm 1989, là đại lý phân phối cho các công ty dược Trung ương và đóng gói các loại thuốc dùng ngoài da như cồn, oxy già, bông băng, gạc y tế... Năm 1993, Công ty bắt đầu tham gia thị trường xuất nhập khẩu trực tiếp về dược phẩm, đến năm 1999, nắm bắt chủ trương về khuyến khích sản xuất dược phẩm của Nhà nước, Bộ Y tế và được sự hỗ trợ của lãnh đạo tỉnh Phú Yên, Ban lãnh đạo Công ty đã chủ động đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đồng thời tìm giải pháp về nguồn vốn, đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất dược phẩm. Kết quả, tháng 10/2003, Nhà máy Dược phẩm Pymepharco hoàn thành, đi vào hoạt động với 3 phân xưởng sản xuất thuốc viên Betalactam, Non Betalactam và viên nang mềm. Tiếp đó, tháng 10/2005, Công ty xây dựng Nhà máy Thuốc vô trùng,

gồm các loại thuốc tiêm: Ống, đông khô, bột và thuốc nhỏ mắt, đây là Nhà máy sản xuất thuốc tiêm hiện đại nhất Việt Nam và Đông Nam Á. Năm 2013, Công ty được Cơ quan Quản lý dược phẩm châu Âu (EMA) cấp Giấy chứng nhận "Thực hành tốt sản xuất thuốc" theo tiêu chuẩn châu Âu (EU-GMP) cho thuốc viên Cephalosporin, khẳng định sự tiến bộ vượt trội về kỹ thuật cũng như chất lượng của Công ty nói riêng, ngành Dược Việt Nam nói chung, đưa Phú Yên trở thành điểm sáng trên bản đồ sản xuất dược phẩm của Việt Nam.

Bên cạnh đó, Công ty không ngừng phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng, hiện tại, Công ty có trên 1.200 cán bộ, công nhân viên, trong đó trên 300 người có trình độ đại học và sau đại học. Đặc biệt, Công ty tập trung đội ngũ các nhà khoa học, được sĩ trình độ cao, làm việc trực tiếp với chuyên gia nước ngoài để nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu thị trường. Từ năm 2003 đến nay, trung bình mỗi năm, Công ty sản xuất trên 30 sản phẩm mới, nâng tổng sản phẩm thuốc cung ứng cho thị trường lên hơn 350 sản phẩm, trong đó nhiều loại được Bộ Y tế công nhận có tác dụng tương đương với các sản phẩm thuốc ngoại nhập. Do đó, doanh thu của Công ty phát triển ổn định,



▲ Chất thải nguy hại được Công ty phân loại, lưu trữ trong kho riêng biệt

năm 2016, tổng doanh thu đạt 1.508 tỷ đồng và 6 tháng đầu năm 2017 là 825 tỷ đồng doanh thu thuần, 185,6 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng lần lượt 15% và 30% so với cùng kỳ năm trước. Hiện Công ty đang phấn đấu, tổng doanh thu năm 2017 đạt 1.572 tỷ đồng doanh thu thuần, 300 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế.

Thực hiện quy định pháp luật về BVMT trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản, chính sách mới về môi trường; đầu tư công nghệ sản xuất hiện đại; dành 30% diện tích khuôn viên Nhà máy để trồng cây xanh, thảm cỏ, vườn hoa, đảm bảo môi trường Xanh - Sạch - Đẹp; cử cán bộ chuyên trách về vệ sinh môi trường và an toàn lao động, với trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, giáo dục ý thức BVMT và thực hiện nghiêm túc công tác bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân viên trong Nhà máy.

Tại khu vực Nhà máy thuốc viên, lượng nước thải phát sinh trung bình khoảng 20,55 m³/ngày, được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải (XLNT) sơ bộ của Nhà máy theo

công nghệ hóa lý kết hợp với vi sinh. Theo đó, nước thải từ các phân xưởng sản xuất được dẫn về hố gom để lọc bỏ tạp chất, bơm qua bể tách mỡ, sau đó, nguồn nước thải từ hai phân xưởng Non 1 và 2 được hòa lẫn, khuấy đều bởi hệ thống đường ống thổi khí lắp đặt dưới đáy bể, bơm lên các bể keo tụ, tạo bông. Tại đây, đầu dò pH sẽ kiểm soát độ pH của nước thải, đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép, tạo môi trường thích hợp cho quá trình keo tụ một phần các chất ô nhiễm hữu cơ. Tiếp đó, nước thải tự chảy tràn qua bể vi sinh, tiếp tục quá trình phân hủy các chất hữu cơ còn lại đến khi đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi xả thải. Đối với khu vực Nhà máy thuốc tiêm, lượng nước thải phát sinh khoảng 33,55 m³/ngày, nước thải từ phân xưởng non beta và betalactam được dẫn qua đường ống về nhiều bể thu gom khác nhau để lọc tạp chất bằng song chắn rác. Nước thải tại phân xưởng betalactam được châm NaOH, bơm về bể điều hòa nhờ hệ thống máy thổi khí xáo trộn, tạo điều kiện cho phản ứng phân hủy ở các bể vi sinh, lắng vi sinh và kết

thúc quá trình XLNT. Trước khi thải ra hệ thống thoát nước thải của TP, nước thải của hai Nhà máy tiếp tục được khử trùng bằng chlorine và dẫn qua cột lọc cát, đảm bảo tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột B. Đặc biệt, chất thải nguy hại được Công ty thu gom, phân loại tại nguồn, lưu trữ trong kho riêng biệt và có biển cảnh báo, định kỳ hàng quý ký hợp đồng với Công ty Môi trường Việt Xanh (Bình Dương) vận chuyển, xử lý.

Là lá cờ đầu của ngành Dược Việt Nam, Công ty CP Pymepharco đã vinh dự được Đảng và Nhà nước phong tặng Danh hiệu “Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới” liên tục từ năm 2005 - 2014; Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng II, hạng III; Chính phủ trao tặng nhiều lần Cờ thi đua. Năm 2016, thương hiệu Pymepharco đạt Top 10 thương hiệu uy tín ngành dược; Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh và lớn nhất Việt Nam; Top 100 doanh nghiệp phát triển bền vững cùng nhiều bằng khen, danh hiệu, giải thưởng giá trị khác của Bộ Y tế, UBND tỉnh Phú Yên, các tổ chức, đoàn thể Trung ương, địa phương, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Trong xu thế thị trường đầy biến động, cạnh tranh gay gắt, con đường phía trước còn nhiều thử thách, nhưng với niềm tin và quyết tâm vào định hướng chiến lược đã hoạch định, Công ty CP Pymepharco sẽ tiếp tục nghiên cứu sản xuất, mở rộng thị trường, góp phần vào sự phát triển thịnh vượng của Phú Yên cũng như sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. ■

HUYỀN TRANG



▲ Hệ thống XLNT của Nhà máy thuốc tiêm



LỄ HỘI DU LỊCH THÁC BẢN GIỐC LẦN THỨ NHẤT, NĂM 2017:

Phát triển du lịch bền vững, gắn với bảo vệ vững chắc an ninh - quốc phòng

Vừa qua, Lễ hội du lịch thác Bản Giốc và Liên hoan hát then, đàn tính lần thứ nhất, năm 2017 diễn ra trong 2 ngày 7 và 8/10, thu hút gần 10 nghìn lượt người tham dự. Lễ hội du lịch đầu tiên được tổ chức ở huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng và là chuỗi sự kiện nhằm quảng bá, đẩy mạnh phát triển du lịch, thu hút ngày càng nhiều du khách đến với địa phương. Để hiểu rõ hơn về kết quả của Lễ hội, cũng như những định hướng phát triển về du lịch, khai thác những tiềm năng và thế mạnh của địa phương, Tạp chí Môi trường đã có cuộc trò chuyện với Phó Chủ tịch UBND huyện Trùng Khánh Nguyễn Mạnh Hùng.

***Xin ông cho biết ý tưởng tổ chức Lễ hội du lịch thác Bản Giốc và Liên hoan hát then, đàn tính lần thứ nhất, năm 2017?**

Ông Nguyễn Mạnh Hùng: Thực hiện chương trình hành động của Huyện ủy về phát triển du lịch giai đoạn 2015 - 2020, UBND huyện Trùng Khánh đã chủ động xây dựng dự thảo Kế hoạch tổ chức Lễ hội.



▲ Ông Nguyễn Mạnh Hùng
Phó Chủ tịch UBND huyện Trùng Khánh

Sau khi được UBND tỉnh chấp thuận và đưa chương trình Lễ hội vào Chương trình tổ chức 5 sự kiện lớn của tỉnh trong năm 2017, giao nhiệm vụ cho huyện Trùng Khánh phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức Liên hoan hát then, đàn tính tỉnh Cao Bằng lần thứ nhất thành một sự kiện chung của tỉnh. Trên cơ sở đó, UBND huyện đã ban

hành Kế hoạch về công tác chuẩn bị lễ hội, đồng thời tham mưu cho Huyện ủy ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo để chỉ đạo triển khai công tác chuẩn bị cho lễ hội.

Lễ hội du lịch thác Bản Giốc được tổ chức đồng thời với liên hoan hát then, đàn tính toàn tỉnh nhằm tôn vinh, bảo tồn, phát triển loại hình nghệ thuật dân gian đặc sắc của các dân tộc Tày-Nùng. Đây cũng là dịp gặp gỡ, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm giữa các vùng miền; khơi dậy, tôn vinh, phát triển các thể loại dân ca, dân vũ và thể thao quần chúng các dân tộc; giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc. “Lễ hội cũng là dịp để quảng bá, xúc tiến và thúc đẩy phát triển du lịch của tỉnh; thu hút đầu tư, đẩy mạnh hoạt động thương mại biên giới; góp phần tăng cường mối quan hệ láng giềng quốc tế, thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế của huyện ngày càng sâu rộng và bền vững”.

***Xin ông cho biết một số kết quả chính của Lễ hội lần này?**



▲ Vẻ đẹp thác Bản Giốc, Cao Bằng



Ông Nguyễn Mạnh Hùng: Có thể nói, kết quả Lễ hội đã thành công ngoài dự kiến của Ban Tổ chức. Theo đó, Lễ hội thu hút gần 10 nghìn lượt người tham dự và 13 đoàn nghệ thuật quần chúng (13 huyện/thành phố trong tỉnh) cùng đông đảo bà con nhân dân các dân tộc về dự liên hoan hát then, đàn tính.

Lễ hội được chia làm 2 phần chính: Phần lễ được tổ chức tại Chùa Phật tích Trúc Lâm Bản Giốc với các nghi thức như: Rước nước thiêng từ thác Bản Giốc lên Chùa, lễ cầu quốc thái dân an, bày tỏ lòng thành kính, tri ân với những bậc tiền nhân khai quốc, các anh hùng liệt sĩ... Còn về phần hội là chương trình văn nghệ và khai mạc lễ hội với các hoạt động múa rồng, múa lân, các trò chơi dân gian, môn thể thao truyền thống, sản phẩm du lịch địa phương, giới thiệu ẩm thực đặc sản của địa phương, triển lãm ảnh giới thiệu địa danh, phong cảnh còn nguyên sơ mới được phát hiện... để du khách tìm hiểu, khám phá. Tất cả các hoạt động được tổ chức đồng thời tại nhiều địa điểm trong Khu du lịch thác Bản Giốc.

Đặc biệt, Lễ hội năm nay còn có Chương trình giao lưu văn hóa quốc tế giữa huyện Trùng Khánh (Việt Nam) với 2 huyện Tịnh Tây, Đại Tân (Trung Quốc) nhằm tăng cường hiểu biết, giao lưu văn hóa giữa các dân tộc, tăng cường mối đoàn kết hữu nghị giữa hai địa phương biên giới, cũng như giữa hai nước láng giềng.

***Hướng triển khai Lễ hội trong những năm tới như thế nào, thưa ông?**

Ông Nguyễn Mạnh Hùng: Từ kết quả thành công của Lễ hội lần này, Ban Tổ chức Lễ hội đề xuất với Lãnh đạo tỉnh Cao Bằng đưa vào kế hoạch của tỉnh để tổ chức Lễ hội thường niên hàng năm của huyện vào tháng 10 (mùa vàng, hạt dẻ) tại thác Bản Giốc, huyện Trùng Khánh.

Nếu được UBND tỉnh đồng ý đưa vào Chương trình Lễ hội thường niên hàng năm của tỉnh và của huyện, UBND huyện Trùng Khánh sẽ tiếp tục tham mưu, xây dựng kế hoạch để tổ chức Lễ hội mỗi năm đều có nét đặc trưng riêng. Đồng thời là cơ hội xúc tiến quảng bá hình ảnh để du khách biết đến Thác Bản Giốc và các danh lam thắng cảnh, các sản phẩm du lịch độc đáo của tỉnh Cao Bằng nói chung và Trùng Khánh nói riêng.

Với những lợi thế về tiềm năng phát triển du lịch của địa phương, Trùng Khánh quyết tâm phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của huyện trong những năm tới và trở thành điểm sáng về phát triển du lịch của tỉnh Cao Bằng.

***Thông qua Lễ hội lần này, huyện Trùng Khánh đã có định hướng để phát triển du lịch, khai thác những lợi thế tiềm năng của địa phương trong tương lai?**

Huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng được thiên nhiên ưu đãi, ban tặng cho điều kiện khí hậu lý tưởng, phong cảnh thiên nhiên trữ tình như: thác Bản Giốc, động Ngườm Ngao đã được xếp hạng danh lam thắng cảnh cấp Quốc gia.

Cách trung tâm huyện Trùng Khánh khoảng 20 km về phía Đông Bắc là thác Bản Giốc thuộc xã Đàm Thủy. Nơi đây là biên giới tự nhiên của Việt Nam và Trung Quốc. Với độ rộng khoảng 208 m và chiều cao khoảng 60 - 70 m, thác Bản Giốc được xếp vào thác nằm trên đường biên giới lớn thứ tư thế giới, sau một số thác nước nổi tiếng như: thác Niagara giữa Canada và Mỹ; thác Victoria nằm giữa Zambia - Zimbabwe và thác Iguazu giữa Brasil - Argentina.



▲ Các nghệ nhân được vinh danh tại Lễ hội du lịch thác Bản Giốc và Liên hoan hát then, đàn tính lần thứ nhất, năm 2017

Ông Nguyễn Mạnh Hùng: Định hướng về phát triển du lịch của địa phương bước đầu đã thu được những kết quả nhất định: Công tác quản lý được tăng cường, hoạt động đối ngoại để hợp tác khai thác du lịch được xúc tiến, việc quảng bá du lịch tiếp tục được thực hiện sâu rộng hơn; khách du lịch đến thăm quan tăng mạnh so với các năm trước.

Mục tiêu xây dựng và phát triển sản phẩm dịch vụ du lịch chất lượng cao tại huyện Trùng Khánh. Từ đó, tiến tới xây dựng thành tuyến tham quan du lịch trọng điểm của tỉnh Cao Bằng và trở thành sản phẩm tour du lịch đặc thù, có sức hấp dẫn cao của du khách. Đồng thời, phát triển du lịch bền vững, hiệu quả kinh tế - xã hội cao gắn với đảm bảo vững chắc an ninh - quốc phòng; đa dạng hóa sản phẩm du lịch,

kéo dài thời gian lưu trú của du khách, tăng hiệu quả kinh doanh và sức hấp dẫn cho du lịch Trùng Khánh. Phát huy truyền thống bản sắc văn hóa dân tộc, tôn tạo và giữ gìn các di tích lịch sử văn hóa, cảnh quan môi trường góp phần thúc đẩy du lịch phát triển.

Từng bước nâng cao tính chuyên nghiệp trong quản lý, hoạt động của các điểm tham quan nhằm nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm du lịch; đặc biệt chú trọng phát triển sản phẩm văn hóa - đặc sản địa phương để thu hút du khách.

Ngoài ra, quan tâm đến công tác quản lý và giám sát môi trường, đặc biệt là việc giữ vệ sinh, môi trường sinh thái, tài nguyên du lịch, không để xảy ra sự cố về ô nhiễm môi trường tại các điểm du lịch.

***Trân trọng cảm ơn ông!**

ĐỨC TRÍ (Thực hiện)



Công tác bảo tồn đa dạng sinh học Khu Dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An: 10 năm nhìn lại

VŨ THỊ HẠNH

Khu Dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An



▲ Thác Khe Kèm nằm trong vùng lõi của VQG Pù Mát

Khu Dự trữ sinh quyển (KDTSQ) miền Tây Nghệ An được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) chính thức công nhận là KDTSQ thế giới vào tháng 9/2007, với diện tích lớn nhất khu vực Đông Nam Á (1.303.285 ha). Đây là hành lang xanh kết nối 3 vùng lõi: Vườn quốc gia (VQG) Pù Mát, Khu Bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Pù Huống và Pù Hoạt, thuộc 9 huyện miền núi của tỉnh Nghệ An (Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông, Thanh Chương, Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu, Quế Phong, Tân Kỳ, Anh Sơn).

KDTSQ miền Tây Nghệ An là địa điểm đại diện tiêu biểu cho các kiểu rừng mưa nhiệt đới.

Tại đây, có các sinh cảnh sống đa dạng từ núi cao trùng điệp, đất ngập nước, đến sông, suối, thác và nhiều loại sinh cảnh khác. Đồng thời, còn tồn tại một diện tích lớn rừng nguyên sinh, nằm dọc khu vực biên giới Việt - Lào, với hơn 2.500 loài thực vật bậc cao (chiếm tỷ lệ 74%) như sa mu, pơ mu, lim, đinh hương, sến, táu, dổi...; 295 loài chim; 54 loài lưỡng cư và bò sát; 83 loài cá, 39 loài dơi và nhiều loài động vật khác, trong đó có nhiều loài đã được ghi trong Sách đỏ Việt Nam như: Sao la, chà vá chân nâu, mang lớn, thỏ vằn...

Tại KDTSQ có 6 dân tộc thiểu số đang sinh sống, điều đó đã tạo nên sự đa dạng về văn hóa dân tộc. Đặc biệt, có 2 tộc người chỉ có ở Nghệ An là Đan Lai (còn lại khoảng 2.000 người) và Ô Đu (khoảng 400 người), với những bản sắc văn hóa riêng biệt. Cùng với đó, KDTSQ miền Tây Nghệ An còn có nhiều di tích lịch sử, nét văn hóa độc đáo như Di tích thành Trà Lân, bia Ma Nhai, cây đa Cồn Chùa, Đền 9 gian... là nơi lưu giữ nhiều phong tục, tập quán, các làn điệu dân ca, nghề thủ công truyền thống, kiến trúc nhà sàn.

Sau khi được UNESCO công nhận, năm 2013, UBND tỉnh Nghệ An đã thành lập Ban quản lý (BQL) KDTSQ miền Tây Nghệ An, với nhiệm vụ điều phối, tổ chức các hoạt động như: Tập hợp thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, khai thác hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên;

tổ chức tuyên truyền, quảng bá hình ảnh và thu hút đầu tư vào KDTSQ; xây dựng chiến lược phát triển bền vững dựa trên lợi thế, tiềm năng của KDTSQ... Năm 2015, BQL đã xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên, sinh thái, môi trường, văn hóa, điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội miền Tây Nghệ An; Tập bản đồ KDTSQ thể hiện các quy hoạch hiện có theo các nội dung (sử dụng đất, tài nguyên sinh vật, tài nguyên văn hóa, chỉ dẫn địa lý về các thương hiệu địa phương, tour - điểm du lịch); Danh mục các cơ quan đầu mối lưu giữ thông tin cấp tỉnh, huyện. Bộ dữ liệu được lưu giữ (bản cứng, bản mềm, đĩa CD) tại văn phòng BQL, tạo điều kiện trong việc cập nhật công bố trên các trang thông tin điện tử. Trước đó, BQL KDTSQ miền Tây Nghệ An cũng đã xây dựng trang thông tin điện tử để tuyên truyền, quảng bá tiềm năng, hình ảnh, công bố các công trình nghiên cứu, kết quả điều tra, khảo sát, thu hút đầu tư KDTSQ.

Với quan điểm xuyên suốt cộng đồng vừa là chủ nhân, vừa là đối tượng hưởng lợi chính từ các hoạt động bảo tồn và phát triển, BQL đã triển khai nhiều dự án phát triển kinh tế, sinh kế cộng đồng liên kết giữa địa phương với VQG Pù Mát và KBTTN Pù Huống, Pù Hoạt. Các sáng kiến kinh tế, giải pháp thay thế đều hướng tới phát triển xanh, trong đó BQL đang nỗ lực thực hiện gắn nhãn hiệu Chứng nhận sản phẩm



KDTSQ miền Tây Nghệ An cho một số sản phẩm đặc trưng của địa phương. Đồng thời, BQL còn tích cực thu hút đầu tư; tổ chức các cuộc khảo sát, tham vấn cộng đồng; xây dựng Dự án Bảo tồn và phát triển KDTSQ miền Tây Nghệ An thuộc Danh mục dự án trọng điểm quốc gia kêu gọi đầu tư nước ngoài đến năm 2020...

Đến nay, sau 10 năm hoạt động, KDTSQ miền Tây Nghệ An đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật trong công tác quản lý và điều phối hoạt động, nhằm đảm bảo các mục tiêu và chức năng của KDTSQ. Trong đó, bộ máy BQL được kiện toàn và hoạt động ngày càng hiệu quả; sự đa dạng về loài, nguồn gen và các dịch vụ hệ sinh thái được đảm bảo; độ che phủ rừng tăng từ 54,2% năm 2007 lên 64,7% năm 2016; nhận thức của người dân về bảo tồn đa dạng sinh học của KDTSQ được nâng cao; tình trạng vi phạm các quy định của pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng được hạn chế. Tăng trưởng GDP bình quân tại KDTSQ đạt khoảng 8%/năm, trong đó lĩnh vực du lịch đã có những bước phát triển vượt bậc. Mỗi năm, riêng VQG Pù Mát đón hàng triệu lượt khách du lịch, với trên ¼ lượt khách là người nước ngoài. Đặc biệt, Đề án phát triển du lịch được thực hiện, các tuyến, điểm du lịch được mở rộng, nhiều di tích lịch sử được tôn tạo, các lễ hội được phục hồi, nhiều cây cổ thụ được vinh danh là cây Di sản.

Nhằm phát huy những kết quả đã đạt được và bảo tồn các giá trị của KDTSQ, thời gian tới, BQL KDTSQ miền Tây Nghệ An sẽ tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách và tăng cường năng lực quản lý, bảo tồn, sử dụng hợp lý tài nguyên, BVMT và ứng phó với biến đổi khí hậu; nâng cao giá trị và thương hiệu các sản phẩm bản địa gắn liền với hình ảnh đặc trưng của KDTSQ; bảo tồn giá trị văn hóa và phát triển du lịch bền vững; phát triển kinh tế sinh thái; đẩy mạnh truyền thông và giáo dục; lồng ghép các hoạt động của KDTSQ vào các quy hoạch, dự án phát triển của tỉnh; tăng cường nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế trong công tác bảo tồn KDTSQ...■

Phát triển bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Tiền Hải

Ths. NGUYỄN THỊ HƯƠNG

Trường Trung cấp kinh tế - Tài chính Hà Nội



▲ Bãi tắm Cồn Vành

Khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Tiền Hải được công nhận theo Quyết định số 2159/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt đề án và xác lập khu rừng đặc dụng tại 3 xã ven biển Nam Hưng, Nam Phú và Nam Thịnh (huyện Tiền Hải). Với tổng diện tích 12.500 ha, KBTTN gồm diện tích rừng ngập mặn, đất bãi bồi và đất ngập nước, trong đó khoảng 9.000 ha thuộc diện trong khu vực bảo vệ nghiêm ngặt, 3.500 ha phục hồi sinh thái và 1.700 ha là khu vực vùng đệm.

TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC

KBTTN nằm về phía Bắc cửa sông Hồng, còn phía Nam là Vườn quốc gia (VQG) Xuân Thủy. Ngày 20/9/1988, VQG Xuân Thủy được quy hoạch thành khu Ramsar đầu tiên của Việt Nam. Ngày 24/1/1995, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường đã có Công văn số 14/Tmg, mở rộng khu vực Ramsar

bao gồm cả Cồn Vành và Cồn Thủ, thuộc KBTTN Tiền Hải, với sự đa dạng sinh học phong phú. Trong đó, lớp thực bì của KBTTN có rừng ngập mặn, rừng phi lao và đa dạng các kiểu sinh cảnh đất ngập nước như ưu hợp sù, bần, mắm, o rô mọc xen kẽ, rừng trồng thuần...Ngoài ra, KBTTN còn có sinh cảnh đầm tôm, cồn cát, bãi cát, khu bồi lắng. Do đặc điểm KBTTN là bãi bồi, do phù sa sông Hồng bồi đắp, hình thành nên rừng ngập mặn xen lẫn rừng trồng, vì vậy, vào mùa chim di cư, nơi đây trở thành nơi trú ngụ của hàng triệu con chim.

Hiện nay, KBTTN Tiền Hải tập trung 215 loài chim thuộc 31 họ, 14 bộ (chiếm gần 26% tổng số loài chim và trên 73% tổng số bộ hiện có ở Việt Nam), trong đó có 7 loài chim có giá trị bảo tồn nguồn gen, được ghi trong Sách đỏ Việt Nam như bồ nông chân xám, choắt lớn mỏ vàng, choắt chân vàng lớn, choắt mỏ thìa...Theo thống kê mới đây nhất, thực vật có 115 loài, 42 họ, thuộc 99 chi, lớp



▲ KBTTN Tiền Hải là nơi trú ngụ của nhiều loài chim

thực vật này là thức ăn cho các loài chim. Đặc biệt, KBTTN còn có tới 43 loại cây có thể làm thuốc, chiếm 40% tổng số loài.

Theo Viện nghiên cứu Hải sản, thành phần các loài cá tại KBTTN bao gồm 107 loài thuộc 44 họ, 12 bộ, trong đó có duy nhất một loài cá sụn, còn lại là cá có xương (khoảng 20 loài có giá trị kinh tế cao như ngao, dàu, ngán, vọp, don, dất, móng tay, ngó, cua biển, ghe, tôm). Ngoài ra, còn có khoảng 113 loài côn trùng, 37 loài lưỡng cư, bò sát trong đó có 4 loài thuộc diện quý hiếm, cần bảo tồn, được ghi trong Sách đỏ Việt Nam.

TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI

Với đặc điểm vị trí địa lý và giá trị của KBTTN Tiền Hải, những năm qua, tỉnh Thái Bình đã khai thác những lợi thế đó phục vụ phát triển kinh tế, đặc biệt là du lịch dựa vào hệ sinh thái. Năm 2008, UBND tỉnh Thái Bình đã phê duyệt Quy hoạch xây dựng khu du lịch sinh thái Cồn Vành trên diện tích hơn 140 ha, được xây dựng ở ven biển, kết hợp đa dạng giữa khu du lịch nghỉ dưỡng, khu ở kết hợp với dịch vụ, khu vui chơi giải trí và nuôi thủy sản.

KBTTN Tiền Hải là khu vực đa dạng về sinh cảnh, trong đó quan trọng nhất là các bãi cát ngập triều, trảng sậy và rừng ngập mặn. Được biết, cả 3 xã thuộc vùng đệm ven biển KBTTN Tiền Hải, gồm Nam Thịnh, Nam Hưng và Nam Phú đều có một trong các hệ sinh thái đặc trưng như: rừng ngập mặn, rừng phi lao chắn cát trên cồn Vành, hệ sinh thái thủy sinh và vùng cửa sông - ven biển... Nơi đây cũng được biết đến với nhiều hệ thống đình, chùa, nhà thờ, lễ hội, đặc

biệt có nhiều trò chơi dân gian và hoạt động văn nghệ truyền thống như hát chèo, trầu văn, múa tế lễ, kèn đồng... Đây là những yếu tố không thể thiếu trong việc phát triển du lịch sinh thái cộng đồng tại Thái Bình.

Trong những năm gần đây, riêng trong đợt nghỉ lễ 30/4 và 1/5 vừa qua, mỗi ngày có khoảng 10.000 lượt du khách đến Cồn Vành tham quan và tắm biển. Bên cạnh việc tận dụng lợi thế phát triển du lịch, người dân trong vùng đệm thuộc địa phận 3 xã Nam Phú, Nam Thịnh và Nam Hưng (huyện Tiền Hải) còn phát triển vùng nuôi tôm, vạng, thu nhập hàng trăm triệu đồng/năm.

CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hiện nay, việc phát triển chưa theo quy hoạch của các đầm tôm, vạng và đánh bắt, khai thác thủy hải sản quá mức, tận thu trên địa bàn đang là vấn đề đặt ra trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học tại đây. Theo Ban quản lý KBTTN Tiền Hải, trong quá trình nuôi tôm, người dân đã phát quang cây nên độ che phủ tại khu vực nuôi chỉ còn dưới 50%.

Đặc biệt, những năm gần đây, số lượng chim về đây có chiều hướng giảm do việc nuôi và khai thác tôm ảnh hưởng đến tập tính của nhiều loài chim.

Để KBTTN phát triển bền vững, trước hết, cần hoàn thiện cơ chế chính sách về quản lý và quy hoạch chi tiết các dạng tài nguyên đất, rừng ngập mặn, động thực vật, khu du lịch, giao thông; nâng cao nhận thức và tuyên truyền cho người dân địa phương về vai trò, tầm quan trọng của hệ sinh thái (HST) rừng ngập mặn; quy hoạch đất bãi bồi ven biển phù hợp hơn với các bên liên quan, chú trọng đến lợi ích người nghèo. Mặt khác, khoanh định không gian - diện tích những khu vực lõi, đệm và chuyển tiếp với mục đích bảo tồn đa dạng sinh học, rừng ngập mặn và BVMT trên đất liền, sông, biển; huy động sự tham gia và đóng góp của cộng đồng dân cư, các bên liên quan vào công tác quy hoạch, quản lý, khai thác sử dụng các loại tài nguyên.

Đồng thời, nghiên cứu đa dạng sinh kế cho cộng đồng dân cư quanh vùng đệm; Lượng giá kinh tế hệ sinh thái tự nhiên đầy đủ của từng tiểu khu và toàn bộ khu BTTN Tiền Hải; Phối hợp với các công ty du lịch để triển khai dịch vụ du lịch sinh thái; Thiết lập các chốt bảo vệ rừng ở nơi xung yếu và tất cả các tiểu khu, tạo lập mối quan hệ giữa các lực lượng bảo vệ rừng và nhân dân quanh vùng đệm; Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương huyện, xã, các lực lượng vũ trang trên địa bàn để tổ chức quản lý, bảo vệ rừng, làm tốt công tác khuyến lâm, tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động thông qua trồng rừng...■



Người Cựu chiến binh giữ màu xanh trên đỉnh núi Nhàn

Hơn 40 năm đời quân ngũ trở về địa phương, dù đã ở tuổi 64, nhưng ông Trần Đức Minh, hội viên cựu chiến binh ở thôn An Thọ, xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi vẫn hàng ngày rảo bước trên những lối mòn quen thuộc để tuần tra, bảo vệ rừng nguyên sinh núi Nhàn. Ông Minh quen thuộc từng ngách đá, từng gốc cây của khu rừng và được người dân nơi đây gọi với cái tên triu mến “Hiệp sỹ rừng xanh”.

Từ xa, hướng tầm mắt trông về làng An Thọ, ngọn núi Nhàn như một người mẹ dang rộng cánh tay để che chở, bảo vệ cho những đứa con đang tựa lưng vào dãy núi. Trải qua bao cuộc chiến tranh bị bom đạn cây phá, rồi sự khắc nghiệt của thiên nhiên, thế nhưng màu xanh của ngọn núi vẫn luôn được gìn giữ cho đến hôm nay. Núi Nhàn có địa thế thoải

nằm giữa các xóm làng, với 267 hộ dân sống dưới chân núi. Khu rừng nguyên sinh của núi Nhàn có diện tích 42 ha, với thảm thực vật phong phú. Trên đỉnh núi có nhiều loài cây cổ thụ có tuổi đời từ 60 - 70 năm tuổi, trong đó phổ biến là loài cây kơ nia. Phía dưới chân núi có nhiều loài dây leo chằng chịt, là nơi trú ngụ của nhiều loài động vật quý hiếm như chồn, sóc, nhím, tê tê, heo rừng... và một số loài chim chào mào, chích chòe, khướu, bìm bịp. Men theo những lối mòn vào sâu trong rừng núi Nhàn, sẽ bắt gặp nhiều loài cây dược liệu quý như ngũ gia bì, sâm cau, mắt ó, mắt mèo, càng cua... Có thể nói, rừng núi Nhàn là nguồn tài nguyên quý giá đối với người dân nơi đây.

Do có địa thế đặc biệt, năm 1972, khu rừng được chọn là căn cứ của bộ đội trong thời kỳ kháng chiến

chống Mỹ cứu nước. Núi Nhàn là một trong những chốt quan trọng nhất của khu vực Tây Sơn Tịnh. Kiểm soát được chốt này là kiểm soát được cả một địa bàn rộng lớn. Ông Minh cùng đồng đội quyết tâm chiến đấu để bảo vệ khu căn cứ giữa núi Nhàn này. Nền giờ đây, ông Minh cố gắng gìn giữ khu rừng tự nhiên. Với ông, đó là hành động tri ân đầy ý nghĩa đến những người anh hùng đã ngã xuống trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do cho Tổ quốc.

Hòa bình lập lại, chứng kiến rừng núi Nhàn bị tàn phá nghiêm trọng, hàng loạt cây rừng bị đốn hạ, nhiều loài động vật bị săn bắt đến cạn kiệt, ông Minh đã phải lao tâm khổ tứ tìm đủ mọi cách để ngăn chặn. Biết đối tượng phá rừng đều là người dân địa phương nên ông đã đến từng nhà thuyết phục, vận động người dân tham gia bảo vệ rừng. Để có chứng cứ, ông còn khăn gói lên rừng ở một thời gian dài, rình bắt những người đang chặt phá rừng để ngăn chặn, giao chính quyền xử



▲ Cây kơ nia cổ thụ trên đỉnh núi Nhàn có tuổi thọ từ 60 - 70 năm tuổi



▲ Ông Minh (bên phải) đang tuần tra trong rừng Núi Nhàn



lý, nhiều kẻ xấu đã đe dọa, đuổi đánh nhưng ông vẫn quyết tâm canh gác rừng.

Cuối cùng, chính quyền địa phương ghi nhận công sức của ông. Vào tháng 3/1980, Hội Cựu chiến binh xã đã thành lập tổ tự quản rừng nguyên sinh núi Nhàn với 6 người. Ông Trần Đức Minh được phân công làm tổ trưởng. Từ khi thành lập tổ tự quản, việc tuần tra rừng được thực hiện thường xuyên, nên các vụ chặt phá rừng giảm hẳn. Ngoài việc tuần tra, hàng tuần, ông Minh đến từng hộ gia đình phổ biến những quy định về bảo vệ rừng, từ đó nhận thức của người dân cũng thay đổi, quyết tâm đồng lòng giữ màu xanh nguyên thủy của Núi Nhàn giống như giữ lá phổi xanh của cộng đồng. Với nỗ lực bảo vệ rừng của ông Minh, đến nay khu rừng núi Nhàn được hồi sinh gần như nguyên trạng. Đặc biệt, thảm thực vật, cây cối trong khu rừng như bức bình phong che chở, bảo vệ ngôi làng tránh bão gió.

Trần trở với công tác bảo vệ rừng, ông Minh mong muốn tìm được người tận tụy, biết hy sinh để kế tục công việc này. Bởi lẽ, những thành viên trong tổ tự quản ai cũng tuổi cao, sức yếu, không thể đi tuần tra rừng thường xuyên.

Mang trong mình phẩm chất của người lính Cụ Hồ, hàng ngày, ông Minh vẫn cùng với những đồng đội của mình thăm lặn bảo vệ rừng. Ông đưa ra kế hoạch giúp người dân trồng rừng hiệu quả, tổ chức ươm giống cây được liệu để gìn giữ nguồn gen bản địa, góp phần nâng cao đời sống cho người dân trong làng.

Đến với núi Nhàn hôm nay, có lẽ thế hệ trẻ chúng ta sẽ không hiểu hết tình cảm nồng nàn của ông Minh dành cho núi Nhàn. Nhưng chúng ta sẽ nhận thấy, tiếng chim hót rộn rã vang lên một cách yên bình đến kỳ lạ trong khu rừng của núi Nhàn hôm nay là nhờ vào công sức của người Cựu chiến binh già. Trải qua bao thăng trầm, biến động, rừng núi Nhàn vẫn mãi xanh. Tấm gương sáng của ông sẽ mãi mãi được thế hệ trẻ noi theo học tập■

HOÀNG MINH NGUYỄN

Đẩy mạnh công tác bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen tại Vườn quốc gia Cúc Phương

NGUYỄN MẠNH CƯỜNG

Ban quản lý Vườn quốc gia Cúc Phương

Cúc Phương là Vườn quốc gia (VQG) đầu tiên được thành lập ở Việt Nam. Năm 1962, dựa trên những giá trị độc đáo về lịch sử địa chất, cảnh quan và ý nghĩa khoa học của thực, động vật ở Cúc Phương, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 72 - TTg về xây dựng bảo vệ, quản lý VQG Cúc Phương trở thành cơ sở nghiên cứu khoa học về động thực vật và lâm học nhiệt đới. Theo đó, nhiệm vụ của VQG là bảo tồn nguyên vẹn tài nguyên rừng, hệ sinh thái vùng núi đá vôi và các nguồn gen động, thực vật hoang dã. Để thực hiện mục tiêu trên, Ban quản lý (BQL) VQG Cúc Phương đã triển khai một số công trình nghiên cứu, bảo tồn có giá trị, phát hiện bổ sung nhiều loài động, thực vật mới cho Cúc Phương và Việt Nam.

Theo kết quả điều tra về các loài thực vật đã thống kê được, VQG có 2.234 loài thuộc 931 chi, 231 họ của 7 bộ, trong đó có 118 loài quý hiếm. Các nhà khoa học đã phát hiện thêm 12 loài thực vật mới, trong đó có một chi và loài lan rất hiếm vietorchis aurea. Loài này chỉ phân bố

tại một vùng hẹp của Cúc Phương. Về hệ động vật, VQG có 661 loài động vật có xương sống, thuộc 376 giống, 120 họ và 35 bộ (chiếm 32,9% so với cả nước), trong đó lớp thú có 136 loài, lớp chim có 336 loài, lớp bò sát 76 loài, lớp lưỡng cư 46 loài và lớp cá 66 loài. Trong tổng số các loài động vật, có 64 loài nằm trong Sách đỏ Việt Nam (2007) và 33 loài trong Danh lục đỏ của IUCN. Đặc biệt, VQG có 3 loài đặc hữu mới phát hiện là sóc bụng đỏ đuôi hoe, cá niết Cúc Phương và thằn lằn tai Cúc Phương. Động vật không xương sống có 1.899 loài, thuộc 169 họ, 33 bộ 6 lớp và 3 ngành. Trong đó lớp côn trùng có số lượng lớn, bao gồm: Bộ cánh cứng 454 loài, bộ cánh vẩy 378 loài, bộ cánh màng 314 loài.

Để bảo tồn nguồn gen các loài thực vật, từ năm 1985, VQG Cúc Phương đã xây dựng Vườn cây thực vật, với diện tích 167 ha. Đến nay, Vườn cây thực vật đã trồng và sưu tập được 811 loài cây quý hiếm phục vụ lưu giữ và bảo tồn nguồn gen. Trong đó có 210 loài cây gỗ Cúc Phương, 85 loài cây gỗ ở các vùng khác của Việt Nam, 5 loài nhập nội, 25 loài cây thuộc họ ráy của



▲ Các loài linh trưởng quý, hiếm được chăm sóc, bảo vệ tại VQG Cúc Phương

Cúc Phương, 20 loài cây ăn quả, 15 loài tre trúc, 15 loài cau dừa, 296 loài cây thuốc và 140 loài lan. Hiện nhiều loài cây đang sinh trưởng và phát triển tốt, nhiều loài đã ra hoa, quả. Đây là một trong 3 vườn thực vật đầu tiên của Việt Nam được ghi trong danh lục Vườn thực vật quốc tế. Trong tương lai, Vườn sẽ là cơ sở cung cấp giống cho các chương trình trồng cây rừng bản địa của Việt Nam. Trong những năm qua, thực hiện công tác nghiên cứu bảo tồn loài cây quý, hiếm, các nhà khoa học của Vườn đã nghiên cứu, điều tra thành phần và phân bố các loài lan ở VQG Cúc Phương. Đây là đề tài đi tiên phong trong công tác bảo tồn chuyển vị nguồn gen của các loài lan quý, hiếm của Cúc Phương. Kết quả sau 5 năm nghiên cứu, đề tài đã xây dựng được một bộ sưu tập lan có hơn 140 loài hiện đang được lưu giữ, chăm sóc bảo tồn tại VQG Cúc Phương. Ngoài ra, để bảo vệ nhiều loài gỗ quý, hiếm đang bị đe dọa tuyệt chủng như tuế, đinh hương...

các nhà khoa học đã tiến hành sưu tập loài cây này về trồng tại Vườn, hiện sinh trưởng và phát triển tốt, trong đó có 6 loài tuế đã ra hoa, quả phục vụ cho việc nhân giống bảo tồn nguồn gen.

Nhằm tăng cường công tác bảo vệ động vật, năm 2013, VQG Cúc Phương đã hợp tác với Hội động vật Frankfurt (CHLB Đức) triển khai dự án bảo tồn các loài thú linh trưởng quý hiếm của Việt Nam. Hiện VQG đang bảo tồn 153 cá thể của 15 loài và phân loài linh trưởng quý hiếm, trong đó có 6 loài (voọc mông trắng, voọc Hà Tĩnh, voọc đen tuyền, voọc Lào, voọc Cát Bà và voọc chà vá chân xám) sinh sản, nuôi dưỡng thành công trong điều kiện nuôi nhốt. Thực hiện Chương trình bảo tồn rùa, VQG là nơi đầu tiên cho sinh sản thành công 11 loài rùa cạn và rùa nước ngọt Việt Nam. VQG đang cứu hộ và chăm sóc 20 loài với trên 600 cá thể rùa nước ngọt. Chương trình này sẽ góp phần bảo tồn các loài rùa đang có nguy cơ bị tuyệt chủng cao

trước nạn buôn bán trái phép. Hàng năm, Chương trình tiến hành thả hàng trăm cá thể rùa về tự nhiên sau khi được cứu hộ và chăm sóc sức khỏe. Ngoài ra, VQG Cúc Phương còn nhân giống nguồn gen để phục hồi loài hươu sao, nai và các loài như nhím, gà lôi trắng, gà rừng... Qua đó, cung cấp nguồn giống cho cộng đồng dân cư để phát triển kinh tế, mở ra hướng đi mới phù hợp với điều kiện tự nhiên của vùng.

Bên cạnh các kết quả đạt được, trong thời gian qua, công tác bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen tại VQG Cúc Phương còn gặp nhiều khó khăn, bất cập. Nguyên nhân là do chưa có đề án/kế hoạch để cụ thể hóa các văn bản pháp luật về công tác bảo tồn nguồn gen động, thực vật, còn một tỷ lệ lớn người dân địa phương sống dựa vào rừng nên việc các loài bị đe dọa tuyệt chủng tiếp tục gia tăng. Nguồn vốn cấp cho công tác bảo tồn nguồn gen hạn chế, thời gian nghiên cứu để tài cho các đối tượng là động, thực vật hoang dã ngắn, chưa biết hết được đặc tính sinh trưởng của chúng nên hiệu quả chưa cao.

Để tăng cường công tác bảo tồn nguồn gen, trong thời gian tới, BQL VQG Cúc Phương tiếp tục nâng cao chương trình đào tạo đội ngũ cán bộ nhân viên làm công tác bảo tồn, để có khả năng giám sát đa dạng sinh học nói chung và các loài nguy cấp nói riêng. Đồng thời, ưu tiên nguồn lực đầu tư nâng cấp VQG và xây dựng Trung tâm sưu tập nguồn gen động, thực vật đang có nguy cơ bị đe dọa hoặc tuyệt chủng để đảm bảo công tác bảo tồn, lưu giữ nguồn gen. Ngoài ra, tăng cường điều tra cơ bản về khu hệ động, thực vật, trên cơ sở đó xây dựng định hướng bảo vệ, bảo tồn và phát triển cho phù hợp; Tiến hành nghiên cứu về quần thể một số loài có nguy cơ bị tuyệt chủng, phạm vi phân bố, số lượng để đề xuất phương án bảo vệ tốt nhất. Cùng với đó, đẩy mạnh hợp tác và phối hợp nghiên cứu bảo tồn nguồn gen với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để xác định mục tiêu bảo tồn loài, nhóm loài động, thực vật■



Khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên nước thích ứng với biến đổi khí hậu tại Hà Giang

ThS. NGUYỄN THỊ THU HÀ

Viện Địa lý nhân văn

Hà Giang là tỉnh có tài nguyên nước (TNN) phong phú, do lượng mưa trung bình hàng năm lớn, trên 4.800 mm, với nhiều sông lớn chảy qua như: Sông Lô, Gâm, Chảy, Nho Quế. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, do tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) nên nguồn nước nhiều nơi bị cạn kiệt. Thêm vào đó, tình trạng ô nhiễm nguồn nước cũng làm ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống của người dân.

CÁC NGUỒN GÂY Ô NHIỄM NƯỚC

Hiện nay, sự gia tăng dân số cùng với sự phát triển mạnh mẽ của các hoạt động sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và sinh hoạt đã tác động tới chất lượng môi trường nước của tỉnh Hà Giang. Theo Báo cáo Hiện trạng tổng thể môi trường tỉnh Hà Giang giai đoạn 2011 - 2015 cho thấy, tốc độ đô thị hóa cao kéo theo sự gia tăng dân số ở khu vực thành thị đã làm gia tăng lượng nước thải sinh hoạt (từ 112.655 người, năm 2011 lên 118.792 người, năm 2015). Tính trung bình, mỗi người dân sử dụng từ 110 -120 lít nước/ngày đêm, với lượng thải ra bằng 90% lượng sử dụng thì lưu lượng nước thải sinh hoạt toàn tỉnh khoảng từ 78.400 - 85.500 m³/ngày đêm. Trong khi hạ tầng kỹ thuật thu gom và xử lý nước thải chưa phát triển tương ứng đã làm gia tăng ô nhiễm nước. Hiện tại, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại thị trấn Tam Sơn (huyện Quản Bạ), thị trấn Yên Minh (huyện Yên Minh) đang triển khai xây dựng, còn các địa phương khác chưa được đầu tư. Do đó, nước thải sinh hoạt không được xử lý, thải trực tiếp ra môi trường. Nước thải sinh hoạt có chứa hàm lượng lớn các chất hữu cơ (BOD, COD), dinh dưỡng (nitơ, photpho), nhiều vi khuẩn gây bệnh và chất tẩy rửa nên khi các kênh mương, ao hồ sẽ hủy hoại đời sống của các loài sinh vật thủy sinh, làm mất cân bằng môi trường nước.

Cùng với đó, các hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh cũng phát sinh nhiều

chất thải rắn, lỏng gây ảnh hưởng xấu đến môi trường nước. Trong đó, khai thác và chế biến khoáng sản là ngành thải ra nhiều nước thải nhất, với độ đục, hàm lượng TSS, COD, kim loại nặng cao. Ngoài ra, nước thải của các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh chứa nhiều hóa chất độc hại, phóng xạ, tác nhân gây bệnh có khả năng lây nhiễm cao như salmonella, coliform, tụ cầu, liên cầu... thải vào hệ thống thoát nước chung, gây ra tình trạng ô nhiễm nghiêm trọng nguồn nước, đặc biệt là nước sinh hoạt. Theo kết quả kiểm tra năm 2015, tổng lượng nước thải y tế của 15 bệnh viện trên địa bàn khoảng 350 m³/ngày đêm. Hiện nay, chỉ có một số bệnh viện được đầu tư hệ thống xử lý nước thải, bao gồm: Đa khoa Hà Giang, Bắc Quang, Vị Xuyên và Quản Bạ, Mèo Vạc, Quang Bình, Lao và bệnh Phổi, Y dược Cổ truyền. Tuy nhiên, hiệu suất xử lý nước thải không cao do hệ thống thoát nước không thu được triệt để các nguồn nước thải, không được vận hành liên tục theo đúng quy trình.

Ngoài ra, để tăng năng suất cây trồng, người dân đã sử dụng thuốc trừ sâu và phân bón hóa học. Sự tồn dư hóa chất bảo vệ thực vật trong đất do quá trình canh tác cũng là nguyên nhân gián tiếp ảnh hưởng đến chất lượng nước các thủy vực. Hoạt động chăn nuôi gia súc gia cầm của các địa phương trong tỉnh cũng phát sinh lượng lớn chất thải rắn và nước thải.

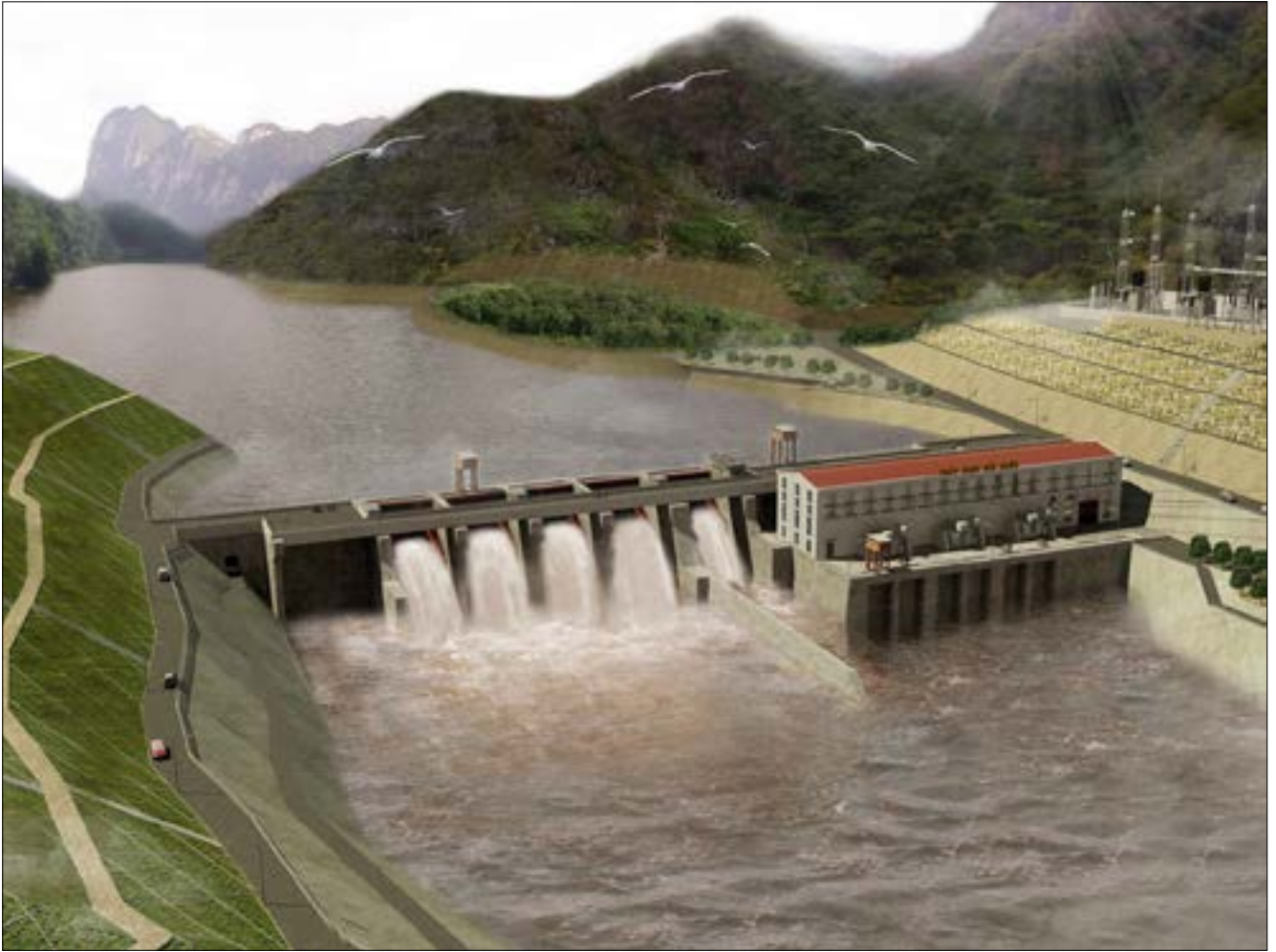
Đặc biệt, việc xây dựng các công trình thủy điện trên

địa bàn cũng tác động trực tiếp đến nguồn nước. Theo báo cáo của Sở Công Thương, tỉnh Hà Giang đã quy hoạch 48 dự án thủy điện với tổng công suất 774,8 MW, hiện có 22 nhà máy thủy điện đã hoàn thành xây dựng, đi vào vận hành và 4 nhà máy đang triển khai xây dựng (Nho Quế 2, Bắc Mê, Thuận Hòa, Nậm Ly 1). Khi tiến hành xây dựng nhà máy thủy điện, đất đá thải không được xử lý triệt để làm tăng độ đục các dòng sông, gây bồi lắng phía hạ lưu và thay đổi chế độ dòng chảy, giảm khả năng tự làm sạch và tăng khả năng bồi lắng lòng hồ, sông.

Những năm gần đây, sự gia tăng của BĐKH, ảnh hưởng đến TNN, làm thay đổi chế độ thủy văn, lượng mưa các mùa. Lượng mưa vào mùa khô giảm gây ra những xung đột về nguồn nước tưới và sinh hoạt. Mặt khác, lượng mưa gia tăng vào mùa mưa gây ra lũ quét, sạt lở, thiệt hại lớn đến cuộc sống và sản xuất của người dân. Mặc dù lượng mưa hàng năm có xu hướng tăng nhưng chủ yếu tập trung vào 1-2 tháng trong mùa mưa. Ở khu vực núi đá cao, địa hình phức tạp, độ dốc lớn, chia cắt mạnh kết hợp với chế độ nhiệt ẩm biến động phức tạp, tình trạng thiếu nước trở nên trầm trọng hơn.

CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ TNN THÍCH ỨNG VỚI BĐKH

Để bảo vệ, khai thác và sử dụng nguồn TNN thích ứng



▲ Các công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh Hà Giang tác động trực tiếp đến nguồn nước, làm giảm khả năng tự làm sạch của lòng hồ, sông

với BĐKH, tỉnh Hà Giang đã đề ra một số giải pháp như:

Thứ nhất, nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của các cấp chính quyền trong quản lý, bảo vệ nguồn nước ngầm và nước mặt, cân bằng nguồn nước; Quản lý cấp phép khoan giếng, khai thác nước các giếng đúng quy định; Thực hiện cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước; Xây dựng vùng bảo hộ vệ sinh, vùng cấm, hạn chế khai thác và các khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất; Điều tra, đánh giá thực trạng trữ lượng nguồn TNN các giếng khoan phục vụ cho việc lập dự án khai thác, sử dụng nước giếng khoan trên địa bàn tỉnh...

Thứ hai, nghiên cứu các giải pháp tích trữ nước sinh hoạt cho người dân trên địa bàn phù hợp với điều kiện tự nhiên như xây dựng các công trình đập trữ nước, hồ treo, hệ thống thủy lợi dẫn nước về tới các làng bản. Thực hiện việc lồng ghép quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển với phương châm phát triển bền vững, thích ứng với BĐKH.

Thứ ba, tăng cường công tác phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm nguồn nước thông qua việc đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung tại Khu công nghiệp Bình Vàng, Cụm công nghiệp Nam Quang; Trạm xử lý nước thải tại khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy...

Thứ tư, đẩy mạnh hoạt động quan trắc để giám sát chất lượng nước trên địa bàn tỉnh, kịp thời phát hiện những điểm ô nhiễm môi trường nước. Công khai các thông tin về cơ sở gây ô nhiễm và nguồn nước bị ô nhiễm, phát huy sức mạnh cộng đồng trong theo dõi, giám sát các hoạt động bảo vệ nguồn nước.

Thứ năm, tăng cường thực hiện các dự án về trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng, xóa đói, giảm nghèo và hỗ trợ nhân dân trong công tác vệ sinh môi trường nông thôn, cung cấp nước sinh hoạt khu vực nông thôn. Nâng cao chất lượng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ nhằm tăng tác dụng phòng hộ và khả năng cung cấp nước cho các sông, suối.

Thứ sáu, đánh giá hiện trạng và xác định khả năng ứng phó với BĐKH của các hệ thống công trình thủy lợi. Kịp thời dự báo, cảnh báo các hiện tượng khí hậu, thời tiết cực đoan, đồng thời đảm bảo mục tiêu đặc biệt riêng của từng địa phương trong khu vực■

Essen - Thủ đô xanh của châu Âu 2017



▲ Với nhiều giải pháp hiệu quả, Essen đã khôi phục được không gian xanh của TP

Essen là TP lớn thứ 9 ở Đức, phía Bắc bang Rhine-Westphalia, với diện tích 210,3 km² và dân số khoảng 573.784 (2015). Trước đây, Essen từng là một trong những trung tâm than đá và thép quan trọng bậc nhất của Đức. Câu chuyện “chuyển mình” thành công trong 150 năm để trở thành TP “xanh” của Essen là một mô hình chuyển đổi cơ cấu kinh tế mà nhiều TP khác cần học tập. Đây là lần đầu tiên mà một TP của ngành công nghiệp khai thác mỏ đạt được Giải thưởng, nhờ những nỗ lực thúc đẩy cuộc sống đô thị thân thiện với môi trường, giải quyết triệt để hậu quả môi trường của một nền công nghiệp nặng, chuyển sang “TP xanh và sạch, vì chất lượng cuộc sống của người dân”. Essen được Ủy ban châu Âu đánh giá cao về quản lý nước thải, hệ thống quản lý môi trường tích hợp và cải tiến hệ thống xử lý nước thải sông Emscher.

TP DÀNH CHO NGƯỜI DÂN

Essen hướng tới một TP thịnh vượng, bền vững về kinh tế, có khả năng thích ứng tốt với biến đổi khí hậu và môi trường sống trong lành. Những khu đất mỏ, khu công nghiệp, khu thương mại không còn hoạt động chiếm hơn

một nửa diện tích lãnh thổ, nay được cải tạo và trồng cây xanh.

Trước đây, ngành công nghiệp đóng vai trò trọng yếu, nhưng hiện nay, ngành dịch vụ và tài chính chiếm khoảng 80% lực lượng lao động, với 140.000 người. Việc đầu tư vào xanh hóa TP đang giúp tạo ra nhiều công việc mới. Theo đó, Essen đã đặt mục tiêu tạo ra 20.000 việc làm trong lĩnh vực môi trường vào năm 2035. Mặt khác, Essen đã và đang thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng xanh, xây dựng các công viên có giá trị giải trí cao, khuyến khích những lĩnh vực kinh doanh sáng tạo và thân thiện với môi trường, phát triển hệ thống giáo dục thống nhất và thực hiện các dự án chuyển đổi bền vững.

Tại Essen, nước đóng một vai trò quan trọng trong con

đường phát triển bền vững. TP đã nâng cấp, cải tạo hệ thống cống thoát nước, giúp thu hồi nước mưa, ngăn ngừa ngập úng và chứa được nước ngầm, đồng thời, khôi phục hệ sinh thái và môi trường nước sông Emscher, đoạn chảy qua phần phía Bắc của TP, nơi đây đã từng là một kênh nước thải của nhiều nhà máy xung quanh, nước kênh bị ô nhiễm bởi rất nhiều chất độc hại làm cho hệ sinh thái bị hủy diệt gần như hoàn toàn. Con sông Emscher đã được khôi phục trở lại nhờ sự đầu tư lớn vào cơ sở hạ tầng, bao gồm việc xây dựng hàng trăm km cống ngầm dưới lòng đất. Sau 13 năm (1992 - 2015), chất lượng nước đã được cải thiện đáng kể và cá đã trở lại sông.

Thời gian tới, với vai trò là “Thủ đô xanh của châu Âu”, Essen sẽ áp dụng các giải pháp



▲ Việc cải thiện môi trường nước sông Emscher được TP. Essen ưu tiên hàng đầu để hướng tới phát triển bền vững

để cải thiện chất lượng môi trường TP và đưa ra các dự án mới để tiếp tục quá trình chuyển đổi. Mặt khác, chính quyền TP cũng kêu gọi người dân cùng tham gia các dự án thông qua việc đề xuất các sáng kiến thuộc 5 lĩnh vực như giao thông vận tải, tiêu dùng, không gian xanh, việc làm và cải thiện chất lượng cuộc sống.

THẬP NIÊN XANH

Phát biểu khi nhận Giải thưởng, Thị trưởng TP. Essen, Thomas Kufen cho biết: “Giải thưởng này là dành cho công dân Essen”. Nhờ sự nỗ lực của cộng đồng trong việc nuôi dưỡng và phát triển các khu vực xanh của TP trong nhiều thập niên qua, Essen đã trở thành TP xanh nhất ở Bắc Rhine-Westphalia. Gần 200 dự án cộng đồng vì màu xanh TP nhận được tài trợ. Ngoài ra, còn có sự hợp tác giữa hội nhóm trong TP như: hội tình nguyện, hội làm vườn quy mô nhỏ, hội làm vườn cộng đồng, hội cảnh quan TP, hội nông dân... Essen đã thành công trong việc thay đổi cơ cấu để trở thành TP xanh thứ ba ở Đức. Ngay từ đầu thế kỷ 20, các nhà quy hoạch đô thị đã thúc đẩy kế hoạch phát triển bền vững TP. Cùng với các bên liên quan, chính quyền TP đang thực hiện các biện pháp phát triển đô thị có tác động tích cực đến môi trường, biến Essen trở thành một TP đáng sống bậc nhất thế giới. Bằng cách này, chính quyền TP hy vọng sẽ thúc đẩy và nhân rộng mô hình đô thị thân thiện với môi trường.

Năm 2017 là năm đầu tiên bắt đầu “thập niên xanh” cho TP. Sang năm 2018, mỏ than cuối cùng sẽ bị đóng cửa. Đến năm 2020, việc

“Thủ đô xanh của châu Âu” là giải thưởng uy tín của Ủy ban châu Âu được trao cho TP trong khu vực châu Âu, đáp ứng tốt nhất các tiêu chuẩn về môi trường và cam kết sẽ thực hiện các mục tiêu đưa ra nhằm cải thiện môi trường, hướng tới phát triển bền vững. Giải thưởng nhằm tạo động lực khuyến khích các TP tham gia chương trình. Tất cả các TP khi tham gia phải trả lời các câu hỏi liên quan đến 12 tiêu chí môi trường: Biến đổi khí hậu, giao thông địa phương, khu vực xanh của đô thị, đa dạng sinh học, chất lượng không khí, tiếng ồn, quản lý chất thải, kinh tế thủy lợi, quản lý hệ thống thoát nước, đổi mới sinh thái, hiệu quả năng lượng và quản lý môi trường.

Thành phố đạt giải sẽ là một mô hình để khích lệ các TP khác học theo, đồng thời thúc đẩy xây dựng môi trường xanh tại tất cả các TP ở châu Âu. “Thủ đô xanh châu Âu” đã được trao cho Stöckholm (Thụy Điển, 2010), Hamburg (Đức, 2011), Vitoria-Gastiez (Tây Ban Nha, 2012), Nantes (Pháp, 2013) và Copenhagen (Đan Mạch, 2014), Bristol (Anh, 2015), Ljubljana (Slovenia, 2016) và Essen (Đức, 2017). Ban Giám khảo bao gồm các đại diện của Ủy ban châu Âu, Nghị viện châu Âu, Ủy ban các khu vực, Cơ quan Môi trường châu Âu, Cục Môi trường châu Âu...

xây dựng lại và phục hồi môi trường sông Emscher sẽ được hoàn thành và năm 2027, Essen sẽ giành quyền tổ chức Triển lãm Vườn Quốc tế. Giải thưởng “Thủ đô xanh của Châu Âu” được trao cho TP đi đầu trong việc phát triển cuộc sống đô thị kết hợp với

BVMT. Đây là sự ghi nhận những nỗ lực của Essen, đồng thời mang lại động lực cho TP trên đà phát triển thịnh vượng trong tương lai, giúp TP trở thành một điểm đến hấp dẫn■

LƯU TRANG

(Theo Europa.eu source)



EDITORIAL COUNCIL

Nguyễn Văn Tài
(Chairman)

Prof. Dr. **Đặng Kim Chi**

Dr. **Mai Thanh Dung**

Prof. DrSc. **Phạm Ngọc Đăng**

Dr. **Nguyễn Thế Đồng**

Prof. Dr. **Nguyễn Văn Phước**

Dr. **Nguyễn Ngọc Sinh**

Assoc.Prof.Dr. **Nguyễn Danh Sơn**

Assoc.Prof.Dr. **Lê Kế Sơn**

Assoc.Prof.Dr. **Lê Văn Thắng**

Prof. Dr. **Trần Thục**

Dr. **Hoàng Văn Thức**

Assoc.Prof.Dr. **Trương Mạnh Tiến**

Prof. Dr. **Lê Văn Trình**

Prof.Dr. **Nguyễn Anh Tuấn**

Dr. **Hoàng Dương Tùng**

Prof. Dr. **Bùi Cách Tuyền**

EDITOR - IN - CHIEF

Đỗ Thanh Thủy

Tel: (024) 61281438

OFFICE

● Hanoi:

Floor 7, lot E2, Duong Dinh Nghe Str.,
Cau Giay Dist. Hanoi

Managing board: (024) 66569135

Editorial board: (024) 61281446

Fax: (024) 39412053

Email: tapchimoitruongtcmt@vea.gov.vn

<http://www.tapchimoitruong.vn>

● Ho Chi Minh City:

A 403, 4th floor - MONRE's office complex,
No. 200 - Ly Chinh Thang Street,
9 ward, 3 district, Ho Chi Minh city

Tel: (028) 66814471; Fax: (028) 62676875

Email: tcmtphianam@gmail.com

PUBLICATION PERMIT

Nº 1347/GP-BTTTT - Date 23/8/2011

Photo on the cover page:

Monre's Minister **Trần Hồng Hà**
inspects **Hậu Giang Lee & Man**
Paper Mill.

Photo by: **Việt Hùng**

Processed & printed by:

Hải Anh Co., Ltd

Nº 10/2017

Price: 15.000VND

IN THIS ISSUE



EVENTS - ACTIVITIES

- [6] • Natural resources and environment sector implements its political tasks with a comprehensively renewed direction spirit
- [57] • Strengthening integrated river basin management



LAW - POLICY

- [8] ĐINH HƯƠNG: Close supervision of environmental protection commitments by **Hậu Giang Lee and Man Pulp and Paper Mill**
- [10] HỒ KIÊN TRUNG: Enhancing reception and dealing with feedback and recommendations from individuals and organizations on pollution via hot lines
- [12] NGUYỄN THƯỢNG HIẾN, ĐỖ TIẾN ĐOÀN: Current status of medical hazardous waste management and proposed solutions
- [16] LÊ TUẤN ĐỊNH: Hà Nội determined to address environmental issues
- [18] NGUYỄN THÀNH SINH: Lào Cai implements effectively environmental regulations
- [22] HỒNG HẠNH: Quảng Trị implements effective measures on biodiversity conservation
- [24] NGUYỄN MẠNH ĐIẾP: Việt Nam Coal and Mineral Cooperation focuses on implementing effectively environmental protection tasks



VIEW EXCHANGE - FORUM

- [26] NGUYỄN HẰNG: Mekong Delta climate resilient and sustainable development
- [29] TRẦN BÍCH HỒNG, HÀN TRẦN VIỆT: Applying insurance for environmental damage compensation in Việt Nam: easy and difficult aspects
- [30] PHƯƠNG LIÊN: Increasing supervision of wild bird hunting and trade in Việt Nam
- [32] ĐỖ MINH PHƯỢNG: Protecting endangered sea turtles



GREEN SOLUTIONS - TECHNOLOGY

- [34] TRẦN ĐỨC HẠ: Sludge management in hospital and medical facilities
- [36] TRẦN NGỌC HÙNG: Geotechnical materials- effective solution for landfill pollution mitigation
- [38] LÊ XUÂN ÁI, LÊ VINH THUẬN: Applying technology for restoring some rigid coral reefs in Cù Lao Chàm Marine Protected Area



GREEN GROWTH

- [39] PHẠM THỊ HUỆ: Transport's environmental impact and recommendation for green house gas mitigation
- [45] NGUYỄN THANH NGÂN: Greening offices: a new trend
- [46] THANH HÀ: Washington D.C efforts in greening development
- [49] LÊ THỊ TỐ QUYÊN: Solid waste treatment- an issue in Nam Du island



ENVIRONMENT & BUSINESS

- [50] THU THẢO: Phước An Coffee: brand name of clean and high quality coffee
- [52] NGUYỄN QUANG LỢI: Việt Nam Apatit Company ensures occupational safety and environmental protection in mining operation
- [54] HUỖN TRANG: Pymepharco Joint Stock Company protects the environment for public health



ENVIRONMENT & DEVELOPMENT

- [56] NGUYỄN MẠNH HÙNG: 1st Bản Giốc tourism festival in 2017: promoting sustainable tourism, along with security and defense assurance
- [58] VŨ THỊ HẠNH: Biodiversity conservation in West Nghệ An biosphere reserve: 10 year review
- [59] NGUYỄN THỊ HƯỜNG: Sustainable development of **Tiến Hải Protected Area**
- [61] HOÀNG MINH NGUYỆT: A veteran maintains green colour for **Nhàn Mount**
- [62] NGUYỄN MẠNH CƯỜNG: Boosting conservation, exploitation and development of genetic sources in **Cúc Phương National Park**
- [64] NGUYỄN THỊ THU HÀ: Effective exploitation and use of water resources for climate change responses in **Hà Giang**



AROUND THE WORLD

- [66] LƯU TRANG: Essen - Green capital in Europe

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TÂN ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Ấp Tân Long, Xã Hòa Thành, Huyện Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phát Tân Đồng Tháp là đơn vị được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp phép xử lý chất thải nguy hại ngày 22/04/2015, những hoạt động và thế mạnh của doanh nghiệp là xử lý chất lượng tốt các loại chất thải nguy hại. Hiện đang là thế mạnh, chuyên trong các hạng mục xử lý đạt chất lượng và kết quả tốt nhất trong lĩnh vực:

Xử lý chất thải nguy hại

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN NÉN NĂNG LƯỢNG THỪA THIÊN HUỆ (HUE WOOD PELLET JOINT STOCK COMPANY)

Chào Mừng Lễ Kỷ Niệm

13 Năm Ngày Doanh Nhân Việt Nam

(19/09/2003 - 19/09/2016)

Và Ngày Nhà Giáo Việt Nam (20/11)



Đc: Công nghiệp Thủy Phương, P. Thủy Phương, Tx. Hương Thủy, T. Thừa Thiên Huế
Điện thoại: 0234 3965943 | Fax: 0234 3965942 | Email: huwopeco@gmail.com



PHÒNG TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG HUYỀN SA THẦY

Địa chỉ: Thôn 2, thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum



TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CÔNG NGHIỆP II

Văn phòng : Lầu 2, số 12 đường Võ Văn Kiệt,
P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38217385 ; Fax: 028.38217511

Website: www.kiemdinh.com.vn

Trung tâm Kiểm định công nghiệp II thành lập từ năm 1997 theo Quyết định số 19/1997/QĐ-BCN ngày 26 tháng 12 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp. Hoạt động chính như sau:

1. Kiểm định và cấp giấy chứng nhận về kỹ thuật an toàn : Các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành.
2. Thử nghiệm, thí nghiệm, kiểm tra, hiệu chuẩn các thiết bị đo, vật liệu, máy công nghiệp.
3. Kiểm tra, kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa và thiết bị công nghiệp.
4. Kiểm toán, tư vấn, đo hiệu suất, chuyển giao các giải pháp tiết kiệm năng lượng.
5. Tư vấn, quan trắc, đo kiểm, phân tích, đánh giá, xử lý công nghệ về môi trường.
6. Đào tạo, huấn luyện về kỹ thuật an toàn đối với các máy, thiết bị, hóa chất.. có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: thợ hàn áp lực, công nhân vận hành, người lao động, người quản lý.

"AN TOÀN - CHẤT LƯỢNG - KỊP THỜI - HIỆU QUẢ"



CÔNG TY TNHH MTV THANH SINH

Đc: Ấp Cây Xoài , xã Tân An, H. Vĩnh Cửu, Đồng Nai

Công ty TNHH MTV Thanh Sinh được thành lập và đi vào hoạt động vào năm 2014 với ngành nghề chính là hoạt động trong lĩnh vực môi trường, tái chế phế liệu kim loại.

Trong quá trình hoạt động công ty luôn hoàn thành đầy đủ trách nhiệm và đúng quy trình theo quy định của pháp luật. Công ty luôn đặt uy tín chất lượng lên hàng đầu, cùng với sự nỗ lực không ngừng của cán bộ và nhân viên công ty, Thanh Sinh đang dần trở thành một trong những đơn vị hàng đầu trên địa bàn cũng như toàn quốc trong lĩnh vực hoạt động của mình.

Hoạt động tái chế phế liệu kim loại luôn gắn liền với công tác đảm bảo an toàn trong vấn đề môi trường. Vì thế ngoài nỗ lực phát triển công ty theo nhiều mặt đi lên thì công ty cũng luôn coi trọng công tác môi trường một cách đặc biệt.

Bảo vệ môi trường - Cốt lõi của sự phát triển!



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN - HÓA CHẤT PHÚ THỌ

Địa chỉ: Khu 7, xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ

Giám đốc: Ông Lê Trung Kiên - Điện thoại: 0210 3873 239 - FAX: 0210 3873 314



*Chào mừng Kỷ niệm 63 năm
Ngày giải phóng Thủ đô 10/10/1954 - 10/10/2017*

BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN NA HANG

Địa chỉ: Tổ 7, thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang

Giám đốc: Ông Phạm Đức Cường - Điện thoại: 027. 3864110



▲ Ông Phạm Đức Cường, Giám đốc Bệnh viện

Bệnh viện Đa khoa huyện Na Hang là đơn vị trực thuộc Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang, với chức năng khám, chữa bệnh đa khoa cho nhân dân trên địa bàn huyện Na Hang; được giao 70 giường, giường bệnh thực tế 95 giường, biên chế 65 cán bộ; hiện tại bệnh viện biên chế 56 cán bộ và tổng số cán bộ là 66 người, trong đó hợp đồng lao động là 10 người.

Cùng với đó, được sự quan tâm, chỉ đạo của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện và của Sở Y tế Tuyên Quang, đã tạo điều kiện cho Bệnh viện tổ chức triển khai các hoạt động chuyên môn theo đúng quy định.

Ngay từ đầu năm, Bệnh viện đã có Quyết định số 20/QĐ-BV về giao chỉ tiêu Kế hoạch cho các khoa, phòng và xây dựng Kế hoạch số 21/KH-BV ngày 21/01/2016 để triển khai thực hiện. Bệnh viện đã xây dựng và ban hành Quy chế chỉ tiêu nội bộ, quy chế được thông qua toàn thể cán bộ, viên chức Bệnh viện.

Bệnh viện đã trang bị thêm một số trang thiết bị phục vụ công tác điều trị, chẩn đoán theo hình thức xã hội hóa như: Máy điện giải độc. Thực hiện đúng quy chế chuyên môn và quy trình kỹ thuật theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Không có trường hợp nào xảy ra sai sót

chuyên môn, kỹ thuật, các quy định về y đức, giao tiếp, ứng xử của cán bộ y tế.

Triển khai và ký cam kết "Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người Bệnh".

Ban Giám đốc bệnh viện đã chỉ đạo các khoa, phòng bệnh viện tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy chế chuyên môn theo quy định, nhất là việc thực hiện quy tắc giao tiếp ứng xử của cán bộ y tế đối với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân.

Với những chỉ đạo sát sao của Ban Giám đốc, sự đồng thuận của cán bộ y, bác sỹ, nhân viên trong bệnh viện, làm việc hết mình vì sức khỏe của người bệnh. Mong rằng các cơ quan chức năng quan tâm hơn đến Bệnh viện Đa khoa huyện Na Hang, hỗ trợ tối đa các thiết bị, máy móc... nhằm cải thiện hơn trong công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân.

*Chào mừng Kỷ niệm 63 năm
Ngày Giải phóng Thủ đô 10/10/1954 - 10/10/2017*



XÍ NGHIỆP THỨC ĂN CHĂN NUÔI THỦY SẢN

Quốc Lộ 91, Vàm Cống, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Tel: 0296. 3 831540 - 3 930136 - 3 83120 * Fax: 0296. 3 831230

Web www.feedafix.com.vn * E-mail: xntaag@gmail.com

Xí Nghiệp Thức Ăn Chăn Nuôi - Thủy sản thuộc công ty XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang, tọa lạc trên Quốc Lộ 91, Phường Mỹ Thạnh, Thành Phố Long Xuyên, An Giang, cấp bờ sông Hậu, sát cụm phà Vàm Cống, thuận lợi để giao thương hàng hóa cả đường bộ lẫn đường sông. Là đơn vị chuyên sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản cho vùng đồng bằng sông Cửu Long, hơn 20 năm hoạt động, Xí Nghiệp đã không ngừng phát triển và lớn mạnh, trở thành một trong những doanh nghiệp có uy tín và hoạt động có hiệu quả trong cả nước.

Các dòng sản phẩm chính:

➤ **Thức ăn thủy sản**

➤ **Thức ăn gia cầm**

➤ **Thức ăn gia súc**

➤ **Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi**



KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ

ĐIỂM ĐẾN LÝ TƯỞNG CHO NHÀ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CP KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ

Thị trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

Tel: (+84) 271 3834 666 * Fax: (+84) 271 3833 838

Email: bdp@bacdongphu.vn * Web: www.bacdongphu.vn

Nằm tại thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú và một phần đất tại xã Tiến Hưng thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Khu công nghiệp (KCN) Bắc Đồng Phú sở hữu nhiều lợi thế về vị trí để phát triển kinh tế, là điểm lựa chọn đáng tin cậy cho nhiều nhà đầu tư.

KCN Bắc Đồng Phú (tổng diện tích 190,4 ha, kinh phí đầu tư hơn 277 tỷ đồng) là cầu nối giữa miền Đông Nam bộ với các tỉnh Tây Nguyên thông qua quốc lộ 14 và ĐT 741. Bên cạnh đó, trục đường ĐT 747 nối các khu vực như cảng Sông Thần, cảng Thạnh Phước, Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai... sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân phối hàng hóa cũng như xuất khẩu. KCN Bắc Đồng Phú được xây dựng theo tiêu chí KCN tập trung đa ngành, tiếp

nhận các dự án đầu tư cơ sở sản xuất - kinh doanh không gây ô nhiễm môi trường, bao gồm các ngành nghề như may mặc, điện tử, gia công đóng gói, sản xuất gỗ... được đầu tư xây dựng với quy mô lớn, hiện đại, đồng bộ, bảo đảm điều kiện để phát triển công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường bền vững. Bên cạnh đó, với việc gần trung tâm Bình Phước và nhiều khu dân cư lớn nên mục đích phát triển của KCN Bắc Đồng Phú là "đầu tư phát triển bền vững" góp phần vào thành công chung cho sự nghiệp phát triển tỉnh nhà. Chính vì thế, ngoài việc phát triển kinh tế, giải quyết việc làm cho lao động trong khu vực (hiện nay KCN giải quyết khoảng 15000 lao động địa phương), tạo ra lợi ích tối đa cho nhà đầu tư thì vấn đề môi trường cũng được công ty đặc biệt quan tâm. Cụ thể, trong định hướng phát triển, KCN Bắc Đồng Phú sẽ ưu tiên thu hút các ngành nghề ít ô nhiễm, đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt cột A trước khi thải ra môi trường (công suất nhà máy hiện nay đạt 2000 m3 ngày/đêm).

Ngoài đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN Bắc Đồng Phú, Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú hiện đang tiến hành triển khai dự án KCN Nam Đồng Phú.

- Công ty đã đầu tư xây dựng hoàn chỉnh Nhà máy xử lý nước thải tập trung công suất 1000m3/ngày/đêm và hoàn thành các hạ tầng thiết yếu để thu hút đầu tư. Trong các doanh nghiệp đã ký hợp đồng, đặc biệt là dự án chế biến gỗ MDF của Công ty CP FSC Việt Nam với vốn đầu tư đăng ký là 2.280 tỷ đồng, hiện đang triển khai xây dựng.

Nhằm thực hiện tốt vấn đề thúc đẩy phát triển kinh tế, KCN cần có sự phối hợp giữa chủ đầu tư hạ tầng và các cơ quan quản lý nhà nước, đặc biệt trong 4 khâu chính: Thủ tục cấp phép đầu tư, giấy phép xây dựng và giải phóng mặt bằng; sự phối hợp trong xây dựng hạ tầng KCN; sự phối hợp để cùng tuyên truyền quảng bá, giới thiệu cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước biết đến các KCN và cần có cơ chế chính sách rõ ràng, công khai, công bằng cho các nhà đầu tư, không gây lãng phí thời gian trong việc giải quyết các thủ tục hành chính làm ảnh hưởng hoạt động của doanh nghiệp, tin rằng với sự nỗ lực hoàn thiện những điều kiện thuận lợi về hạ tầng cùng với sự thông thoáng về cơ chế chính sách sẽ tạo đà cho Công ty cổ phần KCN Bắc Đồng Phú có bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, là điểm đến hấp dẫn cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước góp phần vào việc đưa Bình Phước nổi tiếng và cả nước nói chung tiến bước vào con đường Công nghiệp hóa-Hiện đại hóa đất nước.

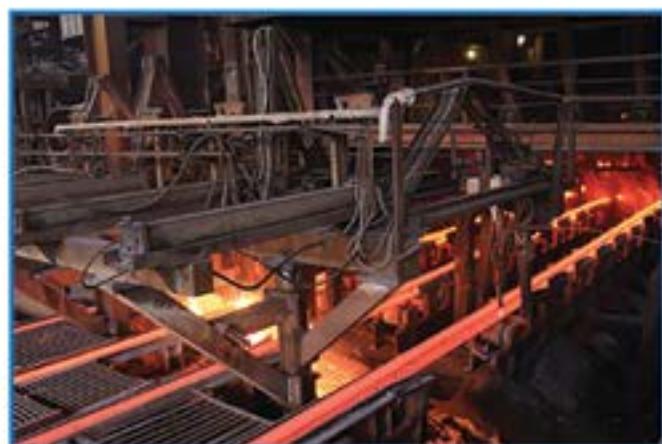


THAI HUNG



Trụ sở Công ty cổ phần thương mại Thái Hưng

Địa chỉ: Tổ 14, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên



Dây chuyền sản xuất phôi thép tại Công ty cổ phần gang thép Thái Nguyên



Dây chuyền sản xuất thép tại Công ty cổ phần thép Việt - Ý

Thái Hưng được thành lập vào năm 1993, trụ sở đặt tại Thái Nguyên. Hiện nay Công ty có 11 phòng, ban nghiệp vụ cùng với 12 công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam, vốn điều lệ: 1.000 tỷ đồng. Công ty có tổng số lao động gần 1.500 người với doanh thu gần 1 tỷ USD mỗi năm.

Thái Hưng là Công ty sản xuất, kinh doanh đa ngành nghề, trong đó kinh doanh sản phẩm thép là ngành nghề mũi nhọn. Trải qua hơn 24 năm xây dựng và phát triển, Thái Hưng đã khẳng định được vị thế của mình là nhà phân phối thép lớn nhất, uy tín nhất tại Việt Nam. Thái Hưng phân phối cho hầu hết các hãng thép nổi tiếng như: thép Việt Ý, thép Úc, thép Vina Kyoel, thép TISCO, thép Hòa Phát, thép Pomina, thép Kyoel Việt Nam. Để cung cấp dịch vụ tốt hơn, toàn diện hơn tới các đối tác nhà thầu, Thái Hưng đã và đang đầu tư một cách bài bản và chuyên nghiệp vào doanh nghiệp Vận tải với hơn 100 xe tải có năng lực vận chuyển, xếp dỡ 8.000 tấn hàng hóa mỗi ngày.

Cuối năm 2016, đầu năm 2017 Thái Hưng chính thức tham vào lĩnh vực sản xuất thép đánh dấu một bước quan trọng trong quá trình phát triển. Thái Hưng đã trở thành cổ đông lớn, nắm giữ cổ phần chi phối tại công ty cổ phần thép Việt - Ý và trở thành cổ đông lớn của Công ty cổ phần gang thép Thái Nguyên.

Thái Hưng đã tạo dựng được mối quan hệ tin tưởng, bền vững với hơn 2.000 đối tác uy tín trong và ngoài nước như: Tổng Vinaconex CC1, Cotecons, Hòa Bình, Đại Quang Minh, Unicons, Cofico, Samsung C&T, SK E&C, Shimizu, Phúc Lộc và Phúc Hưng ... Thái Hưng đã và đang cung cấp thép cho nhiều dự án trọng điểm tại Việt Nam với số lượng thép lớn như dự án đường sắt đô thị Cát Linh - Hà Đông, dự án tòa nhà tháp Vietinbank, cầu Nhật Tân, nhà máy Samsung, cầu Bạch Đằng, dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn, dự án khu căn hộ Vista Verde, khu đô thị Sala của Đại Quang Minh, đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Khách sạn Marriott Phú Quốc ...

Với kinh nghiệm và khả năng của mình, chúng tôi tin rằng Thái Hưng sẽ hoàn thành sứ mệnh của mình, vững bước trên con đường hội nhập kinh tế.



BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH SƠN LA

Số 21 - Tổ 4 - đường Lò Văn Giá - Phường Chiềng Lẻ - TP. Sơn La
Giám đốc: Ông Nguyễn Đức Toàn - Điện thoại: 0223. 852326

**Chào mừng Kỷ niệm 63 năm
Ngày Giải phóng Thủ đô (10/10/1954 - 10/10/2017)**



CÔNG TY THOÁT NƯỚC & XỬ LÝ NƯỚC THẢI ĐÀ NẴNG

18 đường Hồ Nguyên Trừng, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Giám đốc: Ông Mai Mã - Điện thoại: 0236 3621 530



**Chào mừng Kỷ niệm
63 năm Ngày giải phóng Thủ đô
10/10/1954 - 10/10/2017**



LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KINH ĐÔ

Trụ sở chính: 292 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội
ĐT: 024.35115833 - Fax: 024.35375036 - Web: www.kinhdo.com



CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

1. Toà nhà Kinh Đô - 292 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội
2. Khách sạn 1A Tầng Bạt Hồ, Hai Bà Trưng, Hà Nội
3. Liên Doanh Toà nhà Trung tâm - 31 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
4. Tầng 7,8 Trung tâm Thương mại Văn Hồ - 51 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội
5. Tầng 1,2,3 HET TOWER - 01 Ngụy Như Kon Tum, Thanh Xuân, Hà Nội



Được thành lập vào năm 2012 tại Đà Nẵng, GreenViet là một tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học, kết hợp nghiên cứu và giáo dục để giúp cộng đồng hiểu, tôn trọng và bảo vệ thiên nhiên.

Riêng trong lĩnh vực giáo dục bảo tồn thiên nhiên, từ năm 2012, chương trình giáo dục trải nghiệm thiên nhiên bán đảo Sơn Trà và tìm hiểu về loài vượn chà và chân nâu đã tạo điều kiện cho hơn 3000 người dân và học sinh Đà Nẵng được đến với bán đảo Sơn Trà để tham quan và học tập. Hơn 15 nghìn học sinh Đà Nẵng khác đã được tiếp cận với các buổi học ngoại khóa với chủ đề thiên nhiên, môi trường thông qua các hoạt động nâng cao nhận thức tại trường học.

Những hoạt động nâng cao nhận thức không ngừng nghỉ của GreenViet về chà và chân nâu đã góp phần đưa chúng từ một loài thú linh trưởng lạ lẫm với người dân, nay đã trở thành hình ảnh nhận diện của Đà Nẵng trong sự kiện APEC 2017, biểu tượng đa dạng sinh học Đà Nẵng và được cộng đồng trong nước và quốc tế biết đến rộng rãi.



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH HƯNG

Địa chỉ: 272 Lê Đại Hành, tổ 12, phường Hưng Thành, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
Phó Tổng Giám đốc: Ông Lê Cảnh Hiến - Điện thoại: 020. 7387.3148

*Nhà thầu tiên phong
Sản phẩm vượt trội*

Kỷ niệm 63 năm Ngày giải phóng Thủ đô
10/10/1954 - 10/10/2017

TRUNG TÂM Y TẾ KHOÁI CHÂU

Số 6, đường Nguyễn Khoái, Thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Giám đốc: Bà Vũ Thị Ngát - Điện thoại: 0221.391.0727



Chào mừng
Ngày Giải phóng Thủ đô
10/10/1954-10/10/2017

BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN CHIÊM HÓA

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Lim, Thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang
Giám đốc: Ông Nguyễn Hưng Đạo - Điện thoại: 0225. 3700436



▲ Thạc sỹ, Bác sỹ Nguyễn Hưng Đạo, Giám đốc Bệnh viện trao đổi kiến thức chuyên môn với các đồng nghiệp



▲ Các xét nghiệm tại Bệnh viện Đa khoa Chiêm Hóa được thực hiện bằng máy móc hiện đại.



*Chào mừng Kỷ niệm 63 năm
Ngày Giải phóng Thủ đô 10/10/1954 - 10/10/2017*

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 276, đường Trần Phú, phường Yên Thịnh, Thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Điện thoại: 0216 (3)852273

Trong những năm vừa qua Trường Chính trị tỉnh Yên Bái đã quan tâm đổi mới toàn diện các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường từ nội dung chương trình đến phương pháp giảng dạy. Bên cạnh đó, Nhà trường đã tăng cường cơ sở vật chất, phấn đấu xây dựng môi trường xanh - sạch - đẹp.



▲ Khu nhà làm việc của Ban Giám hiệu và cán bộ, giảng viên Trường Chính trị tỉnh Yên Bái

**Chào mừng Kỷ niệm 63 năm Ngày giải phóng Thủ đô
(10/10/1954 - 10/10/2017)**



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÒA BÌNH

Đường Cù Chính Lan, Tổ 15, P. Đồng Tiến, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Giám đốc: Ông Hà Văn Dần - Điện thoại: 0218.3898778



Kỷ niệm 63 năm Ngày giải phóng Thủ đô
(10/10/1954 - 10/10/2017)



CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HIỆP PHÚ

Địa chỉ: Thôn Chè 8, xã Lương Vượng, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
Giám đốc: Ông Phạm Quang Hiệp - Điện thoại: 020 7387 3999

Chào mừng Kỷ niệm 63 năm
Ngày Giải phóng Thủ đô
10/10/1954 - 10/10/2017





CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN
BINH DIEN FERTILIZER JOINT STOCK COMPANY



- **Đầu Trâu 46A+**
- **Đầu Trâu DAP-Avail**



Tiết kiệm hơn
Năng suất hơn

www.binhdien.com



KHU CÔNG NGHIỆP CÁI MÉP (KCN CÁI MÉP) TOA LẠC TẠI 2 XÃ TÂN PHƯỚC VÀ PHƯỚC HOÀ HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 339/QĐ-TTG NGÀY 10/5/2002 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, DO TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN (NAY LÀ TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN) LÀM CHỦ ĐẦU TƯ.

KHU CÔNG NGHIỆP CÁI MÉP MÔ HÌNH MỚI - ƯU THẾ VƯỢT TRỘI NƠI ĐẦU TƯ HẤP DẪN

Với tổng diện tích 670ha, KCN Cái Mép hội tụ những yếu tố căn cốt của một KCN hiện đại nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam bao gồm các tỉnh TP.HCM; Bình Dương; Đồng Nai và Bà Rịa - Vũng Tàu là đầu mối quan trọng cho việc phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

Đặc biệt, là KCN duy nhất ở phía Nam với hệ thống cảng quốc tế Cái Mép nằm tiếp giáp, chạy dọc KCN: Cảng quốc tế Tân Cảng - Cái Mép và cảng container Tân Cảng - Cái Mép (TCCT), có khả năng tiếp nhận tàu trọng tải 110.000 DWT, Cảng container quốc tế SP-SSA, Cảng Gemadept có khả năng tiếp nhận tàu có trọng tải 200.00 DWT.

Nhà đầu tư đến với KCN Cái Mép sẽ rút ngắn được thời gian, giảm tối đa chi phí lưu chuyển nguyên vật liệu và xuất nhập khẩu hàng hoá. Ngoài ra, trong KCN Cái Mép còn có một số cảng chuyên dụng như Cảng bột mì Interflour, Cảng xăng dầu LPG, Cảng xăng dầu Petec, Cảng xăng dầu Cái Mép,... rất thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hoá trong khu vực và quốc tế, là lợi thế cạnh tranh vượt trội của KCN Cái Mép.

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ HẤP DẪN

Ngoài chính sách ưu đãi chung, lợi thế của KCN Cái Mép là xây dựng hệ thống hạ tầng hoàn thiện và quỹ đất lớn, triển khai hoạt động thu hút đầu tư với các chính sách ưu đãi đặc biệt trong việc cho thuê mặt bằng công nghiệp, Ban Quản lý KCN Cái Mép hỗ trợ các thủ tục liên quan đến đầu tư như:

- ▶ Thủ tục xin giấy chứng nhận đầu tư;
- ▶ Khai thuế;
- ▶ Tuyển dụng nhân sự;
- ▶ Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- ▶ Đầu nối điện, nước, điện thoại, internet...

Đây chính là chuỗi cung ứng dịch vụ trọn gói mà KCN Cái Mép mang đến cho khách hàng nhằm tối ưu hoá chi phí khi đầu tư.

